

Số: 269 /TCT-CBTT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2017.

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

- Mã chứng khoán: VGC
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16 & 17 Toà nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 3553.6660 Fax: (84-4) 3553.6671
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Anh Tuấn - Phó tổng giám đốc Tổng công ty Viglacera - CTCP

2. Nội dung công bố thông tin:

Tổng công ty Viglacera - CTCP xin trân trọng công bố Báo cáo thường niên năm 2016 của Tổng công ty Viglacera - CTCP.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Viglacera - CTCP ngày 18 tháng 04 năm 2017 tại đường dẫn <http://www.viglacera.vn/vi/portal/product.php/quan-he-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP, CBTT.TCT

Đại diện tổ chức

Người thực hiện công bố thông tin



KT/TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016





MỤC LỤC

VIGLACERA 2016

Thông điệp Chủ tịch HĐQT	06
10 sự kiện nổi bật năm 2016	08
Chỉ tiêu tài chính nổi bật 2015 - 2016	10

TỔNG QUAN VIGLACERA

Giới thiệu chung	14
Lịch sử hình thành và phát triển	16
Ngành nghề kinh doanh	18
Địa bàn hoạt động	19
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	20
Tổ chức và nhân sự	24
Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết	26
Định hướng phát triển	28
Danh hiệu và giải thưởng	34



BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

Tổng quan tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2016	38
Tình hình tài chính	44
Thông tin vốn cổ phần và cổ đông	46
Quá trình tăng vốn của Tổng công ty	47
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	48
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	56

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thông tin và hoạt động của HĐQT	62
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát	63
Báo cáo quản trị rủi ro	66

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Viglacera - Định hướng khách hàng	70
Viglacera - Chất lượng sản phẩm	71
Viglacera - Trách nhiệm xã hội	71

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng	74
Báo cáo tài chính hợp nhất	86





VIGLACERA 2016

Thông điệp Chủ tịch HĐQT	06
10 sự kiện nổi bật năm 2016	08
Chỉ tiêu tài chính nổi bật 2015 - 2016	10



Năm 2016, VIGLACERA đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra, các chỉ tiêu chính tăng trưởng mạnh so với kết quả đạt được năm 2015. **Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 768,7 tỷ đồng, tăng 46%** so với thực hiện năm 2015; Doanh thu đạt 8.138 tỷ đồng. Đặc biệt, **lợi nhuận Công ty mẹ đạt 440,8 tỷ đồng, tăng 79%** so với thực hiện năm 2015; vượt 57% so với KH thông qua ĐHĐCĐ. Trong đó, tất cả các nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng đều hoạt động có lãi, đặc biệt là **nhóm sản phẩm kính xây dựng, gạch ốp lát, sứ - sen vôi có lợi nhuận tăng trưởng cao; Lĩnh vực bất động sản đạt lợi nhuận 179 tỷ đồng.**



524,3
tỷ đồng768,7
tỷ đồng

↑46,6%

Kính thưa Quý Cổ đông!

Năm 2016 là một năm ghi dấu ấn đặc biệt trong lịch sử phát triển của Tổng công ty Viglacera (VGC) với mức lợi nhuận cao đến từ các nhóm: Bất động sản, vật liệu xây dựng công nghệ cao và đặc biệt là từ nhóm sản phẩm Kính xây dựng. Tháng 7/2016, Viglacera đã chính thức khánh thành Nhà máy Kính tiết kiệm năng lượng đầu tiên tại khu vực Đông Nam Á, được Thủ tướng Chính phủ xếp vào danh mục dự án công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế.

Cũng trong năm 2016, lần đầu tiên, Tổng công ty đã tăng vốn điều lệ lên 3.070 tỷ đồng thông qua việc phát hành 30.000.000 cổ phiếu ra công chúng và 12.500.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2016). Bên cạnh đó, VGC đã hoàn thành việc chuyển từ sàn UpCom sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết hơn 65 triệu cổ phiếu. Thành công trong phát hành cổ phiếu là tiền đề để Viglacera tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và minh bạch hơn trong quản trị điều hành.

Với chiến lược phát triển dựa trên 3 trụ cột chính là công nghệ, vốn và nguồn nhân lực, Viglacera hiện vẫn đang giữ vị trí là doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng tại thị trường trong nước và là nhà đầu tư khu công nghiệp lớn nhất miền Bắc, sản phẩm mang thương hiệu Viglacera đã hiện diện trên 40 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Thưa Quý vị,

Năm 2016 với nhiều kết quả nổi bật đánh dấu sự thành công trong quá trình tái cơ cấu đã khẳng định hướng đi đúng đắn của Tổng công ty khi chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần, tạo nguồn lực cần thiết để đầu tư mở rộng, đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu, giá trị sản xuất, hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững của Viglacera trong tương lai.

VIGLACERA 2017 - Trồng cây thu quả ngọt

Năm 2017 - 2018 sẽ là năm đầu tư trọng điểm của Tổng công ty Viglacera với chiến lược dài hơi "trồng cây thu quả ngọt", tập trung đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghệ cao và phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị.

Tăng trưởng bền vững

Năm 2017, Viglacera đặt ra các chỉ tiêu chính của KH SXKD tiếp tục tăng trưởng so với năm 2016: Lợi nhuận trước thuế của TCT – CTCP tăng 10%; Thu nhập bình quân một cổ phần (EPS) dự kiến là 1.663 đồng, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức ở mức 9% - 10%.

Tiên phong công nghệ cao

Đối với lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, Viglacera tiếp tục tập trung đầu tư sản xuất các dòng sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chuẩn tiên tiến quốc tế.

Tập trung phát triển hạ tầng khu công nghiệp

Hiện tại, Viglacera đang sở hữu 10 khu công nghiệp với tổng diện tích 3.580 ha tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước. Các khu công nghiệp mà Viglacera xây dựng đều nằm ở vị trí thuận lợi về giao thông, viễn thông, hàng không, cảng biển, ngân hàng, hải quan... đã thu hút nhiều nhà đầu tư lớn, tạo ra nguồn doanh thu ổn định cho Viglacera trong các năm tiếp theo.

Lãnh đạo Tổng công ty vô cùng trân trọng và tri ân công sức đóng góp của tập thể cán bộ công nhân viên Viglacera cũng như sự đóng góp chia sẻ của quý vị cổ đông để Viglacera có được những thành tựu hôm nay. Với các mục tiêu đã đề ra, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Viglacera càng phải nỗ lực hơn nữa, củng cố năng lực, tiềm lực, phát huy mọi khả năng để làm chủ nền tảng tài sản và công nghệ hiện đại, đưa thương hiệu Viglacera phát triển lên một tầm cao mới, sánh bước với các doanh nghiệp, tập đoàn hàng đầu thế giới, trở thành một Tổng công ty đa quốc gia "**Tiên phong công nghệ cao - Tự hào thương hiệu Việt**".

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT



LUYỆN CÔNG MINH

10

SỰ KIỆN NỔI BẬT
NĂM 2016

1

HOÀN THÀNH THẮNG LỢI VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH ĐÃ ĐƯỢC ĐHCĐ 2016 THÔNG QUA

- Công ty mẹ lãi trước thuế đạt 440,8 tỷ đồng, cao hơn 57% so với KH năm đã cam kết với ĐHCĐ. Viglacera dự kiến chia cổ tức 9,5% cao hơn 2,5% đã cam kết với ĐHCĐ.
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế của TCT – CTCP đạt 768,7 tỷ đồng, tăng 46% so với thực hiện năm 2015. Doanh thu hợp nhất của TCT – CTCP đạt 8.138 tỷ đồng tăng 4,1% so với năm 2015.



2

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SÀN GIAO DỊCH HNX

Ngày 22/12/2016, Viglacera đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán VGC và có giá trị vốn hóa là 4.912 tỷ đồng, tăng 75% so với khi bắt đầu giao dịch tại Upcom. Tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết là hơn 65 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị tính theo mệnh giá là trên 650 tỷ đồng. Giá tham chiếu phiên chào sàn là 15.600 đồng/cổ phiếu.



8

VIGLACERA - Báo cáo thường niên 2016

3

SẢN XUẤT THÀNH CÔNG MÉT VUÔNG KÍNH TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG (KÍNH TKNL) ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM



Dự án đầu tư nhà máy kính tiết kiệm năng lượng công suất 2.300.000m²/năm tại khu sản xuất Tân Đông Hiệp - Dĩ An - Bình Dương được khởi công từ giữa năm 2015. Ngày 25/7/2016 nhà máy đã được hoàn thành và đi vào hoạt động, đã cho ra đời m² kính tiết kiệm năng lượng đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam. Sử dụng kính TKNL trong tòa nhà sẽ giúp tiết kiệm 45% năng lượng điện sử dụng cho điều hòa, ngăn cản gần như tuyệt đối 99% tia tử ngoại UV có hại cho sức khỏe con người.

4

VIGLACERA ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ ĐẠT CHUẨN VƯƠNG QUỐC ANH

Các học viên của Viglacera sau khi tốt nghiệp sẽ được Viglacera đánh giá và đề xuất lên OFQUAL UK để cấp Chứng chỉ nghề quốc tế do chính phủ Anh công nhận, mở ra cánh cửa vào làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp đến từ các nước phát triển khác trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thailand, Hongkong, Australia, New Zealand..... cũng như cơ hội đào tạo nghề cho các lao động đến từ các nước phát triển khác. Đã có hơn 100 học viên đạt các chứng chỉ nghề quốc tế do Hội đồng kỹ năng Nghề Proskills công nhận.



5

LẦN THỨ 3 LIÊN TIẾP ĐƯỢC VINH DANH “THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA” VÀ NHIỀU GIẢI THƯỞNG UY TÍN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

• Năm 2016, thêm một lần nữa, Viglacera được xướng tên với danh vị “**Thương hiệu quốc gia 2016**”. Đây là lần thứ 3 liên tiếp Viglacera được nhận giải thưởng này.

• Bên cạnh đó, trong năm 2016, Viglacera cũng nhận được nhiều giải thưởng uy tín khác như: 7 năm liên tiếp đạt giải **Thương hiệu mạnh Việt Nam**, được tôn vinh **Thương hiệu Xanh** và nằm trong **Top 10 chủ đầu tư Bất động sản uy tín**.



MỞ RỘNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KCN VỚI 10 KCN TRÊN CẢ NƯỚC CÓ TỔNG DIỆN TÍCH 3.580HA



• **Khởi công xây dựng giai đoạn I KCN Tiên Hải – Thái Bình** với quy mô 31,79 ha; Tổng mức đầu tư trên 174 tỷ đồng.

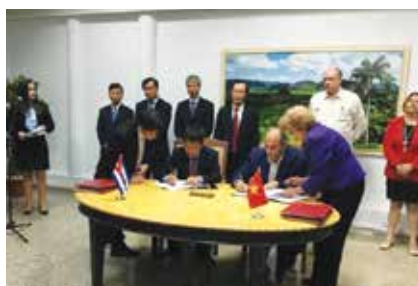
• **Khởi công xây dựng, mở rộng KCN Yên Phong - Bắc Ninh** với diện tích mở rộng 314 ha và được đánh giá là KCN kiểu mẫu, thu hút vốn đầu tư lớn nhất cả nước với giá trị gần 8 tỷ USD, đóng góp 20% vào kim ngạch xuất khẩu cả nước với 28 tỷ USD năm 2015.

• **Khởi công KCN Đồng Văn IV - Hà Nam** với tổng diện tích là 300 ha, hứa hẹn sẽ thu hút thành công nhiều nhà đầu tư lớn trong các lĩnh vực điện tử và công nghiệp công nghệ cao.

ĐẦU TƯ LIÊN DOANH SẢN XUẤT VLXD VÀ KHÁCH SẠN TẠI CUBA

• Viglacera và Tập đoàn Geicon tiếp tục ký thỏa thuận về việc thúc đẩy tiến độ thành lập liên doanh sản xuất sứ vệ sinh và gạch ốp lát, liên doanh có vốn điều lệ là 39.860.000 USD với tỷ lệ góp vốn 50 - 50.

• Viglacera và Tập đoàn khách sạn Islazul ký kết Ý định thư về việc hợp tác đầu tư khách sạn tại Cuba, mở ra một cơ hội rất lớn cho Viglacera đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ du lịch tại Cuba.

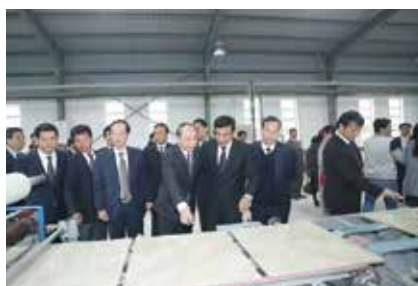


TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC CỐT LÕI – VLXD VỚI CÁC DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

• **Khánh thành nhà máy sản xuất gạch Granite cao cấp tại Thái Bình chuyên sản xuất dòng sản phẩm mới Eco – gạch Granite kỹ thuật số** có cường độ chịu lực cao với công nghệ phủ men nano giúp sản phẩm đạt độ bóng và độ chống thấm vượt trội.

• **Khởi công xây dựng Nhà máy sứ Viglacera Mỹ Xuân tại Vũng Tàu** với tổng mức đầu tư 482 tỷ đồng, công suất 750.000 sản phẩm/năm, dự kiến đầu năm 2018 sẽ đi vào hoạt động.

• **Đầu tư mở rộng dây chuyền II tại Nhà máy gạch Clinker Viglacera** với công suất 2 triệu m²/năm, nâng công suất toàn nhà máy lên 4 triệu m²/năm.



KHÁNH THÀNH DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NUNG ĐỐT 100% NGÓI NÂNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO SẢN PHẨM ĐẤT SÉT NUNG ĐỒNG THỜI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

• Dự án chuyển đổi sản xuất 100% ngói tại Nhà máy gạch Hoàn Bồ - Công ty CP Viglacera Hạ Long có quy mô công suất đạt 26 triệu viên/năm với chất lượng sản phẩm tỷ lệ thu hồi AB/mộc ≥95%, tỷ lệ A1/AB ≥67%.



HOÀN THÀNH ĐẦU TƯ NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI ĐẶNG XÁ – KHU ĐÔ THỊ DÀNH CHO NGƯỜI CÓ THU NHẬP THẤP THÀNH CÔNG NHẤT CẢ NƯỚC

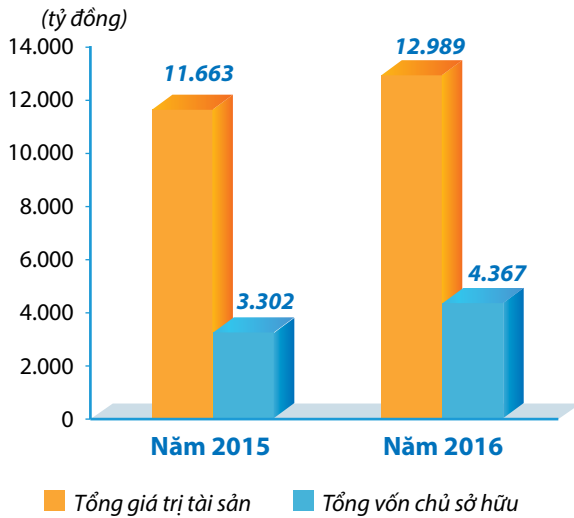
• Các dự án Nhà ở xã hội của Viglacera đều đáp ứng tiêu chí: “Nhà thu nhập thấp nhưng chất lượng không thấp”. Các căn hộ trong KĐT Đặng Xá đều được hoàn thiện bằng các vật liệu mới, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

• Khu nhà ở xã hội tại Đặng Xá dành cho người thu nhập đã được Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đánh giá là mô hình tốt và là cơ sở để đúc rút bài học kinh nghiệm, nhân rộng trên cả nước. Đồng thời, công trình đã dành được Giải thưởng “**Kiến trúc Xanh Việt Nam 2014**”, “**Công trình Chất lượng cao**” và được vinh danh tại **Giải thưởng Bất động sản quốc tế**.

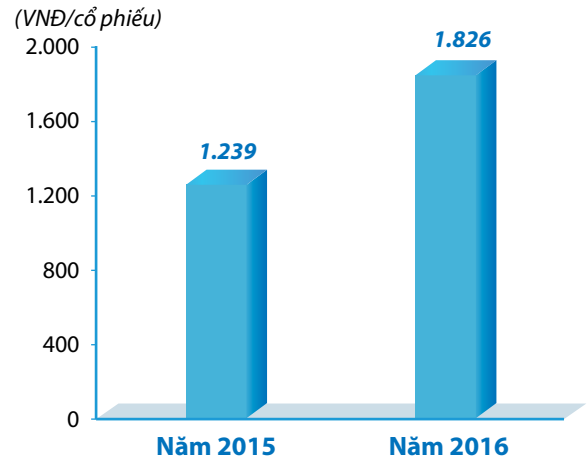


CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2015 – 2016

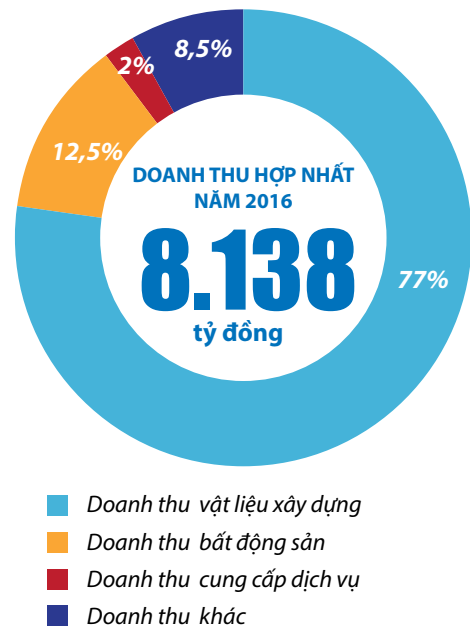
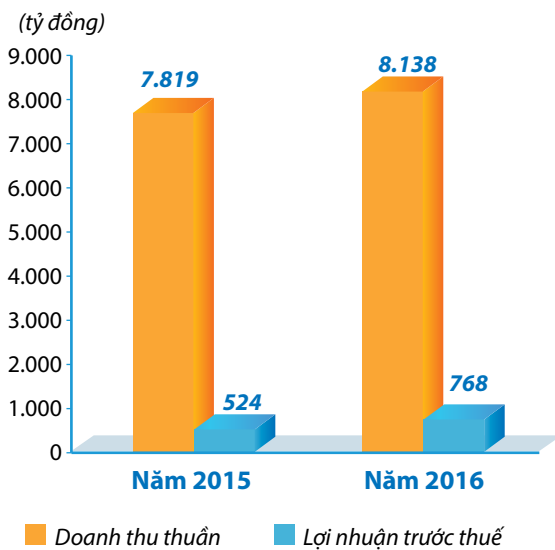
Tổng tài sản, vốn chủ sở hữu năm 2015 - 2016



Lãi cơ bản trên cổ phiếu



Doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế năm 2015 - 2016









TỔNG QUAN VIGLACERA

Giới thiệu chung	14
Lịch sử hình thành và phát triển	16
Ngành nghề kinh doanh	18
Địa bàn hoạt động	19
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	20
Tổ chức và nhân sự	22
Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết	26
Định hướng phát triển	28
Danh hiệu và giải thưởng	34



TÊN CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP
Tên tiếng Anh
VIGLACERA CORPORATION - JSC
Tên viết tắt
VIGLACERA

Trụ sở chính
Tầng 16 và 17, Tòa nhà Viglacera,
Số 1 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, Nam
Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3553 6660

Fax: (84-4) 3553 6671

Web: www.viglacera.com.vn

Email: info@viglacera.com.vn

Vốn điều lệ:

3.070
tỷ VND

↳ **Giấy CNĐKKD:**
Số 0100108173 do Sở Kế hoạch
và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu
ngày 01/10/2010; đăng ký thay
đổi lần thứ 06 ngày 26/09/2016

↳ **Mã chứng khoán:** VGC



TẦM NHÌN

Viglacera quyết tâm giữ vững vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, đầu tư và kinh doanh bất động sản tại Việt Nam; Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững để trở thành thương hiệu hàng đầu trong nước và khu vực.



SỨ MỆNH

Viglacera chuyên cung cấp các sản phẩm và dịch vụ có chất lượng và đồng bộ trong lĩnh vực vật liệu xây dựng với chất lượng hàng đầu Việt Nam; Là chủ đầu tư tin cậy trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Tiên Phong
- Năng Động
- Sáng Tạo
- Kiên Trì
- Định hướng khách hàng
- Chất Lượng



VIGLACERA

1974

Công ty Gạch ngói Sành sứ Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 366/BXD ngày 25/07/1974 của Bộ Xây dựng.

1979

Công ty được chuyển đổi thành Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng.

1984

Liên hiệp được chia thành 3 phần, trong đó Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng chỉ quản lý các đơn vị từ Bình Trị Thiên trở ra.

1992

Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng được đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy tinh và Gốm Xây dựng.

1993

Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy tinh và Gốm Xây dựng được đổi tên thành Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng.

1995

Thành lập Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Xây dựng hoạt động theo mô hình Tổng công ty 90.

2006

Tổng công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 576/BXD-QĐ ngày 29/3/2006 của Bộ Xây dựng.

2010

Công ty mẹ - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng chuyển thành công ty TNHH một thành viên và đổi tên thành Tổng công ty Viglacera.



2016

Tổng công ty đã nâng vốn điều lệ lần đầu lên **3.070.000.000.000 VND** thông qua việc phát hành 30.000.000 cổ phiếu ra công chúng và 12.500.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên.

Ngày 22/12/2016, Viglacera đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội – HNX với mã chứng khoán VGC và có giá trị vốn hóa là **4.912 tỷ đồng**.

2015

Ngày 15/10/2015, cổ phiếu của Tổng công ty được chính thức giao dịch trên sàn UpCOM.

2014

Tổng Công ty Viglacera đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Giá đấu thành công bình quân đạt 10.300 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera là **2.645.000.000.000 VND** (Hai ngàn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).

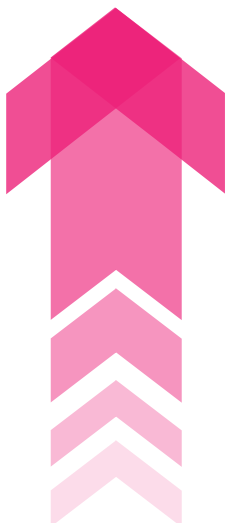
Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Viglacera - CTCP chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

2013

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Tổng công ty Viglacera thành công ty cổ phần tại Quyết định số 2343/QĐ-TTg.

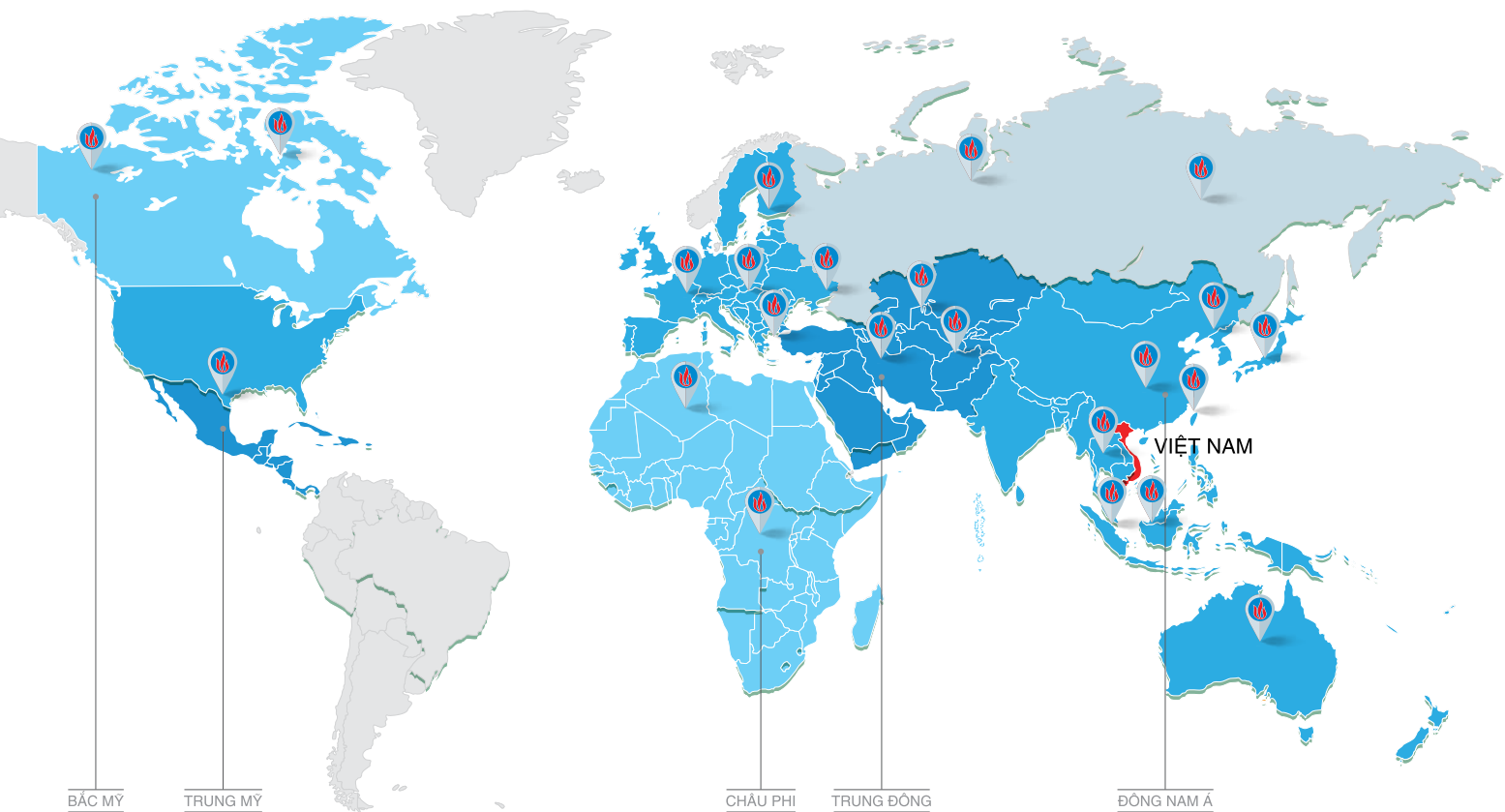
2012

Chuyển giao quyền và nghĩa vụ Chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng công ty Viglacera từ Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị về Bộ Xây dựng.



STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các chủng loại vật liệu xây dựng; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granite, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, kính tiết kiệm năng lượng các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh.	4663 (chính)
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết - Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; - Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; - Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; - Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; - Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.	6810 (chính)
3	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (chỉ hoạt động định giá bất động sản tại sàn giao dịch); - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản.	6820
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.	4290
5	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật, công nhân sản xuất vật liệu xây dựng, đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.	8559
6	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản.	0899
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).	5510

Viglacera được xếp hạng là một trong những thương hiệu mạnh và uy tín của Quốc gia với mạng lưới hoạt động phủ kín 63 tỉnh, thành Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt 30 triệu USD, sản phẩm Viglacera hiện diện trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.



63

tỉnh, thành
tại Việt Nam



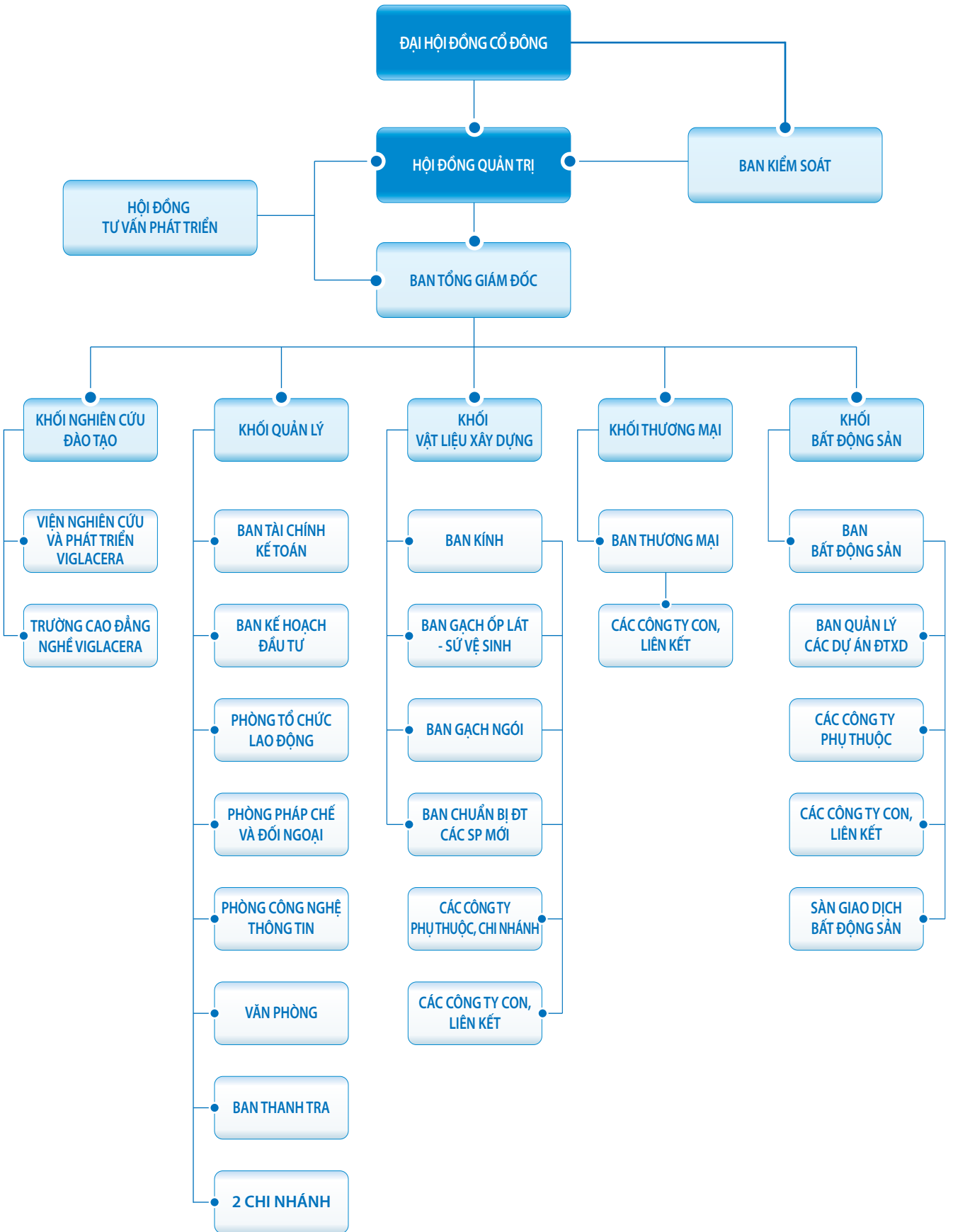
30.000.000 \$

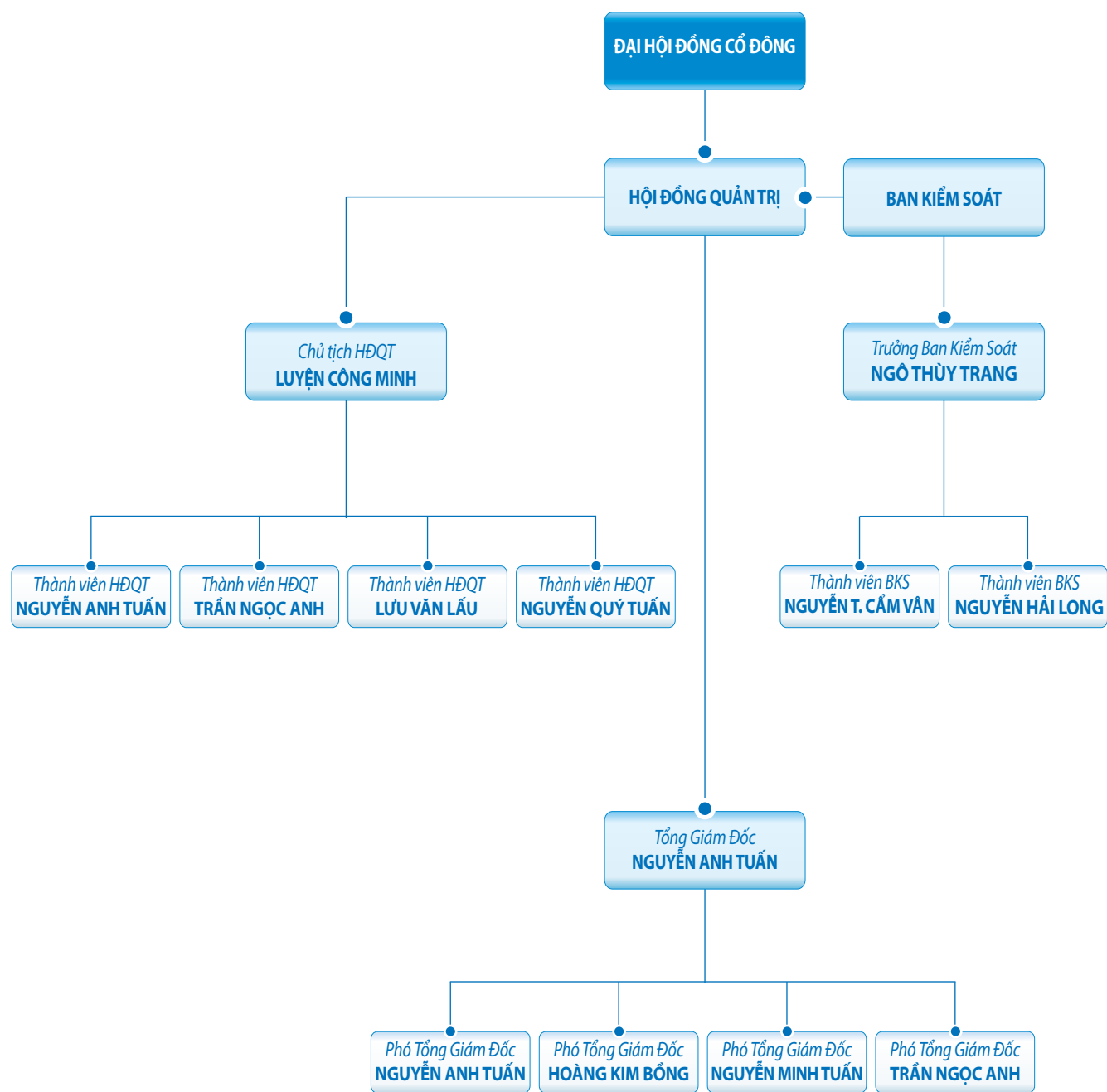
Kim ngạch xuất khẩu/năm



40

quốc gia
trên Thế giới





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LUYỆN CÔNG MINH

- Chủ tịch HĐQT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD



Ông NGUYỄN ANH TUẤN

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư VLXD, Thạc sĩ QTKD



Ông TRẦN NGỌC ANH

- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng



Ông LƯU VĂN LẤU

- Thành viên HĐQT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



Ông NGUYỄN QUÝ TUẤN

- Thành viên HĐQT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư VLXD

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN ANH TUẤN

- ▶ Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc
- ▶ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư VLXD, Thạc sĩ QTKD



Ông TRẦN NGỌC ANH

- ▶ Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc
- ▶ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Ông HOÀNG KIM BÔNG

- ▶ Phó Tổng Giám Đốc
- ▶ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư VLXD, Thạc sĩ QTKD



Ông NGUYỄN MINH TUẤN

- ▶ Phó Tổng Giám Đốc
- ▶ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Thạc sĩ QTKD



NGUYỄN ANH TUẤN

- ▶ Phó Tổng giám Đốc
- ▶ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kt Mô, Thạc sĩ QTKD, Cử nhân luật kinh tế



BAN KIỂM SOÁT



Bà NGÔ THÙY TRANG

- ▶ Trưởng Ban Kiểm Soát
- ▶ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật



Bà NGUYỄN THỊ CẨM VÂN

- ▶ Thành viên Ban Kiểm Soát
- ▶ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



Ông NGUYỄN HẢI LONG

- ▶ Thành viên Ban Kiểm Soát
- ▶ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, Thạc sĩ kinh tế xây dựng

NGUỒN NHÂN LỰC

Tại Viglacera, nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm, công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương thưởng và đãi ngộ; tuyển dụng, đào tạo và phát triển đang từng bước được hoàn thiện, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

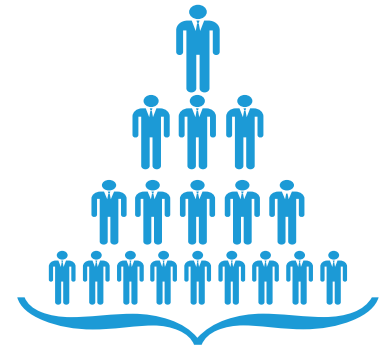
Tổng số lao động của Viglacera tính đến 31/12/2016 là 10.442 người (số hợp nhất của toàn Tổng công ty), trong đó đội ngũ cán bộ có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỉ trọng cao, hầu hết người lao động đều có kỹ thuật tay nghề giỏi đã qua đào tạo. Đội ngũ lãnh đạo có chuyên môn cao, kinh nghiệm và năng lực quản lý, gắn bó trên 05 năm giúp Tổng công ty đảm bảo sự nhất quán trong điều hành chiến lược và tính định hướng kế thừa với đội ngũ lao động trẻ tuổi. Ban lãnh đạo Viglacera luôn chú trọng tới việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và là nhân tố không thể thiếu góp phần vào phát triển bền vững của Viglacera trong tương lai.

• **Chính sách phát triển chất lượng nguồn nhân lực:** Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên

suốt, gắn liền với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty. Trong những năm gần đây, Công ty mẹ – Tổng công ty nói chung và các đơn vị trong Tổng công ty nói riêng đã chú trọng tăng cường bổ sung nguồn chuyên gia cao cấp. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã thực hiện triển khai công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác quy hoạch cán bộ, đầu tư phát triển cho Trường Đào tạo, Viện nghiên cứu.

• **Chính sách lương, thưởng:** Các chính sách lương, thưởng, trợ cấp,... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

• **Chính sách đãi ngộ:** Công ty đã áp dụng những chính sách đãi ngộ về cơ sở vật chất, môi trường làm việc, đào tạo và phúc lợi tốt nhằm tạo gắn kết giữa nhân viên và Tổng công ty.



Tổng số nhân sự tính đến ngày 31/12/2016

10.442 người

• **Chính sách đào tạo:** Tổng công ty thường xuyên liên kết với Trường Đại học xây dựng, Đại học Bách khoa mở các lớp đào tạo Thạc sĩ kinh tế, kỹ thuật chuyên ngành cho cán bộ Tổng công ty và các đơn vị. Hợp tác với các trường trong việc tổ chức đào tạo, lựa chọn các sinh viên năm cuối với chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty và ban hành cơ chế chính sách thu hút các sinh viên tốt nghiệp loại giỏi về công tác tại Tổng công ty.

• **Chính sách cổ tức:** Chính sách cổ tức cụ thể qua từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, theo hướng trước tiên đảm bảo lợi ích của các cổ đông, cùng với sự phát triển bền vững của Tổng công ty có gắn liền hài hòa với quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động.





MẠNG LƯỚI VÀ TỔ CHỨC

**Tính đến hết ngày
31/12/2016, mạng lưới
hoạt động của Viglacera
bao gồm:**

01

► Công ty mẹ

19

► Công ty con

06

► Công ty liên kết

13

► Đơn vị phụ thuộc và chi nhánh

20

► Đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng

08

► Đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN, đô thị, nhà ở và khu văn phòng

03

► Đơn vị hoạt động thương mại

02

► Đơn vị nghiên cứu đào tạo

CÔNG TY MẸ

Các công ty phụ thuộc

TT	Tên công ty mẹ	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Kính nổi Viglacera - CN TCT Viglacera - CTCP	Khu SX Tân Đông Hiệp - Phường Tân Đông Hiệp Thị xã Dĩ An - Tỉnh Bình Dương	SX, KD kính nổi, kính tiết kiệm năng lượng
2	Công ty Sứ Viglacera Bình Dương - CN TCT Viglacera - CTCP	Khu SX Tân Đông Hiệp - Dĩ An - Tỉnh Bình Dương	SX và KD sứ vệ sinh
3	Công ty Sen vòi Viglacera	Tây Mỗ - Từ Liêm - Hà Nội	SX và KD thiết bị vệ sinh
4	Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Viglacera - CN TCT Viglacera - CTCP	Tầng 12 - Toà nhà Viglacera Tower - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội	Xây dựng và KD BĐS
5	Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị Viglacera - CN TCT Viglacera - CTCP	Tầng 12A - Toà nhà Viglacera Tower - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội	Xây dựng và KD BĐS
6	Công ty KD Bất động sản Viglacera	Trung tâm điều hành - Khu công nghiệp Tiên Sơn - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	Kinh doanh BĐS
7	Công ty Xây dựng Viglacera	Trung tâm điều hành khu CN Yên Phong - Huyện Yên Phong - Bắc Ninh	Xây dựng và KD BĐS
8	Công ty Thi công cơ giới Viglacera	Khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh	Đầu tư XD dự án BĐS
9	Viện Nghiên cứu và Phát triển Viglacera	Ngõ 319, phố Vĩnh Hưng - Quận Hoàng Mai - Hà Nội	Nghiên cứu phát triển công nghệ
10	Trường Cao đẳng nghề Viglacera	Số 92 - Quận Ba Đình - Hà Nội	Đào tạo nghề
11	Thành lập mới Công ty sứ Viglacera Mỹ Xuân - CN TCT Viglacera - CTCP	Khu CN Mỹ Xuân - Vũng Tàu	SX và KD sứ vệ sinh

CÔNG TY CON

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty
1	CTCP Kính Viglacera Đáp Cầu	Phường Vũ Ninh – TP Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh	SX và KD kính	80.000	51,00%
2	CTCP Sứ Viglacera Thanh Trì	Đường Nguyễn Khoái – Phường Thanh Trì – Quận Hoàng Mai – TP Hà Nội	SX và KD sứ vệ sinh	15.000	62,96%
3	CTCP Việt Trì Viglacera	Phố Hồng Hà – Phường Tiên Cát – TP Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ	SX và KD sứ vệ sinh	6.000	97,47%
4	CTCP Viglacera Tiên Sơn	Khu CN Tiên Sơn – Xã Hoàn Sơn – Huyện Tiên Du – Tỉnh Bắc Ninh	SX và KD gạch ốp lát	150.000	51,00%
5	CTCP Viglacera Hà Nội	Khu CN Yên Phong – Xã Long Châu – Huyện Yên Phong – Tỉnh Bắc Ninh	SX và KD gạch ốp lát	28.000	51,00%
6	CTCP Viglacera Thăng Long	Phường Phúc Thắng – Thị xã Phúc Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc	SX và KD gạch ốp lát	69.898	51,07%
7	CTCP Viglacera Hạ Long	Phường Hà Khẩu – Thành phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh	SX và KD gạch ngói	160.000	50,48%
8	CTCP Viglacera Hữu Hưng	Đường Chùa Tổng – Xã La Phù – Huyện Hoài Đức – TP Hà Nội	SX và KD gạch ngói	7.500	51,00%

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty
9	CTCP Viglacera Từ Liêm	Xã Xuân Phương – Quận Nam Từ Liêm – TP Hà Nội	SX và KD gạch ngói	15.625	55,92%
10	CTCP Viglacera Đồng Anh	Tổ 35 – Thị trấn Đồng Anh – TP Hà Nội	SX và KD gạch ngói	10.049	51,00%
11	CTCP Viglacera Bá Hiến	Xã Bá Hiến – Huyện Bình Xuyên – Tỉnh Vĩnh Phúc	SX và KD gạch ngói	10.000	52,64%
12	CTCP Bê tông khí Viglacera	Khu CN Yên Phong – Xã Long Châu – Huyện Yên Phong – Tỉnh Bắc Ninh	SX gạch bê tông khí chưng áp	65.000	96,19%
13	CTCP Viglacera Vân Hải	Thôn Sơn Hào – Xã Quan Lạn – Huyện Vân Đồn – Tỉnh Quảng Ninh	Khai thác và KD cát	15.000	60,00%
14	CTCP Khoáng sản Viglacera	Xã Văn Tiến – Thành phố Yên Bái – Tỉnh Yên Bái	Khai thác và KD khoáng sản	12.500	51,00%
15	CTCP Bao bì và Má phanh Viglacera	Số 676 Hoàng Hoa Thám – Phường Bưởi – Quận Tây Hồ – TP Hà Nội	SX và KD bao bì, má phanh	9.900	51,00%
16	CTCP Thương mại Viglacera	Tầng 1 – Tòa nhà Viglacera Tower – Số 1 Đại lộ Thăng Long – Phường Mễ Trì – Quận Nam Từ Liêm – TP Hà Nội	KD vật liệu xây dựng	28.469	78,64%
17	CTCP Tư vấn Viglacera	Số 57 Phố Vĩnh Phúc – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – TP Hà Nội	Lập dự án, thiết kế các công trình	3.000	80,41%
18	CTCP Vinafacade	Tòa nhà 671 Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – TP Hà Nội	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng	4.358	53,01%
19	CTCP Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Số 190 Đường Đại Mỗ – Quận Nam Từ Liêm – TP Hà Nội	Xây dựng và cơ khí	6.771	52,72%

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập, hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Xã Phương Liễu – Huyện Quế Võ – Tỉnh Bắc Ninh	SX và KD Kính	512.042	29,28%
2	CTCP Viglacera Từ Sơn	Đường Trần Phú – Phường Đình Bảng – Thị xã Từ Sơn – Tỉnh Bắc Ninh	SX và KD gạch ngói	20.002	24,93%
3	CTCP Viglacera Hạ Long I	Km7 – Cộng Hòa – Thị xã Quảng Yên – Tỉnh Quảng Ninh	SX và KD gạch ngói	10.000	26,00%
4	CTCP Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Km 10 – Quốc lộ 3 – Yên Viên – Gia Lâm – TP Hà Nội	SX và KD vật liệu chịu lửa	5.000	25,00%
5	CTCP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Số 2 Hoàng Quốc Việt – Phường Nghĩa Đô – Quận Cầu Giấy – TP Hà Nội	KD xuất nhập khẩu	20.000	25,00%
6	CTCP Visaho	Tầng 12a – Tòa nhà Viglacera Tower – Số 1 Đại lộ Thăng Long – Phường Mễ Trì – Quận Nam Từ Liêm – TP Hà Nội	Tư vấn, quản lý vận hành BĐS	15.000	36,00%

MỤC TIÊU

Trở thành doanh nghiệp đa quốc gia, hoạt động sản xuất kinh doanh trên 2 lĩnh vực cốt lõi là: Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng đồng bộ, cao cấp với chất lượng hàng đầu Việt Nam, thân thiện môi trường và đầu tư kinh doanh bất động sản đa lĩnh vực, ưu tiên phát triển hạ tầng KCN, đô thị và nhà ở với những tiện ích tối đa cho khách hàng.



THÂN THIỆN
MÔI TRƯỜNG

CAO CẤP

SẢN XUẤT
KINH DOANH CÁC LOẠI
**VẬT LIỆU
XÂY DỰNG**

MỤC TIÊU
TRỞ THÀNH
DOANH NGHIỆP
ĐA QUỐC GIA

ĐẦU TƯ
KINH DOANH
BẤT ĐỘNG SẢN
ĐA LĨNH VỰC

CHỦ ĐẦU TƯ
TIN CẬY

DOANH THU ĐẠT

1.000.000.000
USD

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU ĐẠT

100.000.000
USD

TIỆN ÍCH
TỐI ĐA
CHO KHÁCH HÀNG

TIÊU CHUẨN
QUỐC TẾ



LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- Giữ vững vị thế là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Phát triển ổn định bền vững để trở thành thương hiệu hàng đầu không chỉ ở khu vực mà còn vươn tầm ra thế giới.
- Chú trọng đa dạng hóa sản xuất sản phẩm nhằm cung cấp trọn gói và đồng bộ các loại vật liệu xây dựng cho các dự án lớn tại thị trường trong nước và quốc tế, xây dựng chuỗi cung ứng từ nguyên liệu đầu vào đến đầu ra sản phẩm.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển sản phẩm mới để tạo lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững.
- Thực hiện đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ, phát triển mảng vật liệu công nghệ xanh, giá trị cao, cho hiệu quả kinh tế lớn (kính Low-e, kính siêu trắng, gạch block thủy tinh, VLXD siêu nhẹ, gạch bê tông khí, gạch không nung...).



LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

- Trở thành doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đáng tin cậy đa lĩnh vực, tiện ích tối đa phù hợp với nhu cầu của thị trường.
- Ưu tiên phát triển hạ tầng KCN, đô thị và nhà ở.
- Vận hành, khai thác các KCN, KĐT hiện có.
- Chuẩn bị phương án mở rộng, phát triển quỹ đất.
- Hình thành một chuỗi kinh doanh bất động sản khép kín từ khâu lập dự án, thiết kế cho tới thi công xây dựng và bán hàng.





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

1

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bền vững, giai đoạn 2017 – 2020 mức độ tăng trưởng đạt từ 10 – 15% đối với tất cả các chỉ tiêu chính của hoạt động SXKD, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

2

Xây dựng và điều hành quản lý Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần thông qua các Quy chế quản trị theo thông lệ quốc tế, tiệm cận với các doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất và quản trị hàng đầu thế giới.

3

Tập trung phát triển khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và đa dạng mẫu mã sản phẩm, năng suất lao động tăng 15 – 20% trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tăng thu nhập cho người lao động và khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước; mục tiêu dài hạn đạt tiệm cận với doanh nghiệp hàng đầu trên thế giới trong cùng lĩnh vực.

4

Tiếp tục lộ trình tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera – CTCP theo Đề án tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5

Nghiên cứu phát triển và tiên phong đưa vào sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ xanh và thân thiện môi trường.

6

Xây dựng đội ngũ nhân lực trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.

7

Mở rộng thị trường, tăng thị phần trong nước và xuất khẩu.

8

Đầu tư ra nước ngoài: Sẽ đầu tư vào Cuba

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

Tổng công ty đã đề ra các giải pháp trước mắt cũng như lâu dài để thực hiện được chiến lược, mục tiêu đã đề ra cho các năm tiếp theo, cụ thể như sau:

1. TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

◆ Triển khai tăng vốn điều lệ

- Công ty mẹ:

Thực hiện phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera – CTCP lên 4.483 tỷ đồng, giảm vốn Nhà nước về 53,96%, tạo nguồn vốn cho công tác đầu tư phát triển của Tổng công ty với các dự án trọng điểm sau:

+ Góp vốn vào Công ty Liên doanh sản xuất kính nổi siêu trắng tại Vũng Tàu;

+ Đầu tư nhà máy sứ Viglacera Mỹ Xuân;

+ Triển khai đầu tư KCN Đồng Văn IV và KCN Yên Phong mở rộng.

- Công ty con và liên kết:

+ Hoàn thành các thủ tục thành lập và góp vốn vào Công ty liên doanh kính siêu trắng Phú Mỹ để thực hiện đầu tư dự án Nhà máy kính nổi siêu trắng tại Vũng Tàu, Tổng công ty tham gia 35% vốn điều lệ của Công ty;

+ Thực hiện thủ tục thành lập và góp vốn vào Công ty cổ phần sản xuất vôi công nghiệp;

+ Thành lập công ty liên doanh để đầu tư các dự án tại CuBa;

+ Góp vốn liên doanh thành lập công ty quản lý KCN Yên Mỹ; góp vốn liên danh với Công ty CP Hoàng Thành đầu tư nhà ở xã hội tại Tiên Dương – Đông Anh;

+ Tăng vốn điều lệ cho các đơn vị là CTCP Kính Viglacera Đáp Cầu, CTCP Viglacera Hạ Long, CTCP Viglacera Tiên Sơn, CTCP Viglacera Thanh Trì, CTCP Viglacera Việt Trì, CTCP Viglacera Hà Nội và CTCP Viglacera Vân Hải, đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, tiếp tục cơ cấu nguồn vốn hợp lý, tạo điều kiện khai thác và sử dụng vốn hiệu quả.

◆ Thoái vốn

Thực hiện lộ trình thoái vốn theo kế hoạch đã được Bộ Xây dựng chấp thuận tại CTCP Cơ khí và Xây dựng Viglacera;

◆ **Tiếp tục và hoàn thành** việc quyết toán vốn nhà nước tại Tổng công ty để bàn giao sang doanh nghiệp Tổng công ty Viglacera – CTCP.

2. QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY MẸ

- Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên cấp độ cao hơn, tăng cường khả năng cạnh tranh khi hội nhập sâu kinh tế quốc tế.

- Tập trung nâng cao năng suất lao động thông qua các giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa và cơ cấu lại mô hình tổ chức; Rà soát, bổ sung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, các quy chế khoán quản, tinh giảm bộ máy lao động gián tiếp, tiết giảm chi phí trong giá thành sản phẩm.

- Tập trung triển khai Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017 và các năm tiếp theo.

- Tập trung triển khai kế hoạch đầu tư phát triển để đảm bảo mục tiêu tốc độ tăng trưởng bền vững theo Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 với kế hoạch đầu tư phát triển đã đặt ra.

- Tập trung triển khai dự án ERP đảm bảo mục đích: Chuẩn hóa các quy trình kinh doanh; kiểm soát các bộ phận, phòng ban, các công ty thành viên của Tổng công ty theo một hệ thống thông tin thống nhất; tăng độ chính xác và kịp thời của các thông tin; kiểm soát rủi ro; tiết kiệm chi phí; tăng hiệu quả SXKD. Đây cũng là một công cụ nhằm marketing hình ảnh của Tổng công ty trong mắt các nhà đầu tư và đối tác kinh doanh.

3. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

- Phát huy vai trò của Viện nghiên cứu và Phát triển Viglacera, Giám đốc chất lượng các lĩnh vực sản phẩm và cán bộ chất lượng tại các đơn vị trong việc quản lý chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào đáp ứng cho chu kỳ sản xuất theo yêu cầu công nghệ; tăng cường quản lý, giám sát đảm bảo tuân thủ quy trình công nghệ sản xuất, thực hiện nghiêm túc công tác sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, dự trữ vật tư, phụ tùng đúng chủng loại, chất lượng, số lượng để đảm bảo máy móc thiết bị vận hành ổn định, đạt công suất.

- Trung tâm khuôn mẫu triển khai chương trình hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu đưa ra các mẫu sản phẩm mới theo xu hướng sản phẩm thông minh, gần gũi với thiên nhiên, tính năng sử dụng cao,... đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.



4. ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn liền với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty với đầu mối là Trường Cao đẳng nghề Viglacera. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực gắn liền với thực tiễn công nghệ vật liệu của Tổng công ty theo kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực giai đoạn 2016 – 2020.

- Xây dựng và hoàn thiện quy chế tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao và có chế độ đãi ngộ xứng đáng cho đội ngũ Công nghệ trưởng – Kỹ sư trưởng đảm nhận vai trò chuyên môn sâu phục vụ công tác quản lý công nghệ – kỹ thuật đối với từng nhóm sản phẩm. Đồng thời, có quy chế đãi ngộ hợp lý cho đội ngũ kỹ sư trẻ mới ra trường để thu hút, tuyển dụng nhân lực chất lượng cao; nâng cao hơn nữa vai trò của Ban chỉ đạo công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty để triển khai chương trình đào tạo theo chiến lược phát triển của Tổng công ty.

- Triển khai hoạt động đào tạo theo đúng kế hoạch, chương trình đã đặt ra trên cơ sở tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên thông qua các chương trình hợp tác đào tạo trong nước và nước ngoài. Duy trì công tác rà soát, cập nhật và hiệu chỉnh hệ thống giáo trình đảm bảo áp dụng được công nghệ tiên tiến; phù hợp với công nghệ hiện có tại các đơn vị sản xuất của Tổng công ty.

5. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, tồn kho và dư nợ, cơ cấu các khoản vay để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển trong kế hoạch 2017.

- Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm soát tại các đơn vị và Tổng công ty. Thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, việc thực hiện các định mức tiêu hao, định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động sản xuất.

6. MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

- Ban Thương mại Tổng công ty là đầu mối tiếp tục duy trì công tác khảo sát, đánh giá phân tích toàn diện về thị trường, về mẫu mã, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giá cả sản phẩm để có các giải pháp khả thi nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD, chiến lược phát triển sản phẩm mới và định hướng đầu tư của Tổng công ty.

- Triển khai đăng ký thành lập các văn phòng đại diện, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu phù hợp với pháp luật của nước sở tại; Hoàn thành kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020.

- Định kỳ phân tích, đánh giá đối thủ cạnh tranh, đề ra các giải pháp kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

7. ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Triển khai kế hoạch đầu tư phát triển với các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốc độ tăng trưởng 10 – 15% đã đặt ra trong kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020; song song với triển khai đầu tư chiều sâu, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giảm chi phí... với các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực: vật liệu, bất động sản và đầu tư tại nước ngoài (Cuba).

MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG VIGLACERA ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2015 – 2016



Giải thưởng Thương hiệu xanh 2015 của Bộ Tài nguyên & môi trường tổ chức và Giải thưởng chương trình hợp tác đối tác quốc tế xuất sắc của năm 2015 do Hội đồng Kỹ năng Nghề quốc gia Proskills UK Group của Anh trao tặng.

Giải vàng về Chất lượng và dịch vụ quốc tế 2015 do Tổ chức quốc tế Định hướng Sáng kiến Kinh doanh (Business Initiative Directions – BID) tổ chức bình chọn.

Viglacera được vinh danh top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016. Đây là lần thứ 4 liên tiếp Viglacera có tên trong danh sách này. Bảng xếp hạng là bảng xếp hạng TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, bảng xếp hạng uy tín hàng đầu tại Việt Nam, được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập theo chuẩn mực quốc tế của Công ty Vietnam Report, định kỳ công bố thường niên từ năm 2007 bởi báo Vietnamnet, ghi nhận khách quan thứ hạng và thành tích của các doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam đạt được. Trên Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt nam 2016, Viglacera được xếp hạng 124 và đứng thứ 2 trong số 14 doanh nghiệp ngành VLXD và Viglacera đã được VNR500 đánh giá có sự phát triển vượt bậc thông qua việc thứ hạng ngày càng được cải thiện hơn.

Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2016 lần thứ 7 liên tiếp do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức và đạt danh hiệu Top 10 chủ đầu tư bất động sản uy tín năm 2016 do Vietnam Report tổ chức.

Viglacera được vinh danh “Thương hiệu quốc gia 2016” do Chủ tịch nước trao tặng ngày 30/11/2016. Đây cũng là năm thứ 3 liên tiếp Tổng công ty đạt được danh hiệu cao quý này.

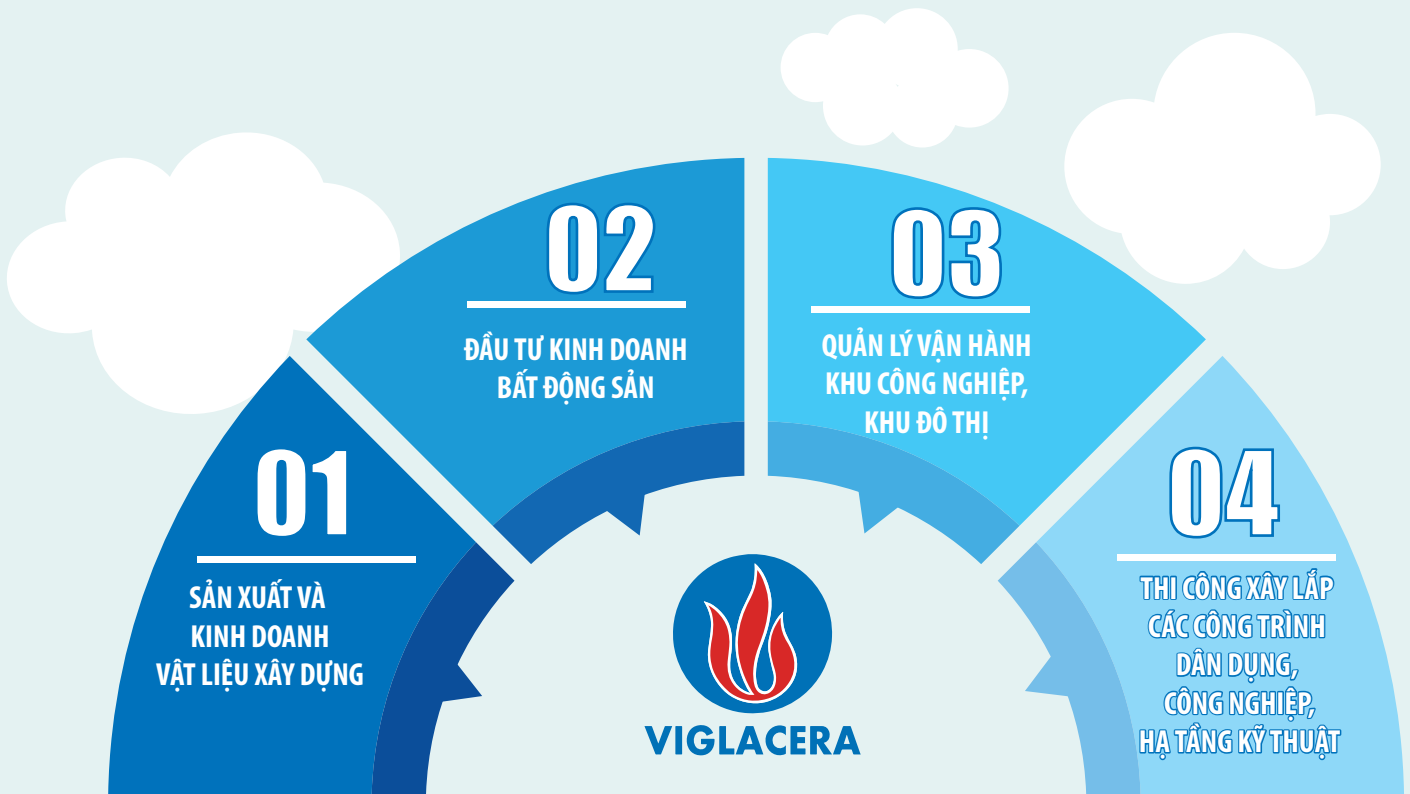




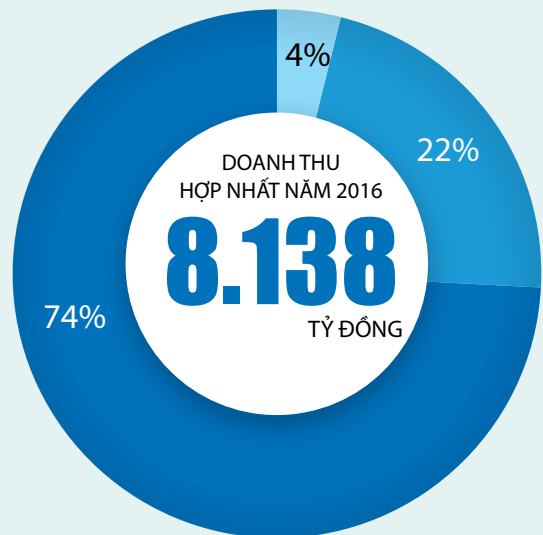
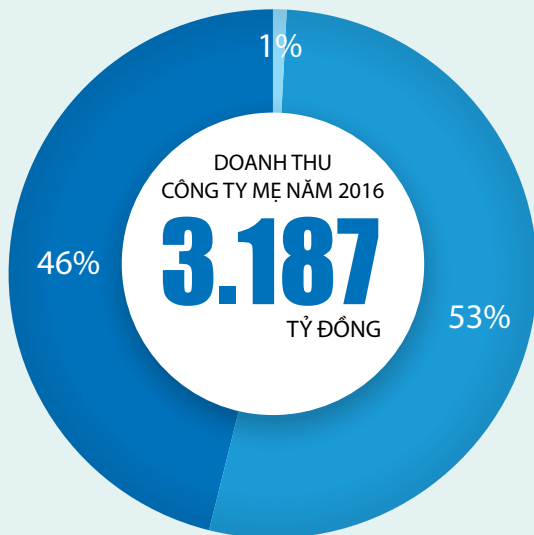


BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

Tổng quan tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2016	38
Tình hình tài chính	44
Thông tin vốn cổ phần và cổ đông	46
Quá trình tăng vốn của Tổng công ty	47
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	48
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty	56



LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH



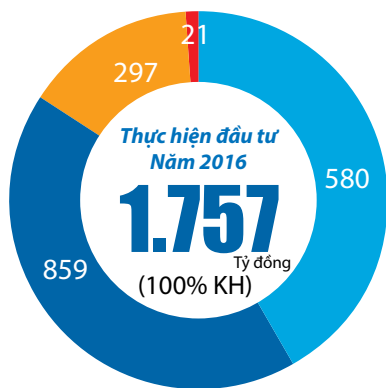
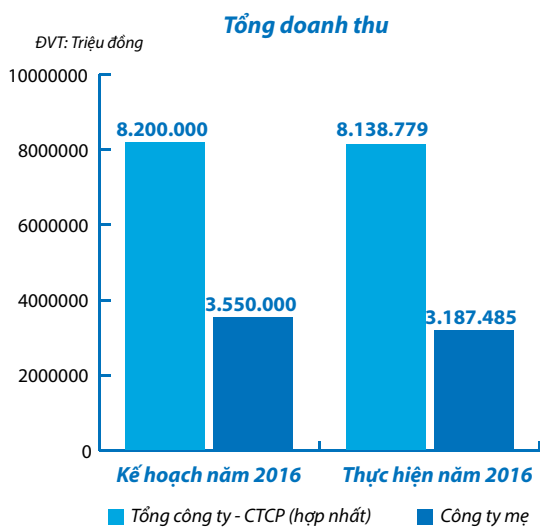
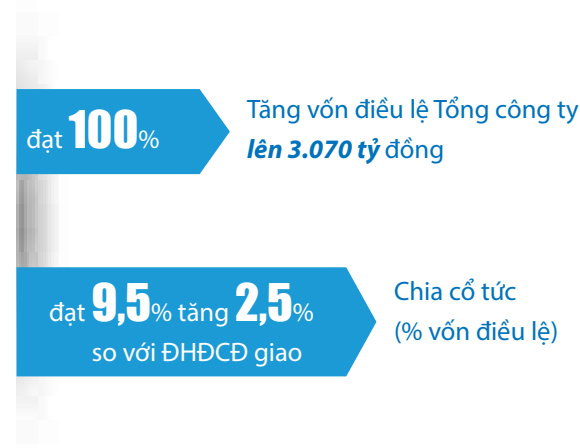
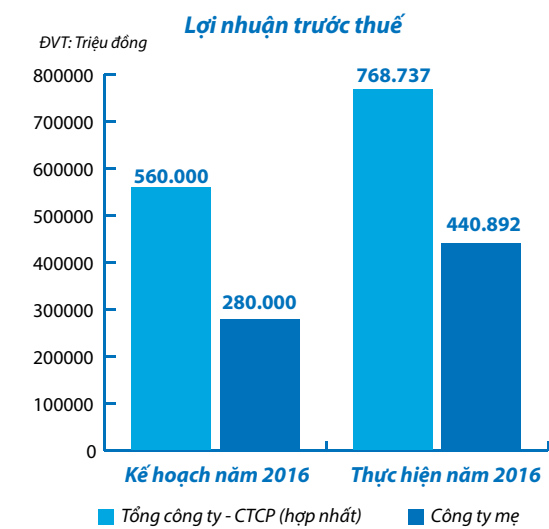
 Vật liệu xây dựng

 Bất động sản

 Khác

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2016

Năm 2016, trước những biến động phức tạp của kinh tế thế giới tác động ảnh hưởng trực tiếp tới kinh tế Việt nam nói chung và Tổng công ty nói riêng; kế thừa những kết quả, các giải pháp đã triển khai thành công và bài học kinh nghiệm trong hoạt động của năm 2015, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 30/TCT-NQĐHCĐ ngày 26/4/2016 để triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2016 cụ thể như sau:



- Lĩnh vực kinh doanh nhà (đạt 145% kế hoạch)
- Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN (đạt 151% kế hoạch)
- Lĩnh vực vật liệu (đạt 39% kế hoạch)
- Lĩnh vực nghiên cứu phát triển đào tạo (đạt 100% kế hoạch)

Đặc biệt, chỉ tiêu **lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty - CTCP (hợp nhất) đạt 768,7 tỷ đồng**, tăng 46% so với thực hiện năm 2015; vượt 37% so với kế hoạch thông qua tại ĐHĐCĐ; Lợi nhuận Công ty mẹ **đạt 440,8 tỷ đồng**, tăng 79% so với thực hiện năm 2015; vượt 57% so với kế hoạch thông qua ĐHĐCĐ.

Kết quả hoạt động của toàn Tổng công ty cũng đạt và vượt mục tiêu kế hoạch 2016 đặt ra; tăng trưởng cao so với năm

2015 trong tất cả các lĩnh vực; Tất cả các nhóm sản phẩm trong lĩnh vực vật liệu đều hoạt động có lãi, đặc biệt kính xây dựng, gạch ốp lát, sứ - sen vòi có lợi nhuận tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2015; **Lĩnh vực bất động sản cũng đạt lợi nhuận 179 tỷ đồng**. Trong 11 đơn vị có năng lực cạnh tranh thấp đang triển khai tái cơ cấu và kiểm soát đặc biệt, kết thúc năm 2016 có 8/11 đơn vị hoạt động có lãi; giảm lỗ lũy kế được 95 tỷ đồng, đạt 155% KH tái cơ cấu đã đề ra.

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU ĐẠT

1.826 ĐỒNG

 **47,3%**

THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÔNG TY MẸ

1.757 TỶ ĐỒNG

 **26%**

HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU ĐÃ ĐỀ RA

◆ Lợi nhuận trước thuế

◆ Kết quả lợi nhuận trước thuế vượt Kế hoạch lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.826 đồng tăng 47,3% so với thực hiện 2015, mức chia cổ tức dự kiến là 9,5% tăng 1,35 lần so với mức chia cổ tức được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 7%.

◆ Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty Mẹ:

- Tổng tài sản năm 2016 là 9.938 tỷ đồng tăng 1.163,7 tỷ đồng so với năm 2015. Vốn Chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 đạt 3.832 tỷ đồng tăng 844,9 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2015, hệ số bảo toàn vốn tương ứng năm 2016 là 1,28 lần/1,05 lần của năm 2015; duy trì tốc độ tăng vốn liên tục tiếp nối các năm trước, đảm bảo hệ số bảo toàn vốn tốt.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu bình quân Công ty mẹ năm 2016 là 13% tăng 4,4% so với năm 2015; Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu đạt 13,8% tăng 7% so với năm 2015.

◆ Tình hình và khả năng thanh toán nợ:

- Nợ phải thu: Đến ngày 31/12/2016, Dư nợ các khoản phải thu ngắn hạn là 1.147,9 tỷ đồng, giảm 121 tỷ đồng. Mức dư nợ các khoản phải thu ở mức an toàn, do đó không có rủi ro cao trong việc bị chiếm dụng vốn. Theo đó, hầu hết các khoản nợ khó đòi đã được cơ bản rà soát tổng thể, trích lập dự phòng đầy đủ và lập phương án xử lý, thu hồi dần trong các năm tới.

- Tỷ lệ Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ tại 31/12/2016 là 1,59 lần, giảm 0,34 lần so với thời điểm 31/12/2015. Các khoản Nợ phải trả, đặc biệt là các khoản vay ngân hàng của Công ty mẹ đến cuối năm 2016 có sự

thay đổi cơ cấu so với năm 2015; Trong đó, vốn cho các dự án đầu tư mới được chủ yếu sử dụng từ phát hành tăng vốn và vay Ngân hàng phát triển với lãi suất ưu đãi cho dự án công nghệ cao; không tăng vay ngân hàng thương mại. Đồng thời tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động, giảm dư vay ngắn hạn, góp phần làm thay đổi Cơ cấu nợ trên Vốn chủ sở hữu theo hướng tích cực, đảm bảo tình hình tài chính an toàn và bền vững.

- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tuy duy trì ở mức phù hợp trong điều kiện Tổng Công ty vẫn đang trong giai đoạn triển khai các dự án đầu tư mới và vẫn tiếp tục tìm kiếm huy động nguồn tài trợ từ bên ngoài, chủ yếu là từ các tổ chức tín dụng, đặc biệt là nguồn cho vay ưu đãi của Ngân hàng phát triển Việt Nam và Nguồn ngân sách Nhà nước đối với các Dự án đầu tư sản phẩm mới, các Dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ cao.

◆ Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Tổng công ty giai đoạn 1 từ 2.645 tỷ lên 3.070 tỷ, giảm tỉ lệ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty từ 91,49% xuống còn 78,82% thông qua đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành ESOP 2016; Hoàn thành niêm yết cổ phiếu VGC tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/12/2016.

Thoái 100% vốn của Tổng công ty-CTCP tại 02 đơn vị là CTCP Giấy Tây Đô và CTCP Viglacera Đông Triều; Triển khai các bước giảm vốn Tổng công ty tại CTCP Cơ khí & Xây dựng Viglacera xuống còn 26%.

◆ Thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển

Giá trị thực hiện vốn đầu tư phát triển của Công ty Mẹ - Tổng công ty CP đạt 1.757 tỷ đồng đạt 100% Kế hoạch; bám sát các mục tiêu và chương trình đầu tư phát triển đã thông qua tại ĐHCĐ năm 2016.



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

◆ Lĩnh vực vật liệu xây dựng

- **Dự án dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng 2,3 triệu m²/năm:** Đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ ngày 25/7/2016, sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng đã được tiêu thụ trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

- **Dự án Nhà máy kính nổi siêu trắng 600 tấn/ngày (Giai đoạn 1) tại KCN Phú Mỹ II – Vũng Tàu:** Đã được Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Xây Dựng chấp thuận chủ trương đầu tư; hiện nay các bên tham gia Liên doanh đã hoàn thành việc thành lập Công ty Liên doanh; triển khai các bước chuẩn đầu tư để đảm bảo đủ điều kiện khởi công dự án trong quý II/2017.

- **Dự án Nhà máy Sứ Viglacera công suất 750.000 sp/năm tại KCN Mỹ Xuân A - Vũng Tàu:** Hiện đang triển khai các gói thầu của dự án, công tác tuyển dụng đào tạo cán bộ CNV cho nhà máy, dự kiến nhà máy sẽ đi vào sản xuất thử từ quý I/2018.

◆ Lĩnh vực bất động sản

- Tổ chức khởi công 03 dự án KCN mới là KCN Tiên Hải (446ha) tại - Thái Bình, KCN Đồng Văn IV (300 ha) tại Hà Nam; KCN Yên Phong mở rộng (314 ha) tại Bắc Ninh, nâng tổng số các KCN Viglacera lên 10 KCN với tổng diện tích đầu tư trên 3.580 ha.

- Triển khai thực hiện theo tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm: 671 Hoàng Hoa Thám GĐ3 (Hà Nội); Dự án Ngã 6 Bắc Ninh GĐ 2; Hạ tầng kỹ thuật các KCN Yên Phong mở rộng (Bắc Ninh); Hải Yên và Đông Mai (Quảng Ninh); Phong Điền (Huế), Phú Hà (Phú Thọ) và Tiên Hải (Thái Bình); Các Dự án trạm xử lý nước nước thải và nước sạch tại KCN Yên Phong I và Yên Phong mở rộng; Dự án Nhà công nhân A1 KĐT Yên Phong; chuẩn bị các bước hợp tác đầu tư các dự án về nhà ở với các đối tác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

◆ Đầu tư nước ngoài

Tập trung triển khai chương trình hợp tác đầu tư quốc tế tại Cuba; Tổng công ty đã ký thỏa thuận về việc đẩy nhanh tiến độ thành lập công ty liên doanh sản xuất sứ vệ sinh và gạch ốp lát với Tập đoàn Geicon, ký kết ý định thư với Tập đoàn khách sạn Islazul về hợp tác đầu tư khách sạn.

◆ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển

Tiếp tục triển khai dự án NCKH cấp nhà nước “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất gạch bê tông khi chưng áp công suất 200.000 m³/năm” theo tiến độ kế hoạch cam kết; Các đề tài nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH-CN nhằm tiết giảm và sử dụng hiệu quả nguyên nhiên vật liệu; nâng cao chất lượng sản phẩm; cơ giới hóa và tự động hóa để tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất....

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT
Đầu tư vào công ty con
Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Tổng tài sản 31/12/2016	Tổng Doanh Thu năm 2016
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh kính	204.040	79.871
Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	62,96%	62,96%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh	96.696	217.863
Công ty CP Việt Trì Viglacera	Vĩnh Phúc	97,47%	97,47%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh	77.146	226.575
Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát	770.619	967.062
Công ty CP Viglacera Hà Nội	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát	260.530	364.344
Công ty CP Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	51,07%	51,07%	Sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát	234.302	470.806
Công ty CP Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50,48%	50,48%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói	1.234.828	1.802.461
Công ty CP Viglacera Hữu Hưng	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói	37.730	69.979
Công ty CP Viglacera Từ Liêm	Hà Nội	55,92%	55,92%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói	88.916	68.407
Công ty CP Viglacera Đông Anh	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói	31.885	62.080
Công ty CP Viglacera Bá Hiến	Vĩnh Phúc	52,64%	52,64%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói	44.290	53.225
Công ty CP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	95,69%	95,69%	Sản xuất gạch bê tông khí chưng áp	141.285	66.521
Công ty CP Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	60,00%	60,00%	Khai thác và kinh doanh cát	31.079	58.969
Công ty CP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	51,00%	51,00%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản	42.414	84.886
Công ty CP Bao bì và Má Phan Viglacera	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh bao bì, má phanh	74.793	56.148
Công ty CP Thương mại Viglacera	Hà Nội	62,66%	62,66%	Kinh doanh vật liệu xây dựng	167.405	1.526.292
Công ty CP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	76,89%	76,89%	Lập dự án, thiết kế các công trình	17.268	20.032
Công ty CP Vinafacade	Hà Nội	42,37%	42,37%	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng	36.793	4.908
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Hà Nội	52,72%	52,72%	Cơ khí và Xây dựng	197.377	64.789

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty CP Vinafacade gồm: Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 42,37% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp qua Công ty CP Viglacera Đáp Cầu là 20,86%. Do đó, Công ty CP Vinafacade đang được trình bày là công ty con trong báo cáo tài chính riêng này.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

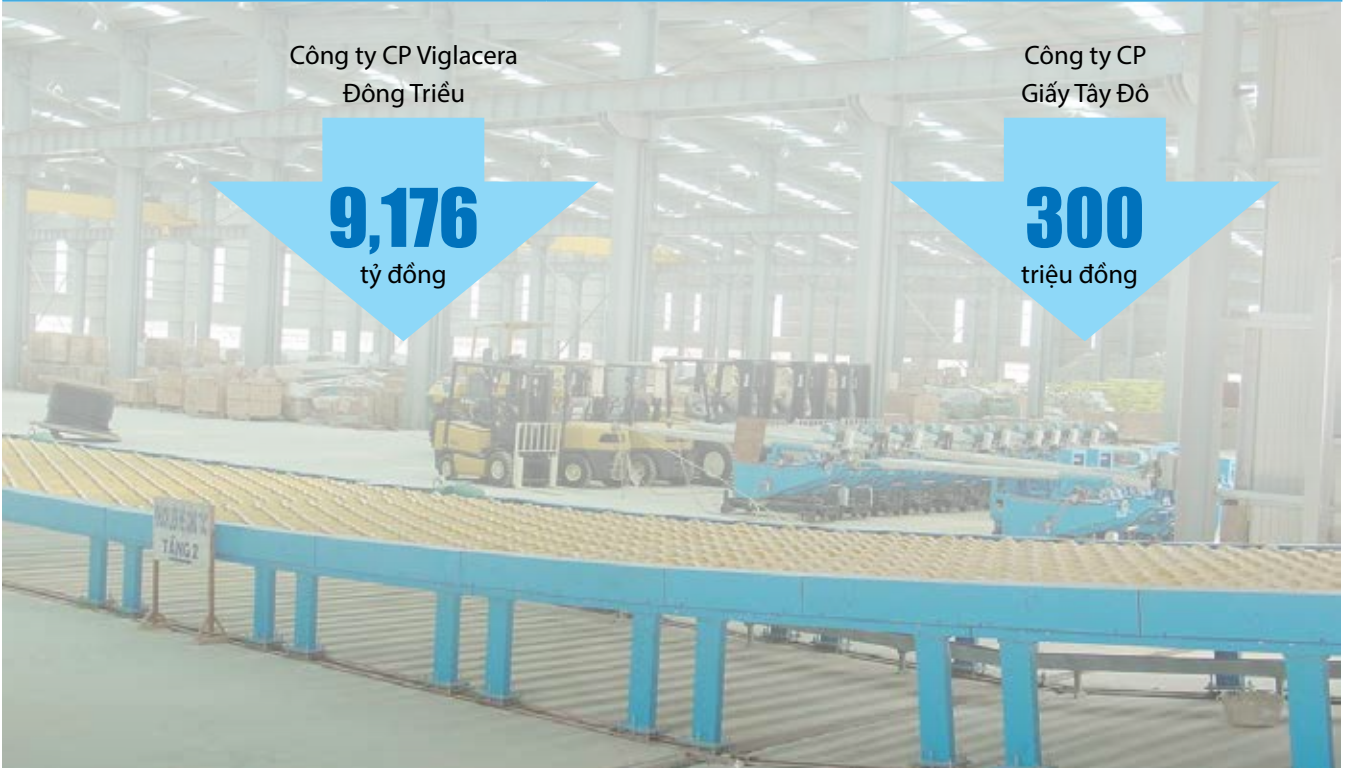
Đơn vị tính: triệu đồng

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Tổng tài sản 31/12/2016	Tổng Doanh thu năm 2016
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Bắc Ninh	29,28%	29,28%	Sản xuất và kinh doanh kính	1.200.008	1.220.872
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Bắc Ninh	24,93%	24,93%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói	56.296	58.097
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Quảng Ninh	26,00%	26,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói	48.253	51.464
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất và kinh doanh vật liệu chịu lửa	44.592	59.264
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	25,00%	25,00%	Kinh doanh xuất nhập khẩu	99.023	218.887
Công ty CP Visaho	Hà Nội	36,00%	36,00%	Tư vấn quản lý vận hành BĐS	22.215	14.683

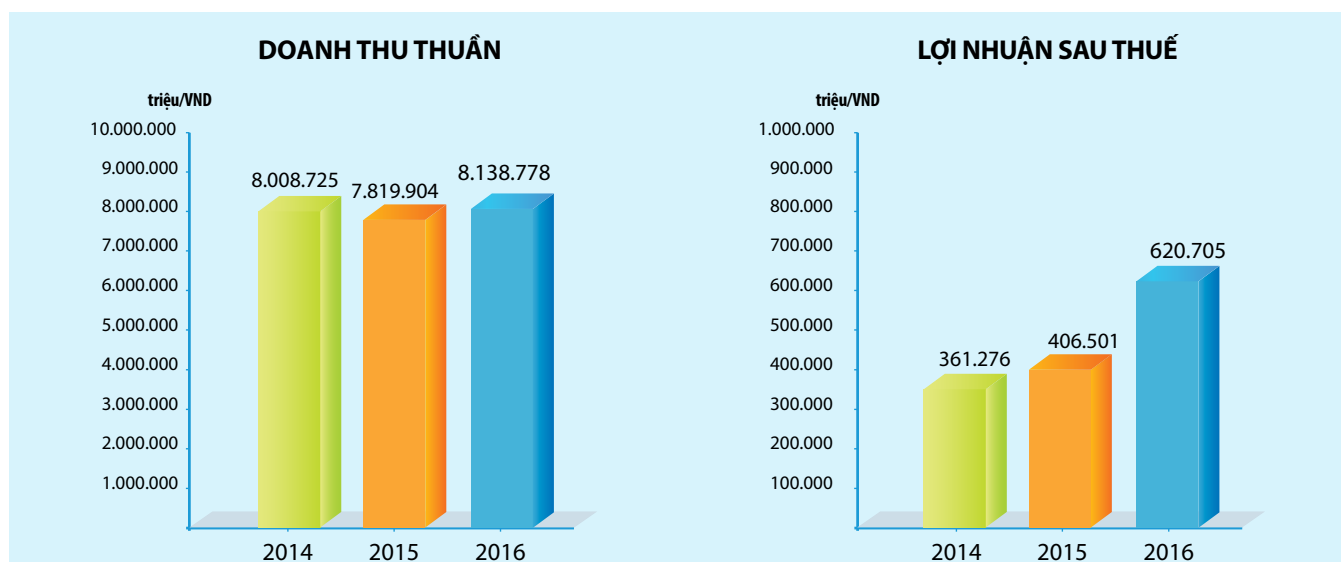
Các hoạt động đầu tư tài chính thực hiện trong năm 2016

Trong năm 2016, Viglacera đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại các công ty sau:

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực hoạt động	Số vốn đầu tư thêm/(thoái vốn) trong năm 2016
1	Công ty CP Viglacera Đồng Triều	Sản xuất và kinh doanh gạch ngói	(9.175.920.000)
2	Công ty CP Giấy Tây Đô	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	(300.000.000)

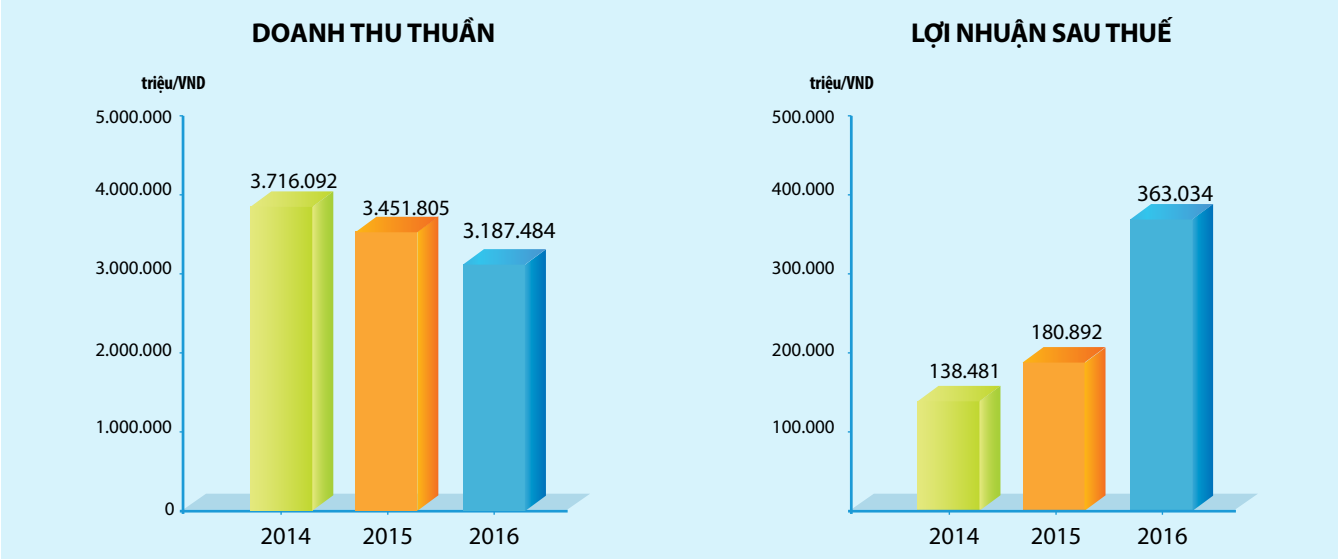


Báo cáo hợp nhất



Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Tổng giá trị tài sản	12.316.682.187.115	11.663.300.477.351	12.989.462.128.054
Doanh thu thuần	8.008.725.810.121	7.819.904.600.274	8.138.778.814.138
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	474.587.428.202	602.060.890.249	802.546.442.950
Lợi nhuận khác	(29.076.708.471)	(77.786.012.944)	(33.809.924.231)
Lợi nhuận trước thuế	453.719.426.905	524.274.877.305	768.736.518.719
Lợi nhuận sau thuế	361.276.954.724	406.501.599.709	620.705.790.989
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	N/A	1.239	1.826
B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU			
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:	1,3	1,4	1,5
+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn:	1,1	1,0	1,2
+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh:	0,4	0,5	0,6
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	76%	72%	66%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	319%	253%	197%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	1,7	1,9	2,2
+ Vòng quay hàng tồn kho (không tính phần kinh doanh Bất động sản)	5,0	4,2	3,7
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,7	0,7	0,7
Vòng quay vốn lưu động	0,7	0,7	0,7
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,5%	5,2%	7,6%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17,4%	13,0%	16,2%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,1%	3,4%	5,0%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,9%	7,7%	9,9%

Báo cáo công ty mẹ



Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Tổng giá trị tài sản	9.747.954.431.110	8.774.908.542.543	9.938.494.926.010
Doanh thu thuần	3.716.092.447.943	3.451.805.713.420	3.187.484.641.173
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	201.814.547.223	293.488.336.974	442.436.317.056
Lợi nhuận khác	(10.987.301.150)	(47.617.095.824)	(1.543.848.051)
Lợi nhuận trước thuế	190.827.246.073	245.871.241.150	440.892.469.005
Lợi nhuận sau thuế	138.481.072.731	180.892.282.220	363.034.004.476
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	N/A	N/A	
B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU			
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:	1,4	1,5	1,6
+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn:	1,3	1,3	1,6
+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh:	0,5	0,7	0,8
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	71%	66%	61%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	247%	194%	159%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	1,1	1,2	1,4
+ Vòng quay hàng tồn kho (không tính phần kinh doanh Bất động sản)	8,6	5,7	4,1
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,4	0,4	0,3
+ Vòng quay các khoản phải thu	2,7	2,4	2,3
+ Vòng quay vốn lưu động	0,4	0,4	0,3
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,7%	5,2%	11,4%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,7%	6,2%	10,6%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,5%	2,0%	3,9%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,4%	8,5%	13,9%

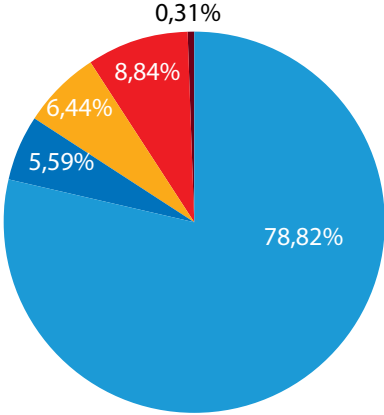
CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của Tổng công ty	3.070.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phần	10.000 đồng
Khối lượng cổ phần phát hành	307.000.000 cổ phần
Khối lượng cổ phần đang lưu hành	307.000.000 cổ phần
Cổ phần do Nhà nước nắm giữ	241.985.262 cổ phần
Cổ phần tự do chuyển nhượng	61.519.993 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	3.494.745 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phần



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Tên cổ đông	Tỷ lệ sở hữu
1	Bộ Xây dựng	78,82%
2	Tổ chức trong nước	5,59%
3	Cá nhân trong nước	6,44%
4	Tổ chức nước ngoài	8,84%
5	Cá nhân nước ngoài	0,31%



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Năm 2016, lần đầu tiên, Tổng công ty đã tăng vốn điều lệ lên 3.070.000.000.000 đồng thông qua việc chào bán 30.000.000 cổ phiếu ra công chúng và 12.500.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động(ESOP 2016).



Năm 2016, Tổng công ty Viglacera – CTCP đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ giai đoạn 1 từ 2.645 tỷ đồng lên 3.070 tỷ đồng, giảm tỉ lệ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty từ 91,47% xuống còn 78,82% thông qua đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành ESOP 2016.

Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ 2.645.000.000.000 đồng lên 3.070.000.000.000 đồng

◆ Chi tiết đợt phát hành:

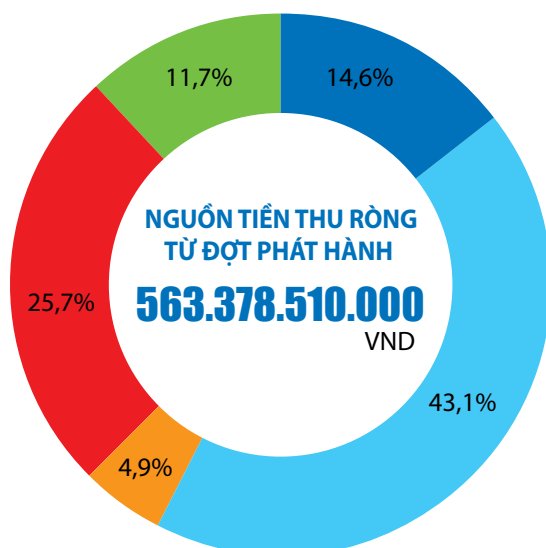
- Vốn thực góp trước khi phát hành: 2.645.000.000.000 đồng
 - Vốn thực góp sau khi phát hành: 3.070.000.000.000 đồng
 - Hình thức, đối tượng và số lượng phát hành:
 - + Chào bán cổ phiếu ra công chúng: 30.000.000 cổ phiếu
 - + Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Tổng công ty: 12.500.000 cổ phiếu
 - Giá phát hành:
 - + Giá phát hành ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở GDCKHN:
 - Giá đấu thành công bình quân: 13.923 đồng
 - Giá đấu thành công cao nhất: 14.300 đồng
 - Giá đấu thành công thấp nhất: 13.400 đồng
 - + Giá phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2016: 11.700 đồng
 - + Giá phân phối số cổ phiếu ESOP 2016 thừa chưa phân phối hết: 13.400 đồng
 - Số lượng nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu:
 - + Trong đợt phát hành ra công chúng: 05 nhà đầu tư
 - + Trong chương trình ESOP 2016: 362 người
 - + Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt
- Ngày hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP năm 2016): 22/08/2016

◆ Phương án sử dụng số tiền thu được từ các đợt tăng vốn:

Căn cứ theo:

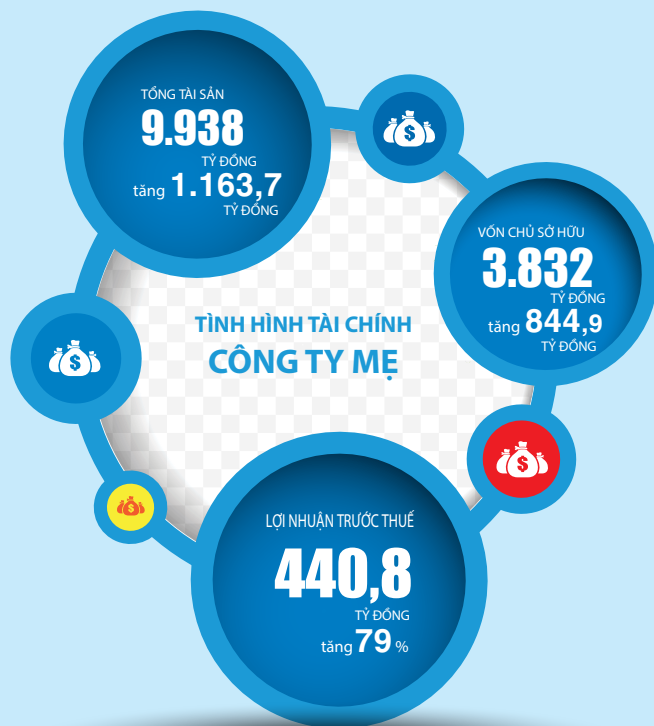
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 30/TCT–NQĐHCD ngày 26/04/2016;
- Nghị quyết số 104/TCT–HĐQT ngày 22/12/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera – CTCP.

Nguồn tiền thu ròng từ đợt phát hành là 563.378.510.000 đồng, được sử dụng như sau:



- Đầu tư Vốn lưu động Dự án kính Low e – Bình Dương: **82.250.000.000 đồng**
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Phú Hà giai đoạn 1: **242.750.000.000 đồng**
- Bổ sung Vốn lưu động cho Tổng công ty: **27.698.037.645 đồng**
- Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Văn IV giai đoạn 1: **144.551.962.355 đồng**
- Bổ sung vốn đầu tư cho các Dự án đang triển khai của Tổng công ty: **66.128.510.000 đồng**

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016



Năm 2016 là năm thứ 2 Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần; Cùng với việc tiếp tục triển khai tái cơ cấu toàn diện theo mục tiêu Đề án đã đặt ra, từ những bài học kinh nghiệm và phát huy hiệu quả của các giải pháp đã, đang triển khai, Tổng công ty đã chủ động nắm bắt tình hình, điều hành quyết liệt và linh hoạt; bám sát các mục tiêu kế hoạch đã đề ra; kết quả hoạt động SXKD của Công ty Mẹ, cũng như toàn Tổng công ty năm 2016 đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính kế hoạch đặt ra, thể hiện qua số liệu và được đánh giá cụ thể như sau.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 (Theo kết quả đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	% Kế hoạch
1. Lợi nhuận trước thuế			
+ Tổng công ty - CTCP (hợp nhất)	560.000	768.736	137
+ Công ty Mẹ	280.000	440.892	157
2. Tổng doanh thu			
+ Tổng công ty - CTCP (hợp nhất)	8.200.000	8.138.788	99
+ Công ty Mẹ (đã trừ doanh thu nội bộ)	3.550.000	3.187.484	89
3. Thực hiện đầu tư công ty mẹ	1.750.000	1.757.000	100
+ Lĩnh vực kinh doanh nhà	400.000	580.000	145
+ Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN	570.000	859.000	151
+ Lĩnh vực vật liệu	760.000	297.000	39
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	20.000	21.000	105
4. Vốn điều lệ của TCT Viglacera - CTCP	3.070.000	3.070.000	100

- **Lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty - CTCP (hợp nhất) đạt 768,7 tỷ đồng**, tăng 46% so với thực hiện năm 2015; vượt 37% so với KH thông qua ĐHĐCĐ; **Lợi nhuận Công ty mẹ đạt 440,8 tỷ đồng**, tăng 79% so với thực hiện năm 2015; vượt 57% so với KH thông qua ĐHĐCĐ.

- Tình hình tài chính luôn được cân đối, lành mạnh; sử dụng và bảo toàn vốn ngày càng hiệu quả. Kết thúc năm 2016, tổng tài sản tăng 1.163,7 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu tăng

844,9 tỷ đồng so với năm 2015, hệ số bảo toàn vốn là 1,28 lần tăng 21% so với năm 2015; duy trì tốc độ tăng vốn liên tục tiếp nối các năm trước, đảm bảo hệ số bảo toàn vốn tốt; Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu bình quân năm 2016 là 13% tăng 4,4% so với năm 2015; Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu đạt 13,8% tăng 7% so với năm 2015; Tỷ lệ chia cổ tức năm 2016 dự kiến là 9,5%, tăng 2,5% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của toàn Tổng công ty

2.1. Kết quả các chỉ tiêu chính

- Lợi nhuận trước thuế tăng 101% so với thực hiện năm 2015; Trong đó, tất cả các nhóm sản phẩm trong lĩnh vực vật liệu đều hoạt động có lãi, đặc biệt kính xây dựng, gạch ốp lát, sứ - sen vòi có lợi nhuận tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2015;
- Tổng doanh thu (hợp cộng) đạt 16.036 tỷ đồng, đạt 100% so với KH năm; Giá trị SXKD (hợp cộng) đạt 16.011 tỷ đồng, đạt 100% so với KH năm, tăng 13% so với thực hiện năm 2015;
- Tổng giá trị dư nợ phải thu khách hàng giảm 69 tỷ đồng, Giá trị thành phẩm tồn kho giảm 75,7 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm; Khấu hao TSCĐ đạt 431 tỷ đồng, đạt 100% KH năm và tăng 8% so với thực hiện năm 2015;
- Lao động bình quân là 10.442 người giảm 6% so với năm 2015; Thu nhập bình quân đầu người toàn Tổng công ty đạt 7,836 triệu đồng/người/tháng đạt 100% kế hoạch năm, tăng 10% so với thực hiện năm 2015.

2.2. Đánh giá hoạt động của các lĩnh vực, các nhóm sản phẩm

Tất cả các nhóm sản phẩm đều hoạt động có lãi, hoàn thành và vượt mức kế hoạch đã đặt ra; Cụ thể như sau:

- Nhóm kính: Lợi nhuận đạt 256 tỷ đồng đạt 226% kế hoạch, tăng 2,1 lần so với TH năm 2015; Giá trị SXKD đạt 2.598 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch; Doanh thu đạt 2.610 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; Trong đó, Công ty Kính nổi Viglacera (đơn vị phụ thuộc của Công ty Mẹ) hoạt động có hiệu quả, lợi nhuận đạt 194 tỷ đồng đạt 233% kế hoạch, gấp 2,2 lần so với TH năm 2015.
- Nhóm sứ vệ sinh, sen vòi – gạch ốp lát – thương mại: Lợi nhuận đạt 182,6 tỷ đồng đạt 100% so với kế hoạch, tăng 35% so với TH năm 2015; Giá trị SXKD đạt 5.548 tỷ đồng đạt 92% kế hoạch, tăng 10% so với TH năm 2015; doanh thu đạt 5.979 tỷ đồng đạt 99% so với kế hoạch, tăng 18% so với TH năm 2015. Các đơn vị trong nhóm có lợi nhuận cao, đạt và vượt mục tiêu kế hoạch; hai đơn vị kinh doanh là Công ty CP Thương mại, CP kinh doanh ốp lát đã tổ chức tốt công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm, hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, tạo dòng tiền, góp phần cho các đơn vị sản xuất ổn định, hiệu quả. Sản xuất đáp ứng nhu cầu đặt hàng; cơ cấu, mẫu mã sản phẩm đã được điều chỉnh, đa dạng theo nhu cầu thị trường, từng bước kiểm soát được chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, giảm chi phí, giá thành.
- Nhóm gạch ngói: Lợi nhuận đạt 196,5 tỷ đồng, đạt 128% KH năm, tăng 59% so với TH năm 2015; Giá trị SXKD đạt 3.856 tỷ đồng, đạt 105% KH năm, tăng 13% so với TH năm 2015; Doanh thu đạt 3.909 tỷ đồng, đạt 106% KH năm, tăng 4% so với TH năm 2015. Các đơn vị trong Ban Gạch ngói đã thực hiện tốt công tác thu mua dự trữ đất sét, quy hoạch kho

bãi nguyên liệu, ổn định chất lượng, tỷ lệ thu hồi sản phẩm do vậy hiệu quả hoạt động SXKD được nâng cao.

- Lĩnh vực bất động sản: Kết quả hoạt động lãi 179 tỷ đồng. Trong năm 2016, các đơn vị trong nhóm đã tập trung triển khai các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội; Khởi công mới 03 dự án KCN; Tiếp tục triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại các KCN hiện có của Tổng công ty.

Năm 2016, Thương hiệu Viglacera đạt được Giải thưởng Thương hiệu xanh (tổ chức lần thứ nhất), đạt Giải thưởng Thương hiệu mạnh lần thứ bảy liên tiếp, đạt Thương hiệu Quốc Gia lần thứ ba liên tiếp và có trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2016 – VNR500 lần thứ tư liên tiếp và được đánh giá trong Top 10 chủ đầu tư Bất động sản uy tín.

Những kết quả tích cực đạt được trong năm 2016 là đòn bẩy để Tổng công ty tiếp tục triển khai thắng lợi Kế hoạch SXKD năm 2017 và giai đoạn 5 năm 2016 - 2020.

3. Hoạt động quản lý điều hành của Công ty Mẹ - Tổng công ty Viglacera-CTCP

3.1- Công tác tái cơ cấu và hoạt động tài chính

- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Tổng công ty giai đoạn 1 từ 2.645 tỷ lên 3.070 tỷ, giảm tỉ lệ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty từ 91,49% xuống còn 78,82% thông qua đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành ESOP 2016; Hoàn thành niêm yết cổ phiếu VGC tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/12/2016.
- Tiếp tục triển khai tái cơ cấu toàn diện trong toàn Tổng công ty về mô hình tổ chức, về tài chính, về cơ cấu sản phẩm, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh...; để ra các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện cụ thể, điều hành quyết liệt để đạt được mục tiêu.
- Thoái 100% vốn của Tổng công ty - CTCP tại 02 đơn vị là CTCP Giấy Tây Đô và CTCP Viglacera Đông Triều; Triển khai các bước giảm vốn Tổng công ty tại CTCP Cơ khí & Xây dựng Viglacera xuống còn 26%.
- Tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp: xây dựng chi tiết lộ trình giảm hàng tồn kho, giảm dư nợ phải thu.
- Thực hiện thường xuyên, đúng quy định công tác kiểm toán kết quả hoạt động SXKD từng tháng, quý. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin theo quy định của UBCKNN đối với Công ty niêm yết.

3.2. Công tác quản trị và nghiên cứu phát triển

- Kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm: tất cả các nhóm sản phẩm được đánh giá hàng tuần, hàng tháng để giải quyết những tồn tại của từng sản phẩm, từng đơn vị kịp thời, hiệu quả. Đặc biệt, tập trung chỉ đạo trực tiếp các đơn vị đang khó khăn triển khai các giải pháp, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm, cơ cấu sản phẩm.

- Duy trì và nâng cao chất lượng công tác phân tích, đánh giá thị trường, các đối thủ cạnh tranh để có chiến lược cạnh tranh cụ thể đối với từng nhóm sản phẩm, từng đơn vị sản xuất. Xây dựng và triển khai Chiến lược xuất khẩu của Tổng công ty giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với các chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đối với thế giới.

- Triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KHCN nhằm tiết giảm và sử dụng hiệu quả nguyên nhiên vật liệu; nâng cao chất lượng sản phẩm; cơ giới hóa và tự động hóa để tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất...

3.3. Công tác đầu tư phát triển

Bám sát các mục tiêu và chương trình đầu tư phát triển đã thông qua tại ĐHCĐ. Trong năm 2016, Công ty Mẹ trực tiếp đầu tư và định hướng, chỉ đạo các công ty con tập trung triển khai đúng kế hoạch tiến độ các dự án trọng điểm, cụ thể như sau:

3.3.1. Lĩnh vực vật liệu xây dựng:

1. Dự án dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng 2,3 triệu m²/năm (giai đoạn 1): Đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ ngày 25/7/2016, sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng đã được tiêu thụ trên thị trường trong nước và xuất khẩu.
2. Dự án Nhà máy kính nổi siêu trắng 600 tấn/ngày (Giai đoạn 1) tại KCN Phú Mỹ II – Vũng Tàu: Đã được Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Xây Dựng chấp thuận chủ trương đầu tư; hiện nay các bên tham gia Liên doanh đã hoàn thành việc thành lập Công ty Liên doanh; triển khai các bước chuẩn đầu tư để đảm bảo đủ điều kiện khởi công dự án trong quý II/2017.
3. Dự án Nhà máy Sứ Viglacera Mỹ Xuân công suất 750.000 sp/năm tại KCN Mỹ Xuân A - Vũng Tàu: Hiện đang triển khai các gói thầu của dự án, công tác tuyển dụng đào tạo cán bộ CNV cho nhà máy, dự kiến nhà máy sẽ đi vào sản xuất thử từ Quý I/2018.
4. Tiếp tục triển khai Dự án NCKH cấp nhà nước “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất gạch bê tông khi chưng áp công suất 200.000 m³/năm” theo tiến độ kế hoạch cam kết.
5. Dự án dây chuyền sản xuất kính cán siêu trắng công suất 250 tấn/ngày tại Đáp Cầu: triển khai các bước công việc chuẩn bị đầu tư; hoàn thiện dự án đầu tư và công tác chuẩn bị để phát hành tăng vốn để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho dự án.
6. Dự án đầu tư mở rộng sản xuất gạch ốp lát granite cao cấp dây chuyền 2 Nhà máy Thái Bình (Công ty CP Viglacera Tiên Sơn): Vận hành đạt các thông số công suất, chất lượng sản phẩm, tỷ lệ thu hồi và tiêu hao nhiên vật liệu theo mục tiêu của dự án.
7. Hoàn thành chuyển đổi nhiên liệu sang khí tự nhiên (CNG) tại Tiên Sơn, Thanh Trì, Việt Trì, bước đầu đạt các mục tiêu đặt ra, nâng cao tỷ lệ thu hồi và chất lượng sản phẩm; giảm chi phí nhiên liệu từ 10 - 15% so với sử dụng

LPG hoặc khí hóa than.

8. Vận hành ổn định dự án 100% ngói tại Nhà máy Hoàn Hảo (GD1) tại Công ty CP Viglacera Hạ Long; Tiếp tục triển khai bám sát KH tiến độ dự án giai đoạn 2, dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác trong quý I/2017.
9. Đầu tư nước ngoài: Tập trung triển khai chương trình hợp tác đầu tư quốc tế tại Cuba; Tổng công ty đã ký thỏa thuận về việc đẩy nhanh tiến độ thành lập công ty liên doanh sản xuất sứ vệ sinh và gạch ốp lát với Tập đoàn Geicon.

3.3.2. Lĩnh vực bất động sản:

◆. Khu công nghiệp:

- Tổ chức khởi công 03 dự án KCN mới, nâng tổng số các KCN Viglacera lên 10 KCN với tổng diện tích đầu tư trên 3.580 ha:

+ KCN Tiền Hải (446 ha) tại - Thái Bình,

+ KCN Đồng Văn IV (300 ha) tại Hà Nam;

+ KCN Yên Phong mở rộng (314ha) tại Bắc Ninh;

- Tiếp tục triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật các KCN Yên Phong mở rộng (Bắc Ninh); Hải Yên và Đông Mai (Quảng Ninh); Phong Điền (Huế), Phú Hà (Phú Thọ) và Tiền Hải (Thái Bình); Các Dự án trạm xử lý nước thải và nước sạch tại KCN Yên Phong I và Yên Phong mở rộng

◆. *Khu đô thị và nhà ở:* Triển khai thực hiện theo tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm: 671 Hoàng Hoa Thám GD3 (Hà Nội); Ngã 6 Bắc Ninh GD 2; Nhà công nhân A1 KĐT Yên Phong; chuẩn bị các bước hợp tác đầu tư các dự án về nhà ở với các đối tác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

◆. *Đầu tư nước ngoài:* Ký kết ý định thư với Tập đoàn khách sạn Islazul về hợp tác đầu tư khách sạn tại Cuba.

3.4. Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn liền với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty. Năm 2016, Tổng công ty tập trung triển khai chương trình hợp tác tư vấn và đào tạo đã ký kết với Proskills; tổ chức đào tạo thí điểm theo chương trình khung 5 ngành nghề đã được TCDN và Tổ chức Proskills (Anh) thẩm định. Đồng thời, ký kết hợp đồng đào tạo với các Trường Đại học Xây dựng, Kiến trúc và Bách Khoa Hà nội để tuyển dụng, đào tạo tạo nguồn đội ngũ nhân lực chất lượng cao cho Tổng công ty và các dự án trọng điểm chuẩn bị đầu tư. Trong đó, năm 2016 tổ chức 29 lớp hệ dài hạn, 04 lớp hệ Cao đẳng và 62 khóa đào tạo ngắn hạn về tiêu chuẩn kỹ năng nghề, quản lý công nghệ và các nghiệp vụ; tổng số lượt đào tạo đạt 4.813 học viên, trong đó có 645 học viên dài hạn, cao đẳng, 45 học viên thạc sĩ.

Trường Cao đẳng nghề Viglacera được OFQUAL – cơ quan Chính phủ Anh (GOV.UK) cấp giấy chứng nhận thành lập “Trung tâm đánh giá nghề Viglacera”; các học viên của Viglacera sau khi tốt nghiệp được đánh giá, nếu đạt yêu cầu sẽ đề xuất OFQUAL cấp Chứng chỉ nghề quốc tế do chính phủ Anh công nhận.

II. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017

Các chỉ tiêu chính Kế hoạch SXKD năm 2017 của Tổng công ty Viglacera - CTCP và các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu chính Kế hoạch năm 2017 của Tổng công ty CTCP

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	% KH 2017/TH 2016
1. Lợi nhuận trước thuế			
+ Tổng công ty - CTCP (hợp nhất)	768.737	844.000	110%
+ Công ty Mẹ	440.892	494.000	112%
2. Doanh thu			
+ Tổng công ty - CTCP (hợp nhất)	8.138.779	8.060.000	99%
+ Công ty Mẹ (đã trừ doanh thu nội bộ)	3.187.485	3.482.000	109%
3. Thực hiện đầu tư	1.757.000	2.600.000	148%
+ Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	580.000	900.000	155%
+ Lĩnh vực đầu tư HTKT, dịch vụ KCN	859.000	899.000	105%
+ Lĩnh vực vật liệu	297.000	721.000	243%
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	21.000	80.000	380%
4. Vốn điều lệ của TCT Viglacera - CTCP	3.070.000	4.483.000	146%

Các chỉ tiêu chính Kế hoạch SXKD của toàn Tổng công ty năm 2017 đặt ra:

- Lợi nhuận trước thuế Tổng công ty Viglacera - CTCP (hợp nhất) tăng 10% so với thực hiện năm 2016;
- Tổng doanh thu (hợp cộng) đạt trên 16.300 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2016;
- Giá trị SXKD đạt trên 16.100 tỷ đồng, tăng 1% so với thực hiện năm 2016;
- Dự kiến chia cổ tức của Công ty Mẹ năm 2017 là 9%/năm (vốn điều lệ 4.483 tỷ đồng).

2. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong năm 2017

2.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên cấp độ cao hơn, tăng cường khả năng cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế;
2. Tập trung nâng cao năng suất lao động thông qua các giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa và cơ cấu lại mô hình tổ chức;
3. Tập trung triển khai Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017 và các năm tiếp theo;
4. Tập trung triển khai kế hoạch đầu tư phát triển để đảm bảo mục tiêu tốc độ tăng trưởng bền vững theo Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020, với các dự án trọng điểm:

- Lĩnh vực vật liệu: Các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, đầu tư mở rộng tăng sản lượng sản phẩm có giá trị gia tăng cao như dự án kính nổi siêu trắng tại Vũng Tàu, kính cán siêu trắng tại CTCP Kính Viglacera Đáp Cầu, sứ vệ sinh Viglacera tại Mỹ Xuân, dự án vôi công nghiệp; tiếp tục đầu tư chiều sâu, ứng dụng các giải pháp công nghệ - kỹ thuật tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và tiết giảm chi phí;
- Lĩnh vực bất động sản: Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư để mở rộng quỹ đất cho phát triển các dự án nhà ở công nhân tại Yên Phong (Bắc Ninh); Tiên Dương, Kim Chung (Đông Anh - Hà Nội); các dự án nhà ở công nhân tại các KCN; Tổ hợp Thăng Long No1 Giai đoạn 2 (Hà Nội) và các khu công nghiệp mới Yên Mỹ (Hưng Yên), KCN Thuận Thành (Bắc Ninh);
- Triển khai đầu tư ra nước ngoài trên cơ sở hợp tác, liên doanh đầu tư các dự án sản xuất VLXD, dự án khách sạn tại Cuba;





5. Tập trung các nguồn lực về công tác thiết kế mẫu mới, kiểm soát chất lượng, mở rộng thị trường xuất khẩu đảm bảo mục tiêu xuất khẩu năm 2017 đạt 35 triệu USD, bám sát kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020; đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và tiến tới mục tiêu đạt 100 triệu USD.

2.2. Các giải pháp thực hiện

2.2.1. Công tác tái cơ cấu

- Tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera - CTCP lên 4.483 tỷ đồng, tạo nguồn vốn cho công tác đầu tư phát triển của Tổng công ty; tập trung cho các dự án trọng điểm Dự án Nhà máy kính nổi siêu trắng tại Vũng Tàu (Góp vốn vào Công ty Liên doanh kính siêu trắng Phú Mỹ, Tổng công ty tham gia 35% vốn điều lệ của công ty); Dự án đầu tư nhà máy sứ Viglacera Mỹ Xuân; Dự án đầu tư KCN Đồng Văn IV và KCN Yên Phong mở rộng.

- Triển khai góp vốn với các đối tác và thủ tục thành lập các công ty để triển khai đầu tư dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp; các dự án tại Cuba; công ty quản lý KCN Yên Mỹ; đầu tư nhà ở xã hội tại Tiên Dương - Đông Anh.

- Tăng vốn điều lệ cho CTCP Kính Viglacera Đáp Cầu, CTCP Viglacera Hạ Long, CTCP Viglacera Tiên Sơn, CTCP Viglacera Thanh Trì, CTCP Viglacera Việt Trì, CTCP Viglacera Vân Hải đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, tiếp tục cơ cấu nguồn vốn hợp lý, tạo điều kiện khai thác và sử dụng vốn hiệu quả.

- Triển khai lộ trình thoái vốn theo kế hoạch đã được Bộ Xây dựng chấp thuận tại CTCP Cơ khí và Xây dựng Viglacera.

- Tiếp tục và hoàn thành việc quyết toán vốn nhà nước tại Tổng công ty để bàn giao sang doanh nghiệp Tổng công ty Viglacera - CTCP.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty theo Quyết định 609/QĐ-BXD ngày 24/09/2013, văn bản số 733/BXD-QLDN ngày 25/04/2016 và Quyết định số 103/QĐ-BXD ngày 24/2/2017 của Bộ Xây dựng; Thông báo số 147/TB-VPCP ngày 17/3/2017 của Văn phòng Chính phủ về

việc sắp xếp, đổi mới và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước.

2.2.2. Công tác điều hành của Công ty Mẹ

- Rà soát, phê duyệt bổ sung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, các quy chế khoán quản, tinh giản bộ máy lao động gián tiếp để tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí trong giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, tồn kho và dư nợ, cơ cấu các khoản vay để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển trong kế hoạch năm 2017.

- Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm soát tại các đơn vị và Tổng công ty. Thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, việc thực hiện các định mức tiêu hao, định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động sản xuất...

2.2.3. Công tác nâng cao chất lượng và phát triển sản phẩm mới

- Phát huy vai trò của Viện Nghiên cứu và Phát triển Viglacera, Giám đốc chất lượng các lĩnh vực sản phẩm và cán bộ chất lượng tại các đơn vị trong việc quản lý chặt chẽ chất lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào; tăng cường quản lý, giám sát đảm bảo tuân thủ qui trình công nghệ sản xuất, dây chuyền vận hành ổn định, đạt công suất.

- Trung tâm khuôn mẫu triển khai hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu đưa ra các mẫu sản phẩm mới theo xu hướng sản phẩm thông minh, gắn gũi với thiên nhiên, tính năng sử dụng cao,... đáp ứng thị trường nội địa và xuất khẩu.

2.2.4. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai các chính sách đãi ngộ xứng đáng cho đội ngũ Công nghệ trưởng - Kỹ sư trưởng đảm nhận vai trò chuyên môn sâu phục vụ công tác quản lý công nghệ - kỹ thuật với chương trình "Lương cho nghệ nhân và chuyên gia". Mặt khác, có quy chế tuyển dụng, đào tạo và chế độ bồi dưỡng, đãi ngộ hợp lý cho đội ngũ kỹ sư trẻ mới ra trường để thu



hút, tuyển dụng nhân lực chất lượng cao.

- Triển khai hoạt động đào tạo kế hoạch, chương trình đã đặt ra; Duy trì công tác rà soát, cập nhật và hiệu chỉnh hệ thống giáo trình đảm bảo áp dụng được công nghệ tiên tiến; phù hợp với công nghệ hiện có tại các đơn vị sản xuất của Tổng công ty.

2.2.5. Công tác đầu tư phát triển:

Triển khai kế hoạch đầu tư phát triển với các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốc độ tăng trưởng 10 - 15% đã đặt ra trong Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020; song song với triển khai đầu tư chiều sâu, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, giảm chi phí... với các dự án trọng điểm của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên trong các lĩnh vực:

2.2.5.1. Lĩnh vực vật liệu:

- Công ty Mẹ: 03 dự án và hợp tác đầu tư nước ngoài

1. Dự án Nhà máy kính nổi siêu trắng 600 tấn/ngày (GĐ1) tại KCN Phú Mỹ II – Vũng Tàu: tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 2.600 tỷ đồng; thành lập Công ty Liên doanh để triển khai dự án, với vốn điều lệ là 886 tỷ đồng (Tổng công ty Viglacera - CTCP góp 35% vốn điều lệ; Tổng công ty IDICO: góp 30% vốn điều lệ; Tập đoàn Khải Thịnh (Trung Quốc) góp 35% vốn điều lệ); dự kiến khởi công đầu quý II/2017.
2. Dự án Nhà máy sứ Viglacera Mỹ Xuân, công suất 750 ngàn sản phẩm/năm: Tổng mức đầu tư 486 tỷ đồng; sản phẩm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu; Dự kiến Quý I/2018 hoàn thành đưa vào hoạt động.
3. Dự án Nhà máy vôi công nghiệp tại Hải Phòng: Thực hiện phân kỳ đầu tư theo giai đoạn; Trong đó, giai đoạn 1 công suất 140 ngàn tấn/năm với tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng trên cơ sở thành lập Công ty liên doanh, dự kiến khởi công trong quý II/2017.
4. Đầu tư nước ngoài:
 - + Hợp tác với đối tác Cuba thành lập Công ty Liên doanh tại Cuba thực hiện đầu tư trong lĩnh vực gạch ốp lát, sứ

vệ sinh với vốn điều lệ dự kiến 39,860 triệu USD; tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 61,8 triệu USD. Giai đoạn đầu Tổng công ty góp vốn bằng giá trị dịch vụ kỹ thuật (chuyên gia kỹ thuật), các thiết bị, phụ tùng thay thế và tiền mặt để cải tạo và đưa 02 Nhà máy vận hành đạt công suất thiết kế. Sau khi vận hành 02 nhà máy đạt công suất, khai thác có hiệu quả, căn cứ nhu cầu thị trường Cuba và xuất khẩu, sẽ tiếp tục góp vốn điều lệ để đầu tư mới 01 dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh, công suất dự kiến 500.000 sản phẩm/năm, 01 dây chuyền sản xuất gạch ốp công suất 3 triệu m²/năm.

- + Tiếp tục nghiên cứu, khảo sát, lập phương án đầu tư Nhà máy kính nổi tại Cuba.
- Công ty con: 07 dự án
 1. Dự án dây chuyền kính cán siêu trắng công suất 250 tấn/ngày tại CTCP Kính Viglacera Đáp Cầu: Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 700 tỷ đồng, sản phẩm của nhà máy phục vụ sản xuất pin năng lượng mặt trời; dự kiến khởi công trong quý II/2017, hoàn thành đi vào sản xuất từ quý I/2019.
 2. Dự án đầu tư cải tạo bổ sung Dây chuyền số 1 – Nhà máy Yên Phong của CTCP Viglacera Hà Nội, sản xuất gạch bán sứ in kỹ thuật số, công suất 2,3 triệu m²/năm; hoàn thành và đưa vào vận hành quý IV/2017.
 3. Dự án mua lại và đầu tư bổ sung Nhà máy gạch ốp lát Mỹ Đức có công suất 2,5 triệu m²/năm (gồm 02 dây chuyền) của CTCP Viglacera Tiên Sơn với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 220 tỷ đồng, sản xuất sản phẩm gạch granite in kỹ thuật số. Dự kiến tháng 5/2017, đưa dây chuyền 1 vào sản xuất và tháng 6/2017 đưa dây chuyền 2 vào sản xuất.
 4. Dự án đầu tư Nhà máy chế biến đất sét Viglacera của CTCP Sứ Viglacera Thanh Trì: hoàn thành quý II/2017 đáp ứng nhu cầu dự trữ và cung cấp nguyên liệu cho các đơn vị sản xuất sứ bắt đầu từ quý III/2017.
 5. Tiếp tục triển khai khảo sát, đánh giá, lập dự án đầu tư

mới nhà máy gạch ốp Phú Hà giai đoạn 1 công suất 6 triệu m²/năm tại KCN Phú Hà của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long.

6. Dự án Khu du lịch sinh thái Vân Hải tại Công ty CP Vân Hải Viglacera: Triển khai dự án trên cơ sở hợp tác với các đối tác trong nước là tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm trong triển khai đầu tư, quản lý và vận hành các dự án trong lĩnh vực du lịch, khách sạn; góp vốn thành lập một Công ty cổ phần để thực hiện.
7. Tổ chức đánh giá hiệu quả đầu tư dự án Nhà máy 100% Ngói Hoàn Bồ (GĐ 2), sau khi đưa vào vận hành ổn định; Triển khai đầu tư mới 01 dây chuyền sản xuất 100% ngói, công nghệ Châu Âu công suất 30 triệu viên/năm tại Hoàn Bồ (CTCP Viglacera Hạ Long), tổng mức đầu tư dự kiến 330 tỷ đồng và nhân rộng tới các đơn vị trong Ban Gạch ngói.

2.2.5.2. Lĩnh vực bất động sản:

1. Khu công nghiệp:

- Khởi công các dự án KCN mới: KCN Yên Mỹ - Hưng Yên (400 ha), KCN Thuận Thành – Bắc Ninh (300 ha);
- Tiếp tục giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, Đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê, văn phòng điều hành và các hệ thống dịch vụ tại các KCN đang đầu tư là Yên Phong, Phong Điền, Tiên Hải, Đồng Văn IV... đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

2. Khu đô thị và nhà ở:

Chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các dự án khởi công trong năm 2017 gồm:

- Tổ hợp Thăng Long No1 Giai đoạn 2 – Hà Nội; Khu nhà ở thương mại tại Yên Phong (9,1 ha);
- Nhà ở công nhân tại Yên Phong (9,8 ha); Khu nhà ở xã hội tại Tiên Dương – Đông Anh (39ha, hợp tác đầu tư với Công ty CP Hoàng Thành); Nhà ở thu nhập thấp và nhà ở công nhân tại Kim Chung - Đông Anh (hợp tác đầu tư với TCT Handico); Nhà ở công nhân tại các KCN Phú Hà – Phú Thọ, KCN Đồng Văn IV – Hà Nam, Nhà ở xã hội tại Khu đô thị Đặng Xá mở rộng...

3. Đầu tư tại nước ngoài

- Lĩnh vực du lịch khách sạn, du lịch: Hợp tác với các đối tác trong nước góp vốn thành lập mới một Công ty liên doanh dự kiến vốn điều lệ khoảng 3 triệu USD để hợp tác với đối tác tại Cuba. Thành lập 1 công ty tại Cuba để triển khai các dự án bất động sản, trước mắt thực hiện đầu tư khách sạn hiện có và các khu đất có điều kiện thuận lợi phát triển du lịch thuộc sở hữu của Tập đoàn ISLAZUL (Cuba); khách sạn hiện có thuộc sở hữu của Tập đoàn GRAN CARIBE (Cuba) được đầu tư mới/nâng cấp.

- Lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp: Thành lập Công ty tại Cuba để triển khai đầu tư trong Đặc khu kinh tế Mariel tại Cuba, dự kiến giai đoạn 1 đầu tư 168 ha.

2.2.5.3. Nghiên cứu phát triển, đào tạo và quản trị

- Đầu tư cho nghiên cứu phát triển đặc biệt đối với Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera, đúng với vai trò là cơ quan đầu mối triển khai và quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất; đồng thời là đơn vị chuyên môn quản lý công nghệ của Tổng công ty (vị trí công nghệ trưởng); Đầu tư Trung tâm thí nghiệm kính low-e.

- Triển khai Dự án NCKH cấp nhà nước “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất gạch bê tông khi chưng áp công suất 200.000 m³/năm” theo tiến độ kế hoạch cam kết trong năm 2017 - 2018.

- Đầu tư cho đào tạo nguồn lực: Tiếp tục triển khai chương trình hợp tác đào tạo với đối tác Proskills (Anh) và Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực 2016 - 2020 của Tổng công ty.

- Tập trung triển khai dự án ERP đảm bảo mục đích: Chuẩn hóa các quy trình kinh doanh; kiểm soát các bộ phận, phòng ban, các công ty thành viên theo một hệ thống thông tin thống nhất; tăng độ chính xác và kịp thời của các thông tin; kiểm soát rủi ro; tiết kiệm chi phí; tăng hiệu quả SXKD.

- Kết hợp với Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Xây Dựng đào tạo sinh viên các năm cuối thực hành và sau đó sẽ làm việc tại các nhà máy của Tổng công ty Viglacera.

2.2.6. Công tác thị trường

- Ban Thương mại Tổng công ty là đầu mối tiếp tục duy trì công tác khảo sát, đánh giá phân tích toàn diện về thị trường, về mẫu mã, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giá cả sản phẩm để có các giải pháp khả thi nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD, chiến lược phát triển sản phẩm mới và định hướng đầu tư của Tổng công ty.

- Triển khai đăng ký thành lập các văn phòng đại diện, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu phù hợp với pháp luật của các nước sở tại.

- Tập trung phát triển thị trường xuất khẩu truyền thống và mở rộng các thị trường mới để đảm bảo hoàn thành kế hoạch xuất khẩu đạt 35 triệu USD năm 2017.

Năm 2016, Tổng công ty Viglacera - CTCP đã hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu chính Kế hoạch đề ra. Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2016, được sự ủng hộ, chỉ đạo giúp đỡ của Bộ Xây Dựng, của các cổ đông, sự cố gắng nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên toàn Tổng công ty; chắc chắn Tổng công ty Viglacera - CTCP sẽ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM NĂM 2017



Nhà máy Kính nổi siêu trắng (Giai đoạn 1) tại KCN Phú Mỹ II - Vũng Tàu
Tổng mức đầu tư: **Khoảng 2.600 tỷ đồng**
Công suất **600 tấn/ngày**

Nhà máy Sứ Viglacera tại KCN Mỹ Xuân A - Vũng Tàu.
Tổng mức đầu tư: **486 tỷ đồng**
Công suất **750.000 sp/năm**



KCN Yên Phong mở rộng - Bắc Ninh
Tổng mức đầu tư: **2.908 tỷ đồng**
Quy mô: **314 ha**

KCN Đồng Văn IV - Hà Nam
Tổng mức đầu tư: **1.910 tỷ đồng**
Quy mô: **300 ha**



HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI CUBA

- Lĩnh vực vật liệu:

Hợp tác liên doanh với Tập đoàn Geicon (Cuba) đầu tư 02 nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở 02 Nhà máy hiện có tại Santa Cruze và San Jose thuộc Tập đoàn Geicon quản lý. Trong đó, Vốn điều lệ của Công ty liên doanh dự kiến là 39,86 triệu USD; Tổng công ty Viglacera - CTCP: góp 50% Vốn điều lệ; giai đoạn đầu góp vốn bằng giá trị dịch vụ kỹ thuật (chuyên gia kỹ thuật), các thiết bị, phụ tùng thay thế và tiền mặt (không quá 5 triệu USD) để cải tạo và đưa 02 nhà máy vận hành đạt công suất thiết kế. Sau khi vận hành 02 nhà máy đạt công suất, khai thác có hiệu quả; căn cứ nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, sẽ tiếp tục góp vốn điều lệ để đầu tư 02 dây chuyền mới gạch ốp lát, sứ vệ sinh.

- Lĩnh vực bất động sản:

+ Cùng với đối tác CHAO thành lập Công ty Liên doanh hợp tác đầu tư với đối tác Cuba là Tập đoàn Grand Caribe và ISLAZUL triển khai đầu tư trong lĩnh vực khách sạn du lịch, khách sạn.

+ Đầu tư trong KCN Mariel

Khu công nghiệp Mariel có vị trí cách thủ đô La Havana 50km về phía Tây, có tổng diện tích 465,4 km² được khởi công xây dựng năm 2013. Giai đoạn 1 (khu A) có diện tích 43 km². Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp nước sạch, thoát nước...), giao thông thuận lợi (đường sắt, đường bộ, đường thủy, cầu cảng...). Hiện đã có 19 doanh nghiệp đăng ký đầu tư vào KCN Mariel có diện tích 80ha, tổng vốn 940 triệu USD; hàng năm được Chính phủ Cuba đầu tư vào KCN Mariel khoảng 300 triệu USD.



I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt tại Nghị quyết số 30/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016, đã họp và ban hành 113 Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt với các nội dung trọng tâm gồm:

1. Ban hành mới/điều chỉnh và bổ sung các quy chế hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP, các đơn vị trực thuộc.
2. Giao Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2016 của Tổng công ty, xây dựng Kế hoạch 2016 - 2020; Phê duyệt và giao Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017 của Tổng công ty -CTCP và các đơn vị thành viên, làm cơ sở để thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2017.
3. Tiếp tục điều chỉnh bổ sung đề án, kế hoạch triển khai thực hiện tái cơ cấu toàn diện đối với các đơn vị có nhiều khó khăn, năng lực cạnh tranh thấp.
4. Triển khai thành công tăng vốn điều lệ của Tổng công ty – CTCP từ 2.645 tỷ đồng lên 3.070 tỷ đồng. Xây dựng phương án tiếp tục tăng vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.070 tỷ lên 4.483 tỷ đồng để triển khai trong năm 2017, đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án trọng tâm năm 2017.

5. Phương án thoái/giảm vốn của Tổng công ty Viglacera - CTCP tại CTCP Cơ khí và Xây dựng Viglacera; Thực hiện thoái 100% vốn tại CTCP Viglacera Đông Triều.
6. Chủ trương đầu tư, kế hoạch chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư trong lĩnh vực bất động sản gồm các dự án đầu tư KCN mới, các dự án trong lĩnh vực vật liệu như dự án kính tiết kiệm năng lượng, dự án sứ vệ sinh Viglacera tại Vũng Tàu, các dự án chuẩn bị đầu tư kính siêu trắng và các hạng mục đầu tư chiều sâu kết hợp với các giải pháp nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm giá trị gia tăng cao, khác biệt, sử dụng năng lượng sạch (khí thiên nhiên), tiết giảm chi phí

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành; các biên bản, nghị quyết phê duyệt, thông qua các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân các thành viên Hội đồng quản trị trong các mặt hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP; đều đạt được sự thống nhất cao của các thành viên, đảm bảo triển khai theo đúng quy định.



II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017



Năm 2017 có ý nghĩa rất quan trọng, là năm bản lề của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Bên cạnh những yếu tố thuận lợi như nền kinh tế tiếp tục phục hồi, môi trường kinh doanh thông thoáng tạo niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát... Đây chính là những yếu tố và điều kiện tích cực thúc đẩy sự phát triển của Tổng công ty Viglacera lên tầm cao mới; trên cơ sở tiếp tục duy trì và phát huy sự chủ động nắm bắt mọi tình hình, quyết liệt và linh động trong công tác điều hành để tiếp tục thực hiện kế hoạch tái cơ cấu một cách toàn diện các mặt hoạt động để nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo tăng trưởng bền vững.

Mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2017 của Hội đồng quản trị

◆ Mục tiêu

- 1. Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017, với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng bình quân các chỉ tiêu chính từ 10% trở lên; cụ thể như sau:
 - Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ: 494 tỷ đồng
 - Doanh thu công ty mẹ: 3.482 tỷ đồng
 - Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 2.600 tỷ đồng
- 2. Điều hành quản lý Tổng công ty theo mô hình Công ty đại chúng thông qua các Quy chế quản trị tiệm cận với các doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất và quản trị hàng đầu trong nước và quốc tế; đáp ứng và tận dụng tối đa cơ hội hội nhập kinh tế quốc tế;
- 3. Tăng vốn điều lệ của Tổng công ty - CTCP lên 4.483 tỷ đồng, tương ứng giảm tỉ lệ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty từ 78,82% xuống còn 53,96%; Trong đó trên cơ sở đã lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, tỷ lệ đồng ý phương án tăng vốn là 82,53% và phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên và Người được ủy quyền quản lý phần vốn Tổng công ty tại các đơn vị (ESOP 2017) với số lượng

- cổ phiếu tối đa là 5% vốn điều lệ tại thời điểm phát hành, giá phát hành một cổ phiếu là giá trị sổ sách cổ phiếu trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ quý gần nhất tại thời điểm phát hành. Kế hoạch chia cổ tức năm 2017 là 9%.
- 4. Xây dựng phương án và lộ trình thoái vốn nhà nước về 51% đến hết năm 2019 theo Thông báo của Văn phòng Chính Phủ và văn bản của Bộ Xây Dựng;
- 5. Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty theo Quyết định 609/QĐ-BXD ngày 24/09/2013, văn bản số 733/BXD-QLDN ngày 25/04/2016 và Quyết định số 103/QĐ-BXD ngày 24/2/2017 của Bộ Xây Dựng; Thông báo số 147/TB-VPCP ngày 17/3/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước của Bộ xây dựng.

◆ Nhiệm vụ trọng tâm trong quản trị điều hành

- Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên cấp độ cao hơn, tăng cường khả năng cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế;
- Tập trung nâng cao năng suất lao động thông qua các giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sáng kiến cải

tiến kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa và cơ cấu lại mô hình tổ chức;

- Tập trung triển khai Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017 và các năm tiếp theo;

- Tập trung triển khai kế hoạch đầu tư phát triển để đảm bảo mục tiêu tốc độ tăng trưởng bền vững theo Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020, với các dự án trọng điểm như sau:

a. Lĩnh vực vật liệu

+ Dự án nhà máy kính siêu trắng Phú Mỹ giai đoạn 1 công suất 600 tấn/ngày;

+ Dự án nhà máy sứ vệ sinh Viglacera Mỹ Xuân công suất 750.000 sản phẩm/năm;

+ Dự án nhà máy vôi công nghiệp Hải Phòng giai đoạn I công suất 140.000 tấn/năm;

+ Tiếp tục khảo sát, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án kính siêu trắng (giai đoạn 2); kính tiết kiệm năng lượng (giai đoạn 2).

b. Lĩnh vực bất động sản:

- Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà: Chuẩn bị đầu tư và triển khai đầu tư các dự án đầu tư mới trong năm 2017 gồm:

+ Nhà ở công nhân tại Yên Phong (9,8 ha);

+ Khu nhà ở xã hội tại Tiên Dương - Đông Anh (39 ha, hợp tác đầu tư với Công ty CP Hoàng Thành);

+ Nhà ở thu nhập thấp và nhà ở công nhân tại Kim Chung - Đông Anh (hợp tác đầu tư với TCT Handico);

+ Nhà ở xã hội tại Khu đô thị Đặng Xá mở rộng (27 ha);

+ Nhà ở công nhân tại các KCN Phú Hà - Phú Thọ (giai đoạn 1 4,3 ha), KCN Đồng Văn IV - Hà Nam (16,9 ha), KCN Hải Yên (10 ha) và KCN Đông Mai (9 ha) - Quảng Ninh; KCN Yên Mỹ - Hưng Yên (80 ha);

+ Khu nhà ở công nhân tại Bình Xuyên - Vĩnh Phúc (30 ha).

+ Khu nhà ở thương mại tại Yên Phong (20 ha);

+ Tổ hợp Thăng Long No1 Giai đoạn 2 - Hà Nội;

+ Dự án khu đô thị Đông Anh (150 ha).

- Lĩnh vực đầu tư hạ tầng KCN và dịch vụ:

+ Khởi công dự án KCN mới: KCN Yên Mỹ - Hưng Yên (400 ha);

+ Tiếp tục giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê, văn phòng điều hành và các hệ thống dịch vụ tại các KCN đang đầu tư là Yên Phong, Yên Phong mở rộng, Phong Điền, Tiên Hải, Đồng Văn IV, Phú Hà, Đông Mai... đáp ứng nhu cầu của khách hàng;

+ Triển khai chuẩn bị đầu tư KCN Đồng Văn IV mở rộng (300ha); KCN Thuận Thành - Bắc Ninh (300 ha).

c. Đầu tư tại nước ngoài

- Lĩnh vực vật liệu: Hợp tác với đối tác Cuba thành lập Công ty Liên doanh tại Cuba thực hiện đầu tư trong lĩnh vực gạch ốp lát, sứ vệ sinh với vốn điều lệ dự kiến 39,860 triệu USD; tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 61,8 triệu USD. Giai đoạn đầu Tổng công ty góp vốn bằng giá trị dịch vụ kỹ thuật (chuyên gia kỹ thuật), các thiết bị, phụ tùng thay thế và tiền mặt để cải tạo và đưa 02 Nhà máy vận hành đạt công suất thiết kế. Sau khi vận hành 02 nhà máy đạt công suất, khai thác có hiệu quả, căn cứ nhu cầu thị trường Cuba và xuất khẩu, sẽ tiếp tục góp vốn điều lệ để đầu tư mới 01 dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh, công suất dự kiến 500.000 sản phẩm/năm, 01 dây chuyền sản xuất gạch ốp công suất 3 triệu m²/năm. Tiếp tục nghiên cứu, khảo sát, lập phương án đầu tư nhà máy kính nổi tại Cuba.

- Lĩnh vực du lịch khách sạn, du lịch: Hợp tác với các đối tác trong nước góp vốn thành lập mới một Công ty liên doanh dự kiến vốn điều lệ khoảng 3 triệu USD để hợp tác với đối tác tại Cuba. Thành lập 1 công ty tại Cuba để triển khai các dự án bất động sản, trước mắt thực hiện đầu tư khách sạn hiện có và các khu đất có điều kiện thuận lợi phát triển du lịch thuộc sở hữu của Tập đoàn ISLAZUL (Cuba); khách sạn hiện có thuộc sở hữu của Tập đoàn GRAN CARIBE (Cuba) được đầu tư mới/nâng cấp; Tiếp tục tìm kiếm các dự án đầu tư khách sạn mới.

- Lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp: Đầu tư trong Đặc khu kinh tế Mariel tại Cuba.





d. Nghiên cứu phát triển và đào tạo

- Dự án NCKH cấp nhà nước “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất gạch bê tông khi chưng áp công suất 200.000 m³/năm” theo tiến độ kế hoạch cam kết trong năm 2017 - 2018.

- Đầu tư cho nghiên cứu phát triển đặc biệt đối với Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera, đúng với vai trò là cơ quan đầu mối triển khai và quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất; đồng thời là đơn vị chuyên môn quản lý công nghệ của Tổng công ty (vị trí công nghệ trưởng); Đầu tư Trung tâm thí nghiệm kính low-e.

- Đầu tư cho đào tạo nguồn lực: Tiếp tục triển khai chương trình hợp tác đào tạo với đối tác Proskills (Anh) và Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực 2016 - 2020 của Tổng công ty; Hợp tác với Gumi (Hàn Quốc) thành lập Trường Cao đẳng quốc tế.

- Tập trung triển khai dự án ERP (đưa công nghệ thông tin ứng dụng trong hệ thống quản trị) đảm bảo mục đích: Chuẩn hóa các quy trình kinh doanh; kiểm soát các bộ phận, phòng ban, các công ty thành viên theo một hệ thống thông tin thống nhất; tăng độ chính xác và kịp thời của các thông tin; kiểm soát rủi ro; tiết kiệm chi phí; tăng hiệu quả SXKD.

- Tập trung các nguồn lực về công tác thiết kế mẫu mới, kiểm soát chất lượng, mở rộng thị trường xuất khẩu đảm bảo mục tiêu xuất khẩu năm 2017 đạt 35 triệu USD, bám sát kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020; đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và tiến tới mục tiêu đạt 100 triệu USD theo Chiến lược xuất khẩu của Tổng công ty đã đặt ra.

Chỉ đạo và định hướng các công ty con triển khai các dự án trọng điểm:

- Dự án dây chuyền kính cán siêu trắng công suất 250 tấn/ngày tại Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu: Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 700 tỷ đồng, sản phẩm của nhà máy phục vụ sản xuất pin năng lượng mặt trời; dự kiến khởi công trong

quý II/2017, hoàn thành đi vào sản xuất từ quý I/2019.

- Dự án đầu tư cải tạo, thay thế Dây chuyền số 1 – Nhà máy Yên Phong của Công ty CP Viglacera Hà Nội, sản xuất gạch bán sứ in kỹ thuật số, công suất 2,3 triệu m²/năm; hoàn thành và đưa vào vận hành quý IV/2017.

- Dự án mua lại và đầu tư bổ sung Nhà máy gạch ốp lát Mỹ Đức có công suất 2,4 triệu m²/năm (gồm 02 dây chuyền) của Công ty CP Viglacera Tiên Sơn với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 200 tỷ đồng, sản xuất sản phẩm gạch granite in kỹ thuật số. Dự kiến tháng 6/2017, đưa dây chuyền 1 vào sản xuất và tháng 7/2017 đưa dây chuyền 2 vào sản xuất.

- Triển khai thực hiện việc đầu tư chiều sâu nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả tại phân xưởng sản xuất số 1 và 2 theo đúng kế hoạch, đạt các mục tiêu sau đầu tư tại Công ty CP Viglacera Thăng Long.

- Tiếp tục triển khai khảo sát, đánh giá, lập dự án đầu tư mới nhà máy gạch ốp Phú Hà giai đoạn 1 công suất 6 triệu m²/năm tại KCN Phú Hà của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long.

- Dự án đầu tư Nhà máy chế biến đất sét Viglacera tại Hải Dương của Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì: Đáp ứng nhu cầu dự trữ và cung cấp nguyên liệu đảm bảo chất lượng cho các đơn vị sản xuất sứ.

- Tiếp tục đầu tư 01 dây chuyền sản xuất ngói công suất đạt 30 triệu viên/năm (Hạ Long- Hoàn Bồ), tổng mức đầu tư dự kiến 330 tỷ đồng và nhân rộng tới các đơn vị trong Ban Gạch ngói trên cơ sở tổ chức đánh giá hiệu quả đầu tư dự án Nhà máy 100% Ngói Hoàn Bồ (GĐ 2) sau khi đưa vào vận hành.

- Dự án Khu du lịch sinh thái Vân Hải tại Công ty CP Vân Hải Viglacera: Triển khai dự án trên cơ sở hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm trong triển khai đầu tư, quản lý và vận hành các dự án trong lĩnh vực du lịch, khách sạn; góp vốn thành lập một Công ty cổ phần để thực hiện.





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thông tin và hoạt động của HĐQT	62
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát	63
Báo cáo quản trị rủi ro	66

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của VGC	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Luyện Công Minh	Chủ tịch HĐQT	330.000	0,107%
2	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	384.500	0,125%
3	Lưu Văn Lầu	Ủy viên HĐQT	460.000	0,15%
4	Nguyễn Quý Tuấn	Ủy viên HĐQT	155.300	0,05%
5	Trần Ngọc Anh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	202.900	0,066%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, HĐQT Tổng công ty – CTCP Viglacera (VGC) đã tổ chức 113 phiên họp để định hướng, chỉ đạo hoạt động của Viglacera trong từng thời điểm, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác. Chi tiết thống kê các phiên họp của HĐQT và sự tham gia của các thành viên HĐQT như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Luyện Công Minh	Chủ tịch HĐQT	113	100%
2	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	113	100%
3	Lưu Văn Lầu	Ủy viên HĐQT	113	100%
4	Nguyễn Quý Tuấn	Ủy viên HĐQT	113	100%
5	Trần Ngọc Anh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	113	100%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

◆ Hội đồng Nghiên cứu và Phát triển Viglacera

Hội đồng Nghiên cứu và Phát triển Viglacera có vai trò tư vấn xây dựng chiến lược phát triển chung toàn Tổng công ty; Tư vấn khoa học kỹ thuật, công nghệ, quản lý cụ thể theo từng chuyên đề, lĩnh vực, đơn vị; Tư vấn các vấn đề khác khi có nhu cầu.

Thành viên Hội đồng Nghiên cứu và Phát triển Viglacera gồm có:

- Ông Nguyễn Trần Nam** Chuyên gia cao cấp
- Ông Trần Đình Thế** Chuyên gia cao cấp
- Ông Đinh Quang Huy** Chuyên gia cao cấp

◆ Ban Thư ký Tổng công ty

Ban Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Lập biên bản các cuộc họp; Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Tham dự các cuộc họp; Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các thông

tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và phục vụ hoạt động công bố thông tin.

Thành viên Ban Thư ký Tổng công ty gồm có:

Ban thư ký

- Ông Nguyễn Anh Tuấn**
Phó tổng giám đốc Tổng công ty, Trưởng Ban Thư ký, Người phụ trách công bố thông tin của TCT, kiêm Tổ trưởng Tổ Quan hệ cổ đông.
- Bà Cao Thị Nhung**
Trưởng phòng Tổ chức lao động TCT, Thành viên
- Bà Ngô Thị Reo**
Trưởng phòng TCKT-Ban TCKT TCT, Thành viên
- Ông Đỗ Xuân Quang**
Chuyên viên Phòng Đầu tư - Ban KHĐT TCT, Thành viên

Tổ Quan hệ cổ đông

- Ông Ngô Trọng Toán**
Phó kế toán trưởng TCT, Tổ phó
- Bà Lê Thu Giang**
Chuyên viên Phòng TCKT-Ban TCKT TCT, Thành viên



CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của VGC	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngô Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	57.000	0,019%
2	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên Ban Kiểm soát	73.900	0,024%
3	Nguyễn Hải Long	Thành viên Ban Kiểm soát	19.800	0,006%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Ngày tháng	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
28/03/2016	3/3	Thảo luận với kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính năm 2015; báo cáo công tác kiểm soát quý 1/2016 theo phân công.
19/08/2016	3/3	Thảo luận với kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016, phối hợp tham gia kiểm kê, tổng hợp kiểm kê 30/6.
10/10/2016	3/3	Rà soát các việc cần thực hiện trong quý 4/2016.Phân công, phối hợp trong việc thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
15/01/2017	3/3	Tổng kết hoạt động BKS năm 2016.

BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc giao ban hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và các cuộc họp đột xuất liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty để nắm bắt tình hình SXKD thực tế, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ngoài ra, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các Phòng, Ban chức năng góp phần vào hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Tổng công ty, hoạt động chủ yếu gồm:

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016. Giám sát việc chấp hành pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty, giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị.

Giám sát việc chấp hành thực hiện các quy chế, quy trình của Tổng công ty và các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2016.

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT

♦ **Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.**

* **Phân phối lợi nhuận năm 2015:** Tổng công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 9 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016; chi trả cổ tức 105,8 tỷ đồng/Nghị

quyết ĐHĐCĐ 66,1 tỷ đồng đạt 100%.

* **Chỉ tiêu chính về SXKD**

Lợi nhuận trước thuế: Công ty Mẹ đạt 440,8 tỷ đồng/Nghị quyết ĐHĐCĐ 280 tỷ đồng đạt 157,5% kế hoạch. Lợi nhuận Hợp nhất 768,7 tỷ đồng/Nghị quyết ĐHĐCĐ 560 tỷ đồng đạt 137% kế hoạch.

Doanh thu thuần: Doanh thu Công ty Mẹ năm 2016 là 3.187 tỷ đồng/Nghị quyết ĐHĐCĐ 3.550 tỷ đồng đạt 89,7% kế hoạch;

* **Thực hiện đầu tư:** Công ty Mẹ đạt 1.757 tỷ đồng/Nghị quyết ĐHĐCĐ 1.750 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch.

* **Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:**

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 609/BXD ngày 24/06/2013 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020 Tổng công ty đã triển khai việc tái cơ cấu toàn diện trong toàn Tổng công ty;

Hoàn thành thoái 100% vốn của Tổng công ty - CTCP tại 02 đơn vị là CTCP Giấy Tây Đô và CTCP Đông Triều; Triển khai các bước giảm vốn Tổng công ty tại CTCP Cơ khí & Xây dựng Viglacera xuống còn 26%.

* **Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Tổng công ty giai đoạn 1** từ 2.645 tỷ lên 3.070 tỷ, giảm tỉ lệ sở hữu Nhà nước tại Tổng công ty từ 91,47% xuống còn 78,82% thông qua đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành ESOP 2016.

*** Triển khai niêm yết cổ phiếu Tổng công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội khi đủ điều kiện theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:**

Hoàn thành niêm yết cổ phiếu VGC tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/12/2016.

*** Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:** Theo mức ĐHĐCĐ quy định và được điều chỉnh phù hợp với các quy định mới của Nhà nước.

◆ **Giám sát tình hình tài chính**

BKS đã thảo luận và trao đổi định kỳ với Kiểm toán độc lập của Tổng công ty (Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC) về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán. Tổng công ty tuân thủ theo Luật kế toán, chuẩn mực trong công tác hạch toán kế toán, hoàn thành báo cáo tài chính đúng thời gian quy định.

Căn cứ vào các báo cáo định kỳ hàng quý và báo cáo tài chính năm 31/12/2016 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán, tình hình tài chính của Tổng công ty Viglacera - CTCP Tổng Công ty ổn định thể hiện qua các chỉ số tài chính:

Tổng tài sản, nguồn vốn hợp nhất toàn Tổng công ty đến hết năm 2016 là 12.989 tỷ đồng, tăng so với năm 2015 là 1.326 tỷ đồng; Công ty mẹ là 9.938 tỷ đồng tăng 1.163,7 tỷ đồng chủ yếu do tăng bất động sản đầu tư và xây dựng cơ bản dở dang đầu tư dự án mới.

Nợ phải thu Công ty Mẹ: Dư nợ các khoản phải thu ngắn hạn tại 31/12/2016 là 1.147,9 tỷ đồng, giảm 121 tỷ đồng.

Tổng số vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác tại thời điểm 31/12/2016 là 838 tỷ đồng, không có đầu tư ra ngoài ngành.

Tỷ lệ Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ 1,59 lần, giảm 0,34 lần so với năm 2015.

Số dư vay ngân hàng và nợ thuê tài chính Công ty mẹ là 945 tỷ đồng, không tăng so với 31/12/2015 (vay ngắn hạn là 363,5 tỷ đồng, giảm 267,6 tỷ đồng so với đầu năm; vay dài hạn 581,5 tỷ đồng tăng 263,9 tỷ đồng so với 31/12/2015; Nợ phải trả thời điểm 31/12/2015 tại Công ty Mẹ là 6.107,7 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu chưa thực hiện là 2.872 tỷ đồng, chủ yếu là doanh thu từ cho thuê lại hạ tầng Khu công nghiệp phân bổ dần trong nhiều năm.

Tính thanh khoản: hệ số khả năng thanh toán tổng quát và ngắn hạn tại 31/12/2016 Công ty Mẹ là 1,6 tăng so với năm 2015 lần lượt là 0,1 và 0,3.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản Công ty Mẹ tăng 1,9% so với năm 2015 (3,9% so với 2%); Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu Công ty Mẹ tăng 4,4% (10,6% so với 6,2%).

Trích lập dự phòng: Trong năm 2016, các khoản nợ xấu đã tiếp tục được rà soát tổng thể, trích lập dự phòng và lập kế hoạch xử lý trong giai đoạn tiếp theo, nhằm thu hồi dần và tất toán các khoản công nợ khó đòi, cũng như đảm bảo số liệu tài chính được phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 của Công ty Mẹ là 3.832 tỷ đồng tăng 844,9 tỷ đồng so với đầu kỳ; Báo cáo Hợp nhất là 4.367 tỷ đồng, tăng 1.064,9 tỷ đồng so với đầu kỳ.

◆ **Giám sát hoạt động của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:**

Đối với HĐQT:

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt tại Nghị quyết số 30/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016, đã họp và ban hành trên 113 Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành có sự thống nhất cao của các thành viên.

Đối với Ban điều hành:

Ban điều hành đã triển khai triệt để các Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, chỉ đạo quyết liệt, chi tiết, cụ thể kịp thời, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ và các Công ty Con thông qua Người đại diện phần vốn để đạt được mục tiêu và hiệu quả đặt ra.

Việc tuân thủ Pháp luật, các quy định, quy chế quản trị nội bộ:

Các cấp quản lý, bộ phận chức năng, cá nhân và đơn vị liên quan của Tổng công ty tuân thủ các quy định Pháp luật, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy trình, quy chế quản trị nội bộ.

Đối với các cổ đông:

Trong năm 2016 Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu kiểm tra nào từ cổ đông.

◆ **Đề xuất lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2017:**

BKS đề xuất HĐQT trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2017 là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

◆ **Kế hoạch hoạt động năm 2017 của BKS**

Để thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, BKS tiếp tục thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động phối hợp với Kiểm toán độc lập, hệ thống quản trị của Tổng Công ty và hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS.

THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Mức tiền lương bình quân thực hiện cả năm 2016:

- Hội đồng quản trị là 56,5 triệu đồng/người/tháng;
- Ban Kiểm soát là 30,7 triệu đồng/người/tháng.

Trong đó:

a/ Mức tiền lương bình quân thực hiện 9 tháng đầu năm 2016:

- Hội đồng quản trị là 52,2 triệu đồng/người/tháng;
- Ban Kiểm soát là 28,4 triệu đồng/người/tháng.

b/ Mức tiền lương bình quân thực hiện 3 tháng cuối năm 2016:

- Hội đồng quản trị là 69,3 triệu đồng/người/tháng;
- Ban Kiểm soát là 37,7 triệu đồng/người/tháng.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2016 có phát sinh các giao dịch bán cổ phiếu, cụ thể như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Luyện Công Minh	Chủ tịch HĐQT	180.000	0,068	330.000	0,107	Mua ESOP 150.000 CP
2	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	193.500	0,073	384.500	0,125	Mua ESOP 191.000 CP
	Nguyễn Thị Thu Hương	Em	24.500	0,009	40.000	0,013	Mua ESOP 25.500 CP
3	Trần Ngọc Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	102.900	0,039	202.900	0,066	Mua ESOP 100.000 CP
4	Nguyễn Quý Tuấn	Thành viên HĐQT	105.300	0,04	155.300	0,05	Mua ESOP 50.000 CP
5	Lưu Văn Lầu	Thành viên HĐQT	85.000	0,032	460.000	0,15	Bán 85.000 CP, mua ESOP 460.000 CP
	Lưu Quang Ngọc	Con	12.400	0,005	5.000	0,002	Bán 12.400 CP, mua ESOP 5.000 CP
6	Nguyễn Minh Tuấn	Phó TGĐ	183.000	0,069	800.000	0,26	Bán 183.000 CP, mua ESOP 800.000 CP
7	Nguyễn Anh Tuấn	Phó TGĐ	104.500	0,04	164.500	0,054	Mua ESOP 60.000 CP
8	Hoàng Kim Bổng	Phó TGĐ	45.100	0,017	80.100	0,026	Bán 5.000 CP Mua ESOP 40.000 CP
9	Ngô Thùy Trang	Trưởng Ban KS	36.000	0,014	57.000	0,019	Mua ESOP 21.000 CP
10	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên Ban KS	13.900	0,005	73.900	0,024	Mua ESOP 60.000 CP
11	Nguyễn Hải Long	Thành viên Ban KS	12.400	0,005	19.800	0,006	Mua ESOP 7.400 CP
12	Trần Thị Minh Loan	Kế toán trưởng	83.900	0,032	103.900	0,034	Mua ESOP 20.000 CP

1. RỦI RO CẠNH TRANH

Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng đối với hai lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Tổng công ty là vật liệu xây dựng và bất động sản, trong cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Đánh giá các yếu tố rủi ro chủ yếu về thị trường trong cả 2 lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty như sau:

- Lĩnh vực vật liệu: Luôn có mức độ cạnh tranh cao, đặc biệt khi Việt Nam hội nhập sâu theo các Hiệp định, Diễn đàn hợp tác thương mại khu vực và thế giới; trong đó chủ yếu là các yếu tố về giá cả, chất lượng, hàm lượng công nghệ, tiện ích sử dụng và mẫu mã;

Mặt khác, các sản phẩm mới (kính tiết kiệm năng lượng, siêu trắng, bê tông khí...) trong giai đoạn đầu của chu kỳ sản phẩm, sẽ có những rủi ro, khó khăn về thị trường từ yếu tố thói quen tiêu dùng, cạnh tranh từ hàng nhập khẩu;

- Đối với lĩnh vực bất động sản: Rủi ro về thị trường dẫn đến hàng tồn kho tăng, dòng tiền ứ đọng; Đặc biệt là sự cạnh tranh về chất lượng dịch vụ và tiện ích...

Như vậy những rủi ro cạnh tranh từ hai lĩnh vực nêu trên là nguy cơ dẫn đến mất khách hàng quan trọng, các đối tác chiến lược trong lĩnh vực hoạt động.

Giải pháp:

- Thực hiện các giải pháp quản trị đồng bộ đã và đang được triển khai đó là: nắm bắt kịp thời xu hướng thị trường - sản phẩm mới - nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm - giá cả hợp lý - chất lượng dịch vụ.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống phân phối của Viglacera, đảm bảo phủ khắp thị trường nội địa và có hệ thống đại diện phân phối tại thị trường xuất khẩu; Phát triển mô hình chuyên môn hóa theo nhóm sản phẩm, bộ sản phẩm đồng bộ đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ sau bán hàng.

- Nâng cao chất lượng, mức độ kiểm soát, đánh giá từ xác định mục tiêu, công tác lập và triển khai kế hoạch một cách thường xuyên, nâng cao tính liên kết giữa kế hoạch ngắn hạn và chiến lược trung và dài hạn; thực hiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức phòng, ban chuyên trách theo từng lĩnh vực, nhóm sản phẩm và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân.

- Nắm bắt cơ hội của sự tăng trưởng của nhu cầu thị trường về vật liệu xây dựng; đặc biệt đối với các vật liệu mới, công nghệ mới để triển khai nhanh các dự án đầu tư sản phẩm mới trong lĩnh vực kính, sứ vệ sinh và gạch ốp lát, cũng như phát triển các sản phẩm mới, chế biến nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp vật liệu... Qua đó, nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh với các đối thủ trong nước cũng như sản phẩm nhập khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu.

2. RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Chính sách quản lý của Nhà nước cũng là một trong các yếu tố ảnh hưởng, xuất hiện các rủi ro đối với hoạt động của doanh nghiệp, từ các vấn đề trọng tâm như sau:

- “Độ trễ” của chính sách pháp lý liên quan (ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn...) sẽ có ảnh hưởng khó khăn cho công tác phát triển thị trường, trong định hướng tiêu thụ khi triển khai các dự án đầu tư, phát triển các sản phẩm mới... Đồng thời, sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước sẽ đem đến rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế; cũng như trong việc triển khai các hoạt động SXKD trong mục tiêu kế hoạch hàng năm/ngắn hạn như trong quản lý quy hoạch, đất đai, sử dụng tài nguyên...

- Đồng thời, chính sách quản lý về kinh tế vĩ mô được điều chỉnh, vận hành thông qua hai công cụ chủ yếu là lạm phát và lãi suất. Trong đó, lạm phát cơ bản ổn định có mặt tích cực là ổn định được mặt bằng giá cả, tuy nhiên nếu ở mức thấp (mức lạm phát của nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng chỉ tăng 0,09% năm 2016) sẽ ảnh hưởng đến yếu tố thúc đẩy tăng trưởng, là yếu tố rủi ro rào cản phát triển và khai thác hiệu quả của ngành. Đồng thời yếu tố lãi suất và cơ cấu tín dụng cũng là yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến khả năng bố trí, giải ngân vốn và chi phí vốn cho đầu tư phát triển, hoạt động SXKD.

- Chính sách quốc gia trong quan hệ quốc tế ảnh hưởng đến khả năng quản lý, mở rộng các khu vực thị trường xuất khẩu.

Giải pháp:

- Thường xuyên bám sát, cập nhật cũng như có các đánh giá dự báo về chính sách quản lý nhà nước, đặc biệt liên quan đối với các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

- Triển khai chương trình đầu tư phát triển với các dự án đầu tư các sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao như đã nêu trên; đảm bảo khai thác nhanh hiệu quả vốn đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh; hạn chế các yếu tố rủi ro về lạm phát, lãi suất... và tận dụng cơ hội, điều kiện thuận lợi của chính sách quản lý nhà nước về khuyến khích phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường; các dự án trong lĩnh vực bất động sản về phát triển KCN và nhà ở cho CBCNV, đáp ứng phát triển kinh tế công nghiệp, phục vụ an sinh xã hội.



3. RỦI RO CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ

- Rủi ro về công nghệ: Chủ yếu trong lĩnh vực vật liệu, với sự phát triển của khoa học công nghệ sản xuất, yếu tố rủi ro mang đến là khả năng lạc hậu về công nghệ, nhân lực chất lượng cao, suy giảm năng lực cạnh tranh trong quản trị chất lượng, mẫu mã sản phẩm, chi phí...
- Rủi ro trong quản trị: Năng lực và chất lượng của hoạt động quản trị có những rủi ro tiềm ẩn, có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp; Tuy nhiên, thực tế khó nhận biết và dự báo trước được những rủi ro này. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp.

Giải pháp:

- Đầu tư cho nghiên cứu phát triển kết hợp với đi tắt đón đầu về công nghệ gốc trên cơ sở đầu mối là Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera, Trường Cao đẳng Viglacera kết hợp với hợp tác với các đối tác nước ngoài có kinh nghiệm, uy tín trong các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm đáp ứng Kế hoạch phát triển trung và dài hạn; phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh, định hướng kinh doanh và cam kết với xã hội, cộng đồng đã đặt ra.
- Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro. Trong đó, dành một phần nguồn lực tập trung đầu tư thiết lập và nâng cao quản trị rủi ro đủ mạnh; đặc biệt đầu tư cho hệ thống ERP (đưa công nghệ thông tin ứng dụng trong hệ thống quản trị) đảm bảo mục đích: Chuẩn hóa các quy trình kinh doanh; kiểm soát các bộ phận, phòng ban, các công ty thành viên theo một hệ thống thông tin thống nhất; tăng độ chính xác và kịp thời của các thông tin; kiểm soát rủi ro; tiết kiệm chi phí; tăng hiệu quả SXKD.

Với ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm trong việc hoạch định, điều hành và quản lý các dự án lớn một cách hiệu quả, Tổng công ty đã hạn chế được rủi ro nêu trên và điều này được thể hiện rõ qua kết quả kinh doanh của Tổng công ty năm 2016 vừa qua; với dấu ấn trên thị trường vật liệu xây dựng và bất động sản khi chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; đưa dự án kính tiết kiệm năng lượng đầu tiên tại Việt Nam vào vận hành đúng tiến độ; triển khai liên doanh đầu tư sản xuất VLXD và khách sạn tại Cuba..., thương hiệu Viglacera lần thứ 3 liên tiếp được vinh danh “Thương hiệu quốc gia”, 7 năm liên tiếp đạt giải Thương hiệu mạnh Việt Nam, đạt giải thưởng Thương hiệu Xanh trong lĩnh vực vật liệu; Nằm trong Top 10 chủ đầu tư bất động sản uy tín và tiếp tục mở rộng đầu tư hạ tầng KCN, sở hữu 10 KCN và là nhà đầu tư KCN lớn nhất miền Bắc, khai thác và vận hành hiệu quả. Mặt khác, Viglacera được công nhận là Trung tâm đào tạo và đánh giá kỹ năng Nghề đạt chuẩn Vương Quốc Anh.

4. RỦI RO CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Tổng công ty nhập khẩu công nghệ, thiết bị, vật tư và nguyên vật liệu từ các nước như Mỹ, Ý, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc và xuất khẩu sản phẩm chủ yếu sang Đài Loan, Cuba, Ấn Độ, Nga, Thái Lan, Malaysia, Philipine, Campuchia, Pháp, Úc, Ý, Bangladesh, Myanmar...

Rủi ro này ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển thị trường và kế hoạch xuất khẩu của Viglacera trong chiến lược phát triển, liên quan đến sự bất ổn chính trị, chính sách tại quốc gia, khu vực của thị trường xuất khẩu.

Năm 2016 cũng đã chứng kiến một số sự kiện lớn có tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới gây ra lo ngại về các quan hệ hợp tác nội khối trong tương lai; những bất ổn an ninh gây thiệt hại cho hoạt động thương mại quốc tế; đặc biệt tại các khu vực thị trường nhập khẩu và xuất khẩu của Tổng công ty.

Viglacera sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng ngừa đó là kiểm soát và giám sát chặt chẽ thường xuyên các ảnh hưởng; chú trọng phân tích môi trường đầu tư, chính trị khi triển khai phát triển thị trường mới.

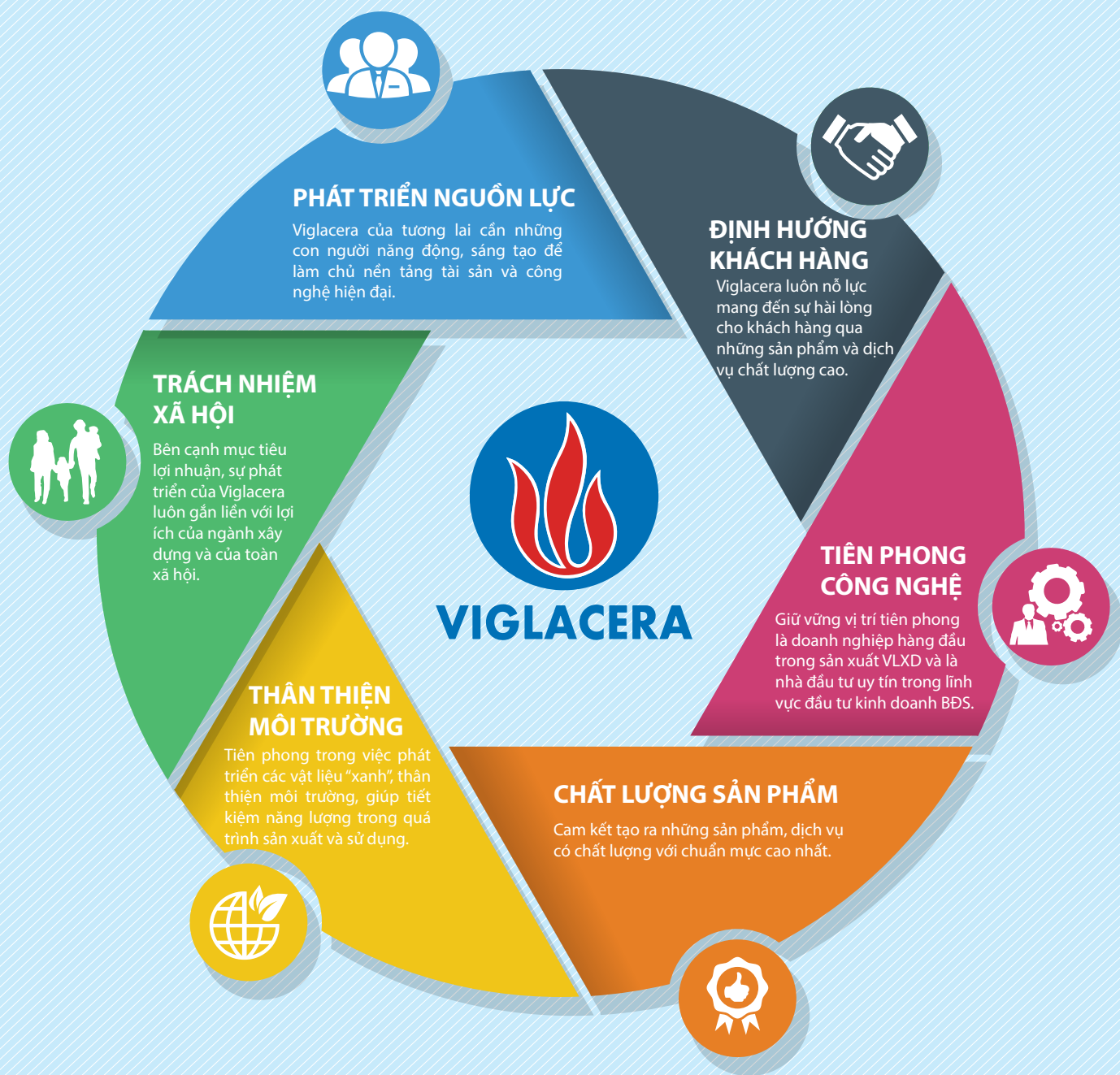






BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Viglacera - Định hướng khách hàng	70
Viglacera - Chất lượng sản phẩm	71
Viglacera - Trách nhiệm xã hội	71



VIGLACERA

ĐỊNH HƯỚNG KHÁCH HÀNG

Đặt khách hàng ở vị trí trung tâm, Viglacera luôn nỗ lực mang đến sự hài lòng cho khách hàng qua những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao. Viglacera luôn chú trọng công tác nghiên cứu thị trường, lắng nghe nhu cầu và mong muốn của khách hàng nhằm sản xuất và cung cấp ra thị trường các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Định hướng khách hàng tại Viglacera là sự cải tiến hiệu quả quản lý, hiệu quả các quy trình làm việc với quan điểm tất cả cùng hướng về khách hàng. Nhờ vậy, Viglacera đã cho ra đời những sản phẩm được khách hàng và xã hội đón nhận. Sản phẩm vật liệu xây dựng của Viglacera được biết đến rộng rãi và nắm giữ thị phần lớn tại thị trường Việt Nam; sản phẩm nhà ở dành cho người thu nhập thấp được xã hội đón nhận; các Khu công nghiệp của Viglacera được nhiều nhà đầu tư lớn trên thế giới lựa chọn đặt nhà máy...



VIGLACERA

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Chất lượng là sự đầu tư không ngừng cho khoa học, công nghệ và là sự tiên phong tạo ra những sản phẩm đi tắt đón đầu, phù hợp với thị hiếu của khách hàng, xu hướng phát triển bền vững của ngành. Viglacera đã cho ra đời những sản phẩm vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, thân thiện môi trường, có hiệu năng sử dụng cao. Các sản phẩm bất động sản của Viglacera, dù thiết kế dành cho người thu nhập thấp, vẫn đáp ứng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt về kỹ thuật và công năng. Chất lượng là yếu tố cấu thành quan trọng nhất, tạo nên thương hiệu và danh tiếng của Viglacera trong mọi lĩnh vực hoạt động, ở mọi giai đoạn phát triển.

VIGLACERA

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Viglacera là đơn vị tiên phong trong việc phát triển các vật liệu "xanh", thân thiện môi trường, giúp tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất và sử dụng. Viglacera luôn đề cao ý thức phục vụ xã hội, thể hiện cụ thể thành các mục tiêu kinh doanh như chiến lược phát triển bất động sản hướng về người thu nhập thấp, đầu tư vào những công nghệ đi tắt đón đầu, giúp tối ưu hóa sản xuất và thân thiện môi trường.

The image features a blue background with a yellow horizontal stripe. Above the stripe, the word "Glassrobots" is written in a white, italicized, sans-serif font. The background of the entire image is a photograph of an industrial glass manufacturing facility. In the foreground, there are rows of blue metal frames filled with numerous small, light-colored glass components. Above these, there are yellow robotic arms and various mechanical parts, including a large black oval component and a yellow cylindrical component. The background shows a large industrial building with a corrugated metal roof and a glass wall.

Glassrobots



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG 74

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 86





BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	76
Báo cáo Kiểm toán độc lập	78
Bảng cân đối kế toán riêng	82
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	83
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	84

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Viglacera - CTCP trước đây là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD - TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Văn bản số 903/TTg-ĐMDN ngày 07/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 491/HUD-HĐTV ngày 30/06/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô Thị. Ngày 02/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2343/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty Viglacera thành Công ty Cổ phần. Ngày 24/06/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-BXD về điều chỉnh lại phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Viglacera. Ngày 22/07/2014, Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty Cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 16 và 17 Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Luyện Công Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Anh	Ủy viên
Ông Lưu Văn Lầu	Ủy viên
Ông Nguyễn Quý Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Kim Bông	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thùy Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Viglacera - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Viglacera - CTCP được lập ngày 24/03/2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Viglacera - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.852.488.603.422	3.658.545.083.576
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	757.110.607.148	528.606.364.525
111	1. Tiền		289.560.720.251	268.338.789.544
112	2. Các khoản tương đương tiền		467.549.886.897	260.267.574.981
120	II. Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn	4	-	58.530.395
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	58.530.395
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.147.960.869.549	1.268.784.650.801
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	819.287.983.786	970.491.645.816
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	96.565.041.885	110.874.178.721
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	15.332.200.216	15.332.200.216
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	225.531.882.383	177.198.080.118
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.756.238.721)	(5.111.454.070)
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.860.733.367.610	1.773.732.771.077
141	1. Hàng tồn kho		1.864.231.648.098	1.776.790.971.368
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.498.280.488)	(3.058.200.291)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		86.683.759.115	87.362.766.778
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.993.925.817	4.367.904.915
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		74.868.746.458	51.483.415.353
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	5.821.086.840	31.511.446.510

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.086.006.322.588	5.116.363.458.967
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		203.186.993.698	202.333.413.815
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	203.186.993.698	202.333.413.815
220	II. Tài sản cố định		1.494.948.656.546	1.460.696.286.466
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.313.863.454.203	1.368.798.104.418
222	- Nguyên giá		2.669.013.447.967	2.585.517.108.820
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.355.149.993.764)	(1.216.719.004.402)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	10.836.238.810	6.290.743.835
225	- Nguyên giá		13.346.602.364	7.491.858.182
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.510.363.554)	(1.201.114.347)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	170.248.963.533	85.607.438.213
228	- Nguyên giá		187.685.879.003	100.349.121.061
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.436.915.470)	(14.741.682.848)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	2.087.624.657.675	1.896.836.874.677
231	- Nguyên giá		2.506.291.365.453	2.244.376.916.650
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(418.666.707.778)	(347.540.041.973)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.378.618.960.406	604.664.931.167
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	1.378.618.960.406	604.664.931.167
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	700.877.752.347	691.783.862.809
251	1. Đầu tư vào công ty con		525.862.113.226	535.038.033.226
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		309.333.227.337	303.933.227.337
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.362.682.344	5.282.682.344
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(137.762.570.560)	(152.552.380.098)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		82.300.000	82.300.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		220.749.301.916	260.048.090.033
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	220.749.301.916	260.048.090.033
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.938.494.926.010	8.774.908.542.543

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.106.341.791.102	5.787.752.336.788
310	I. Nợ ngắn hạn		2.472.293.805.565	2.770.053.549.504
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	511.186.179.438	479.534.505.251
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	274.930.410.471	288.204.467.092
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	114.098.729.058	232.310.453.218
314	4. Phải trả người lao động		45.561.715.942	43.843.699.549
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	629.814.694.282	496.903.859.713
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	61.451.854.725	24.736.681.152
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	267.057.936.986	335.785.454.274
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	363.465.033.516	631.258.886.356
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	24	179.463.318.493	219.370.538.467
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		25.263.932.654	18.105.004.432
330	II. Nợ dài hạn		3.634.047.985.537	3.017.698.787.284
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	2.872.588.810.676	2.614.503.784.488
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	22.440.801.655	16.520.188.209
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	581.505.071.087	317.679.344.357
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	24	104.972.897.863	52.749.355.580
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		52.540.404.256	16.246.114.650

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.832.153.134.908	2.987.156.205.755
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	3.775.470.275.409	2.982.173.805.755
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.070.000.000.000	2.645.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.070.000.000.000	2.645.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		138.397.197.162	18.687.162
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		521.073.078.247	270.155.118.593
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		158.039.073.771	89.855.022.435
421b	LNST chưa phân phối năm nay		363.034.004.476	180.300.096.158
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		46.000.000.000	67.000.000.000
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		56.682.859.499	4.982.400.000
431	1. Nguồn kinh phí	26	5.282.400.000	4.982.400.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		51.400.459.499	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.938.494.926.010	8.774.908.542.543

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	3.191.857.118.653	3.454.016.358.943
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29	4.372.477.480	2.210.645.523
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.187.484.641.173	3.451.805.713.420
11	4. Giá vốn hàng bán	30	2.454.487.432.280	2.791.695.410.821
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		732.997.208.893	660.110.302.599
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	105.494.801.941	58.029.395.148
22	7. Chi phí tài chính	32	24.754.550.605	101.249.975.184
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		37.530.809.161	46.043.140.283
25	8. Chi phí bán hàng	33	115.354.139.948	119.489.644.587
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	255.947.003.225	203.911.741.002
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		442.436.317.056	293.488.336.974
31	11. Thu nhập khác	35	35.496.900.943	45.490.705.627
32	12. Chi phí khác	36	37.040.748.994	93.107.801.451
40	13. Lợi nhuận khác		(1.543.848.051)	(47.617.095.824)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		440.892.469.005	245.871.241.150
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37	77.858.464.529	64.978.958.930
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		363.034.004.476	180.892.282.220

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng

Trần Thị Minh Loan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		440.892.469.005	245.871.241.150
	2. Điều chỉnh cho các khoản		202.187.126.400	374.588.274.561
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		217.044.980.910	219.116.381.740
03	- Các khoản dự phòng		1.611.377.619	176.321.199.025
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(207.084.657)	(2.132.942.520)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(101.792.956.633)	(52.728.711.052)
06	- Chi phí lãi vay		37.530.809.161	46.043.140.283
07	- Các khoản điều chỉnh khác		48.000.000.000	(12.030.792.915)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		643.079.595.405	620.459.515.711
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		168.546.717.776	(73.425.148.274)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(169.059.103.929)	1.038.222.870.312
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		75.487.490.919	(894.575.820.331)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		42.679.760.413	54.313.743.084
14	- Tiền lãi vay đã trả		(38.810.410.302)	(63.519.782.359)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(90.700.117.564)	(78.345.328.328)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		31.837.344.500	73.893.790.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.226.687.432)	(31.124.654.224)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		648.834.589.786	645.899.185.591
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(950.173.586.241)	(513.082.944.691)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		125.384.546	8.886.363.636
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		58.530.395	83.118.699
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.780.000.000)	(11.820.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		341.207.521	454.500.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		83.765.764.593	54.607.063.621
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(869.662.699.186)	(460.871.898.735)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		563.378.510.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.211.812.443.039	784.026.472.059
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.218.313.865.586)	(1.132.736.090.642)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.475.283.931)	(1.349.248.473)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(105.298.715.776)	(62.054.015.402)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		449.103.087.746	(412.112.882.458)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		228.274.978.346	(227.085.595.602)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		528.606.364.525	753.829.010.563
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		229.264.277	1.862.949.564
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	757.110.607.148	528.606.364.525

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	88
Báo cáo Kiểm toán độc lập	90
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	91
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	95
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	96
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	98





Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Viglacera - CTCP trước đây là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD - TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Văn bản số 903/TTg-ĐMDN ngày 07/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 491/HUD-HĐTV ngày 30/06/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô Thị. Ngày 02/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2343/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty Viglacera thành Công ty Cổ phần. Ngày 24/06/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-BXD về điều chỉnh lại phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Viglacera. Ngày 22/07/2014, Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty Cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 16 và 17 Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Luyện Công Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Anh	Ủy viên
Ông Lưu Văn Lầu	Ủy viên
Ông Nguyễn Quý Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Kim Bồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thùy Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyen Anh Tuấn

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Viglacera - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Viglacera - CTCP được lập ngày 24/03/2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KẾT LUẬN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Viglacera - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017



Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.363.762.372.913	4.933.297.140.399
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.054.085.576.436	708.453.871.600
111	1. Tiền		581.098.954.578	448.186.296.619
112	2. Các khoản tương đương tiền		472.986.621.858	260.267.574.981
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.000.000.000	10.195.675.465
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	10.195.675.465
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.233.381.165.166	1.324.213.724.130
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	908.850.639.128	1.024.173.604.180
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	136.389.082.349	162.186.019.575
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.100.000.000	2.100.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	318.867.593.458	251.133.895.620
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(133.383.110.817)	(116.066.842.268)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		556.961.048	687.047.023
140	IV. Hàng tồn kho	10	2.920.375.233.868	2.761.304.184.018
141	1. Hàng tồn kho		2.952.200.839.806	2.792.765.486.120
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(31.825.605.938)	(31.461.302.102)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		145.920.397.443	129.129.685.186
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	29.793.571.006	8.702.635.310
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		101.382.974.978	85.104.842.547
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	14.743.851.459	35.322.207.329

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.625.699.755.141	6.730.003.336.952
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		211.219.590.214	208.565.359.624
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	211.219.590.214	208.565.359.624
220	II. Tài sản cố định		3.170.619.388.009	3.065.883.524.090
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.934.080.144.856	2.912.629.026.012
222	- Nguyên giá		6.783.489.783.810	6.518.050.704.972
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.849.409.638.954)	(3.605.421.678.960)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	49.706.226.947	50.533.454.548
225	- Nguyên giá		70.051.963.050	64.070.969.655
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20.345.736.103)	(13.537.515.107)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	186.833.016.206	102.721.043.530
228	- Nguyên giá		219.302.912.146	132.005.154.204
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.469.895.940)	(29.284.110.674)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	2.130.241.897.225	1.913.454.707.657
231	- Nguyên giá		2.551.611.277.181	2.261.868.721.378
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(421.369.379.956)	(348.414.013.721)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.498.489.242.122	936.674.699.945
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		868.427.335	868.427.335
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	1.497.620.814.787	935.806.272.610
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	315.075.349.212	249.998.113.012
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		311.893.570.895	239.122.307.204
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.452.682.344	12.346.709.835
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.353.204.027)	(1.653.204.027)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		82.300.000	182.300.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		300.054.288.359	355.426.932.624
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	295.783.559.465	350.531.616.498
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.270.728.894	395.291.164
269	3. Lợi thế thương mại	17	-	4.500.024.962
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.989.462.128.054	11.663.300.477.351

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.622.348.081.008	8.361.166.967.558
310	I. Nợ ngắn hạn		4.432.846.710.660	4.749.507.307.226
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.044.976.607.112	1.013.971.694.151
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	379.560.712.404	346.879.961.188
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	301.492.325.931	414.780.944.602
314	4. Phải trả người lao động		159.698.487.299	150.319.508.228
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	778.851.254.273	685.445.692.646
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	62.157.190.398	30.880.828.940
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	357.213.166.573	429.290.647.716
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25	1.122.466.770.048	1.429.033.458.824
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	24	192.263.318.493	225.639.221.185
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		34.166.878.129	23.265.349.746
330	II. Nợ dài hạn		4.189.501.370.348	3.611.659.660.332
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	15.868.080.683	11.529.606.017
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	2.886.991.778.082	2.629.554.814.840
337	3. Phải trả dài hạn khác	23	46.174.921.625	40.260.058.179
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25	1.023.679.668.358	811.323.863.751
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	24	141.246.517.344	92.506.402.895
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		75.540.404.256	26.484.914.650

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.367.114.047.046	3.302.133.509.793
410	I. Vốn chủ sở hữu	26	4.300.181.450.347	3.286.901.372.593
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.070.000.000.000	2.645.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.070.000.000.000	2.645.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		120.448.919.561	(4.408.147.765)
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.283.042.505	23.249.978.656
415	4. Cổ phiếu quỹ		(149.876.239)	(149.876.239)
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(193.544.307.015)	(193.544.307.015)
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		97.983.442.339	102.045.497.588
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.734.796.973	6.874.279.135
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		715.989.588.907	303.663.794.685
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		202.239.370.001	6.936.752.116
421b	LNST chưa phân phối năm nay		513.750.218.906	296.727.042.569
422	9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		46.000.000.000	67.000.000.000
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		414.435.843.316	337.170.153.548
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		66.932.596.699	15.232.137.200
431	1. Nguồn kinh phí	27	15.532.137.200	15.232.137.200
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		51.400.459.499	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.989.462.128.054	11.663.300.477.351

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29	8.145.841.780.347	7.832.521.915.490
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	30	7.062.966.208	12.617.315.216
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	31	8.138.778.814.139	7.819.904.600.274
11	4. Giá vốn hàng bán	32	6.160.098.338.004	6.103.024.455.485
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.978.680.476.135	1.716.880.144.789
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	33	85.433.182.144	32.255.846.952
22	7. Chi phí tài chính	34	202.038.522.414	198.505.470.495
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		160.691.343.002	161.134.244.197
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	4	51.480.113.383	33.417.259.548
25	9. Chi phí bán hàng	35	560.899.200.220	537.174.161.143
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	36	550.109.606.078	444.812.729.402
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		802.546.442.950	602.060.890.249
31	12. Thu nhập khác	37	61.951.831.600	63.004.932.043
32	13. Chi phí khác	38	95.761.755.831	140.790.944.987
40	14. Lợi nhuận khác		(33.809.924.231)	(77.786.012.944)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		768.736.518.719	524.274.877.305
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39	151.906.165.460	117.920.839.914
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(3.875.437.730)	(147.562.318)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		620.705.790.989	406.501.599.709
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		513.750.218.906	328.387.236.703
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		106.955.572.083	78.114.363.006
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	40	1.826	1.239

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng

Trần Thị Minh Loan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		768.736.518.719	524.274.877.305
	2. Điều chỉnh cho các khoản		566.742.310.171	658.020.025.462
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		433.892.362.737	417.691.571.834
03	- Các khoản dự phòng		41.668.646.473	148.658.522.983
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(272.373.965)	(1.315.378.015)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(129.998.868.076)	(56.118.142.622)
06	- Chi phí lãi vay		160.691.343.002	161.134.244.197
07	- Các khoản điều chỉnh khác		60.761.200.000	(12.030.792.915)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.335.478.828.890	1.182.294.902.767
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		113.746.129.454	(69.821.560.371)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(301.062.022.450)	889.908.763.754
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		161.913.594.717	(845.490.041.879)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		36.494.273.202	32.827.855.014
14	- Tiền lãi vay đã trả		(163.255.396.169)	(175.185.511.550)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(155.288.946.331)	(142.454.975.700)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		33.484.882.400	79.100.256.195
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.683.772.540)	(47.644.110.844)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.036.827.571.173	903.535.577.386
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.173.734.014.828)	(912.942.890.573)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.643.516.889	11.694.235.749
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(10.137.145.070)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		295.675.465	83.118.699
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(19.146.918.224)	(2.015.723.538)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.754.533.753)	454.500.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		38.873.957.445	24.093.496.113
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.155.822.317.006)	(888.770.408.620)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		563.378.510.000	9.800.000.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(3.360.000)
33	3. Tiền thu từ đi vay		4.165.492.443.760	3.872.821.481.029
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(4.118.242.620.717)	(4.089.771.877.448)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(12.337.973.063)	(43.017.780.869)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(134.060.775.364)	(84.435.191.535)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		464.229.584.616	(334.606.728.823)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		345.234.838.783	(319.841.560.057)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		708.453.871.600	1.026.375.030.780
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		396.866.053	1.920.400.877
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.054.085.576.436	708.453.871.600

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Viglacera - CTCP trước đây là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD - TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Văn bản số 903/TTg-ĐMDN ngày 07/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 491/HUD-HĐTV ngày 30/06/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô Thị. Ngày 02/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2343/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty Viglacera thành Công ty Cổ phần. Ngày 24/06/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-BXD về điều chỉnh lại phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Viglacera. Ngày 22/07/2014, Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.070.000.000.000 VND; Tương đương 307.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Tổng Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, mỗi lĩnh vực có một chu kỳ kinh doanh riêng, cụ thể:

- Kinh doanh bất động sản: trên 12 tháng;
- Quản lý vận hành khu đô thị, khu công nghiệp: dưới 12 tháng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng: dưới 12 tháng;
- Xây lắp: Căn cứ theo từng công trình cụ thể.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viglacera	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Sứ Viglacera Bình Dương	Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh sứ vệ sinh và phụ kiện
Công ty Kính nổi Viglacera	Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh kính nổi
Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản
Công ty Thi công Cơ giới Viglacera	Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng các công trình, dự án bất động sản
Công ty Xây dựng Viglacera	Bắc Ninh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Sen vòi Viglacera	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh thiết bị vệ sinh
Viện Nghiên cứu và phát triển Viglacera	Hà Nội	Nghiên cứu và phát triển Công nghệ
Trường Cao đẳng nghề Viglacera	Bắc Ninh	Đào tạo nghề
Ban quản lý dự án Đầu tư dây chuyền Sản xuất Kính tiết kiệm năng lượng	Bình Dương	Đầu tư xây dựng dây chuyền Sản xuất Kính tiết kiệm năng lượng
Ban quản lý dự án Đầu tư Nhà máy Sứ Viglacera Mỹ Xuân	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đầu tư xây dựng Nhà máy Sứ Viglacera Mỹ Xuân

Tổng Công ty có 26 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	51,07%	51,07%	Sản xuất và kinh doanh gạch men
Công ty CP Bao bì và Má phanh Viglacera	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh bao bì, má phanh
Công ty CP Viglacera Bá Hiến	Vĩnh Phúc	52,64%	52,64%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Từ Liêm	Hà Nội	55,92%	55,92%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Đông Anh	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	80,41%	83,56%	Lập dự án, thiết kế các công trình
Công ty CP Việt Trì Viglacera	Phú Thọ	97,47%	97,47%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh kính
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Hà Nội	52,72%	52,72%	Xây dựng
Công ty CP Viglacera Hữu Hưng	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch men
Công ty CP Thương mại Viglacera	Hà Nội	78,64%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	60,00%	60,00%	Khai thác và kinh doanh cát
Công ty CP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	51,00%	51,00%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản
Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	62,96%	62,96%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
Công ty CP Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50,48%	50,48%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Hà Nội	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch men
Công ty CP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	96,19%	96,19%	Sản xuất gạch chịu áp
Công ty CP Vinafacade	Hà Nội	53,01%	63,23%	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng
Công ty CP Gạch Clinker Viglacera	Quảng Ninh	50,44%	99,92%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Đông Triều [1]	Quảng Ninh	67,33%	67,33%	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Hà Nội	51,02%	100%	Kinh doanh gạch men
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50,48%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty TNHH Một thành viên Lắp dựng Kính Viglacera	Bắc Ninh	51,00%	100%	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng
Công ty TNHH Một thành viên Viglacera Yên Phong	Bắc Ninh	52,72%	100%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc [2]	Hà Tĩnh	57,47%	100%	Sản xuất và kinh doanh gạch

[1] Thực hiện Nghị quyết số 106/TCT-HDQT ngày 23/12/2016, Tổng Công ty đã hoàn tất giao dịch bán toàn bộ số cổ phần (2.693.302 cổ phần) sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều theo phương thức thỏa thuận trên sàn giao dịch UPCOM - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/12/2016. Do đó, Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều không còn là công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016.

[2] Tại thời điểm 01/01/2016, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc chưa được hợp nhất, tuy nhiên tại thời điểm 31/12/2016, Tổng Công ty đã thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty này trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty (Xem thêm tại thuyết minh số 4).

Tổng Công ty có 7 công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Bắc Ninh	29,28%	29,28%	Sản xuất và kinh doanh kính
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Bắc Ninh	24,93%	24,93%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Quảng Ninh	26,00%	26,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	25,00%	25,00%	Kinh doanh xuất nhập khẩu
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đường	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch chịu lửa
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	Quảng Ninh	31,78%	40,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty Cổ phần Visaho	Hà Nội	36,00%	36,00%	Tư vấn quản lý

Tổng Công ty có 1 công ty liên kết là Công ty Magno GMBH chưa được kế toán theo phương pháp vốn chủ trên Báo cáo tài chính hợp nhất này. Tuy nhiên vấn đề này không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất (Xem thêm tại thuyết minh số 4).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Trong năm, khoản lãi khi thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều (Công ty con) được xác định bằng chênh lệch giữa khoản công ty mẹ thu được từ việc thoái vốn trừ đi phần tài sản thuần của công ty con được công ty mẹ chuyển nhượng cho các bên khác và phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ đến thời điểm thoái vốn theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Xem thêm tại Thuyết minh số 33).

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty



thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền áp dụng cho vật tư hàng hóa hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, phương pháp đích danh áp dụng cho vật tư phục vụ hoạt động xây lắp.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Đối với hoạt động xây lắp, đầu tư Bất động sản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Dây chuyền kính cán vản hoa công suất 120 tấn/ngày tại Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu (Công ty con) đang tạm dừng sản xuất. Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 31/12/2015, Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu đã ngừng việc trích khấu hao của Tài sản cố định này. Số lũy kế khấu hao cần trích đến 31/12/2015 là 38,433 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (Công ty con) áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao theo đường thẳng) đối với một số máy móc thiết bị. Số chi phí khấu hao trong năm vượt so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 10,082 tỷ VND.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 20 - 50 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 08 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| - Cơ sở hạ tầng | 20 - 50 năm |

2.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. BCC mà Tổng Công ty thực hiện là BCC chia lợi nhuận sau thuế. Lợi nhuận sau thuế dùng để tạm phân chia được tính bằng

cách lấy doanh thu trừ đi giá vốn, chi phí bảo hành công trình của dự án, chi phí quản lý phân bổ và trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Đối với lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa tại các công ty con theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ đã ban hành trước Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước. Thời gian thực hiện phân bổ không quá 10 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí trả trước của Công ty mẹ được đánh giá khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 và phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được phân bổ trong thời gian 10 năm và giá trị thương hiệu được phân bổ trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thuyết minh số 11).

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.14. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Chi phí phải trả về Chi phí xây dựng các công trình bất động sản đã ghi nhận doanh thu là chênh lệch giữa chi phí ước tính

căn cứ theo tỷ lệ lãi gộp dự kiến của dự án theo phương án đầu tư được phê duyệt và chi phí thực tế của công trình/dự án đã tập hợp được đến thời điểm ghi nhận doanh thu.

Chi phí phải trả về chi phí xây dựng các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng là chênh lệch giữa giá trị dự toán của công trình và chi phí xây dựng công trình đã tập hợp đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng.

Các chi phí phải trả về xây dựng này được điều chỉnh khi quyết toán công trình được Tổng Công ty và các cơ quan chức năng có liên quan phê duyệt.

2.17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả phát sinh là các chi phí liên quan đến bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, hạng mục trong các khu công nghiệp. Các chi phí này được trích trước căn cứ theo giá trị dự toán của các hạng mục công trình cần thực hiện theo kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.18. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch phát sinh do việc Công ty mẹ ghi nhận tăng giá trị các khoản đầu tư



vào công ty con và công ty liên kết khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và khi đánh giá lại tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần. Chênh lệch này được ghi giảm vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty.

Giá trị Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu do công ty con phát hành thêm đang được trình bày tại chỉ tiêu "Vốn đầu tư của chủ sở hữu" thuộc Bảng cân đối kế toán của công ty con được chuyển sang trình bày tại chỉ tiêu "Vốn khác của chủ sở hữu" thuộc Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản, hạ tầng

Doanh thu cho thuê Bất động sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng căn cứ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu cho thuê tài sản hạ tầng khu công nghiệp có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê. Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Tổng Công ty ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;



- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư, kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, Tổng Công ty được áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 10%. Mức giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 20%.

2.25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	15.387.770.641	11.279.420.997
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	565.506.183.937	436.431.875.622
Tiền đang chuyển	205.000.000	475.000.000
Các khoản tương đương tiền ^[1]	472.986.621.858	260.267.574.981
	1.054.085.576.436	708.453.871.600

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ^[2]	10.000.000.000	10.000.000.000	10.195.675.465	10.195.675.465
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.195.675.465	10.195.675.465
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu			100.000.000	100.000.000
- Các khoản đầu tư khác	82.300.000	82.300.000	82.300.000	82.300.000
	82.300.000	82.300.000	182.300.000	182.300.000

[1] Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 472.986.621.858 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Tiên Sơn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình với lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ.

[2] Tại ngày 31/12/2016, Tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 10.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh, có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Địa chỉ	31/12/2016			01/01/2016		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ
	%	%	VND	%	%	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết			49.329.643.497			25.178.549.045
- Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	24,93%	24,93%	11.528.560.571	24,93%	24,93%	11.348.189.227
- Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	26,00%	26,00%	5.890.476.376	26,00%	26,00%	5.062.619.209
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	25,00%	25,00%	7.116.957.517	25,00%	25,00%	6.982.571.465
- Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đường	25,00%	25,00%	2.994.299.627	25,00%	25,00%	1.558.984.144
- Công ty Magno GMBH ^[1]	23,59%	30,00%	226.185.000	23,59%	30,00%	226.185.000
- Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II ^[2]	31,78%	40,00%	16.173.164.406			
- Công ty Cổ phần Visaho ^[3]	36,00%	36,00%	5.400.000.000			
Đầu tư vào Công ty liên doanh			262.563.927.398			213.943.758.159
- Công ty TNHH Kinh nổi Việt Nam (VFG)	29,28%	29,28%	262.563.927.398	29,28%	29,28%	213.943.758.159
			311.893.570.895			239.122.307.204

[1] Khoản đầu tư vào công ty liên kết này (do Công ty con thực hiện đầu tư) đang được trình bày theo giá gốc mà chưa được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ. Tuy nhiên, vấn đề này được đánh giá là không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

[2] Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II theo đăng ký kinh doanh sẽ có tổng vốn điều lệ là 55 tỷ VND, Trong đó Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (Công ty con) sẽ tham gia góp 40% vốn điều lệ của Công ty này. Tại thời điểm 31/12/2016, số vốn thực góp của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long trong công ty này là: 15.373.321.168 VND.

[3] Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Visaho số tiền 3.780.000.000 đồng theo chủ trương của Nghị quyết số 108/TC-T-HĐQT ngày 29/12/2016 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty. Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 36%.

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
- Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	48.084.396.219	32.374.384.711
- Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	180.371.344	27.932.645
- Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	841.118.427	227.356.446
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	139.068.671	295.204.650
- Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đường	1.435.315.484	492.381.096
- Công ty CP Viglacera Hạ Long II	799.843.238	-
	51.480.113.383	33.417.259.548

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Viglacera Hợp Thịnh	1.305.017.929	(605.000.000)	1.305.017.929	(605.000.000)
- Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô	590.000.000	(300.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
- Công ty Cổ phần Cầu Xây	1.184.497.242	-	1.294.497.242	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Viglacera Land	353.167.173	(19.690.203)	353.167.173	(19.690.203)
- Công ty Cổ phần Thủy tinh Gò Vấp	520.000.000	(428.513.824)	520.000.000	(428.513.824)
- Công ty Cổ phần Visaho	-	-	1.620.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Viglacera Delta	500.000.000	-	500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc ^[1]	-	-	6.154.027.491	-
	4.452.682.344	(1.353.204.027)	12.346.709.835	(1.653.204.027)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

[1] Tại ngày 01/01/2016, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc chưa được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất như là Công ty con của Tổng Công ty. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2016, Tổng Công ty đã thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty này trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Khách hàng thuê, mua nhà	461.595.634.775	517.851.918.623
- Khách hàng thuê hạ tầng khu công nghiệp	41.853.489.604	11.085.501.980
- Các khoản phải thu khách hàng khác	405.401.514.749	495.236.183.577
	908.850.639.128	1.024.173.604.180
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	6.770.293.572	12.333.180.845

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Môi trường Á Đông	-	-	7.508.377.428	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	136.389.082.349	(5.836.201.793)	154.677.642.147	(4.226.634.518)
	136.389.082.349	(5.836.201.793)	162.186.019.575	(4.226.634.518)
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	2.287.517.946	-	355.209.899	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô vay	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-

Là khoản Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera (Công ty con) cho Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô vay theo hợp đồng vay ngắn hạn, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng thương mại, hợp đồng được tự động đáo hạn khi hết thời hạn vay.

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa ⁽¹⁾	128.419.510.334	-	106.073.557.770	-
Ký cược, ký quỹ	2.093.838.430	-	6.434.208.231	-
Phải thu CBCNV tiền tạm ứng	74.013.997.748	-	64.934.891.942	-
Phải thu khác	114.340.246.946	(24.821.815.157)	73.691.237.677	(13.877.802.357)
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.393.549.554	(2.503.928.868)	1.390.051.494	-
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	2.006.710.000	-	2.006.710.000	-
Phải thu về tiền thuế Giá trị gia tăng của TSCĐ thuế tài chính	987.055.552	-	752.178.512	-
Phải thu về tiền thuế Thu nhập cá nhân	1.085.106.023	-	2.028.464.358	-
Thuế TNDN tạm nộp hoạt động Bất động sản	427.549.196	-	1.841.671.319	-
Phải thu về tiền nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn	339.003.068	-	1.547.936.523	-
Phải thu về tiền bán cổ phần Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều ⁽²⁾	27.430.472.879	-	-	-
Phải thu Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Viglacera tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Phải thu về tiền bán hàng và hàng gửi bán	1.071.373.583	(1.071.373.583)	1.071.373.583	(1.071.373.583)
Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	6.712.865.511	(1.515.434.583)	5.703.067.878	(1.515.434.583)
Phải thu về tiền lương chi vượt	9.092.884.550	-	12.115.520.600	-
Phải thu theo quyết toán khối lượng được nghiệm thu	6.001.767.860	-	6.995.693.261	-
Tiền thuế đất phải thu khách hàng trong Khu công nghiệp	-	-	4.311.418.064	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều ⁽³⁾	20.000.000.000	(11.789.936.265)	-	-
Phải thu khác	32.791.909.170	(7.941.141.858)	30.927.152.085	(11.290.994.191)
	318.867.593.458	(24.821.815.157)	251.133.895.620	(13.877.802.357)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	9.756.212.706	-	6.651.982.116	-
Phải thu khác	201.463.377.508	-	201.913.377.508	-
Phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch (VIWACO) ⁽⁴⁾	2.700.000.000	-	3.150.000.000	-
Phải thu về tiền đền bù giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền thuế đất phải nộp	198.763.377.508	-	198.763.377.508	-
	211.219.590.214	-	208.565.359.624	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)	586.885.096	-	654.526.796	-



8. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- [1] Tổng Công ty đang tiến hành các công việc để quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chính thức sang công ty cổ phần, do vậy số phải thu về cổ phần hóa này có thể thay đổi sau khi có phê duyệt chính thức của cấp có thẩm quyền.
- [2] Trong năm, Tổng Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Viglacera Đông Triều theo phương thức thỏa thuận trên sàn giao dịch UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/12/2016. Số tiền thu được từ giao dịch nêu trên đã được chuyển về tài khoản của Tổng Công ty vào ngày 04/01/2017.
- [3] Đây là số tiền Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (Công ty con) đã chuyển cho Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2012/HĐHTKD ngày 15/05/2012 với thời hạn 5 năm. Các nội dung chính của hợp đồng này:
- Hai bên cùng nhau hợp tác sản xuất kinh doanh Nhà máy Đông Triều 1 tại địa điểm Xã Hồng Phong - Huyện Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh với mục đích sản xuất kinh doanh gạch ngói đất sét nung phục vụ chung cho nhu cầu thị trường;
 - Hình thức hợp tác: Không tạo ra một pháp nhân mới. Mỗi bên hợp tác kinh doanh với tư cách là 1 pháp nhân độc lập, được quyền duy trì và tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh riêng của mình cũng như được quyền hợp tác với các đối tác khác trong những lĩnh vực không liên quan đến Hợp đồng này. Mỗi bên có trách nhiệm hạch toán độc lập phần vốn góp và lợi nhuận được hưởng từ hợp đồng này;
 - Góp vốn: Tổng số vốn góp của các bên là 196,835 tỷ VND, trong đó: Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều góp 176,835 tỷ VND, tương đương với 89,8% tổng số vốn góp của các bên bằng tiền, tài sản, máy móc, quyền sử dụng đất; Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long góp 20 tỷ VND tương đương với 10,2% tổng số vốn góp của các bên bằng tiền;
 - Phân chia kết quả kinh doanh: Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh Nhà máy Đông Triều 1 mỗi bên được hưởng 50% tổng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước. Trong đó, Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long chỉ nhận phân chia lợi nhuận khi liên doanh có lãi.
- Do Hợp đồng sẽ kết thúc vào năm 2017 nên khoản phải thu về tiền hợp tác đầu tư được trình bày là nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2016. Đồng thời, khoản phải thu này đã được trích lập dự phòng căn cứ theo số lỗ lũy kế của hoạt động hợp tác kinh doanh này và tỷ lệ phân chia lợi nhuận theo quy định của hợp đồng hợp tác kinh doanh trên.
- [4] Là số tiền mà Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera ứng vốn cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch (VIWACO) không tính lãi suất để hỗ trợ VIWACO thực hiện đầu tư xây dựng tuyến ống nước sạch Sông Đà cấp nước cho dự án Khu nhà ở Đại Mỗ theo hợp đồng ứng vốn đầu tư có hoàn lại giữa Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera với VIWACO ký ngày 19/10/2012. Số vốn này sẽ được VIWACO hoàn trả lại trong thời gian 10 năm tính từ ngày bắt đầu sử dụng nước. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng công trình là 4.991.688.000 VND.

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó thu hồi:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Long Định	2.036.694.445	-	2.056.694.445	-
Công ty Đầu tư Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu	1.579.191.158	-	1.579.191.158	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Dũng	1.133.430.600	-	1.133.430.600	-
Công ty TNHH Thanh Hải	3.185.308.482	-	3.185.308.482	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hoàng Phát	3.000.619.933	2.492.778.671	3.060.619.933	3.060.619.933
Công ty TNHH Phương Trường Phát	1.256.869.855	377.060.957	1.256.869.855	628.434.928
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex	-	-	2.345.023.810	-
Công ty Cổ phần Hương Sơn	1.692.962.791	1.692.962.791	1.692.962.791	1.692.962.791
Công ty Cổ phần Xi măng Chiềng Sinh	2.029.040.523	2.029.040.523	2.029.040.523	2.029.040.523
Công ty Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật và Chuyển giao Công nghệ mới	1.616.000.000	1.616.000.000	1.616.000.000	1.616.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Đức Hùng	1.506.078.134	233.670.000	1.639.748.134	233.670.000
Công ty TNHH TLG Thăng Long	5.132.957.106	4.287.569.770	5.162.957.106	4.287.569.770
Công ty Cổ phần Vietbuild	1.486.261.400	1.486.261.400	1.486.261.400	1.486.261.400
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh và Môi trường Bắc Nam	-	-	1.176.273.000	1.176.273.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.466.381.999	-	1.466.381.999	733.191.000
Ông Trần Nguyễn Phúc Vũ	1.454.363.928	-	1.454.363.928	-
Công ty TNHH Thương mại VLXD Thành Khang	1.789.800.555	-	-	-
Công ty Cổ phần Viglacera Đồng Triều	27.389.533.311	9.680.700.052	-	-
Các đối tượng nợ phải thu khác	158.225.368.413	58.701.707.652	170.125.109.416	69.455.370.967
	215.980.862.633	82.597.751.816	202.466.236.580	86.399.394.312

Tại ngày 31/12/2016, các khoản nợ xấu nêu trên đã được Tổng công ty trích lập dự phòng. Trong thời gian tới Tổng công ty sẽ tiếp tục nỗ lực thu hồi toàn bộ các khoản nợ này

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.645.611.946	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	575.547.868.181	(8.373.726.646)	513.600.265.764	(7.935.363.626)
Công cụ, dụng cụ	75.192.361.235	(863.864.944)	83.689.079.781	(1.147.843.483)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.535.333.439.186	(1.273.312.770)	1.340.491.474.469	(1.273.312.770)
Thành phẩm	645.787.473.903	(16.800.938.334)	784.628.360.439	(14.048.388.032)
Hàng hoá	109.076.060.229	(4.223.328.459)	64.343.805.746	(6.564.435.015)
Hàng gửi đi bán	5.618.025.126	(290.434.785)	6.012.499.921	(491.959.176)
	2.952.200.839.806	(31.825.605.938)	2.792.765.486.120	(31.461.302.102)

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho là các thành phẩm dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại Công ty Kinh Nổi Viglacera (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) là 142.320.083.754 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa thường xuyên	899.069.304	211.201.294
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.252.257.732	6.093.283.983
- Chi phí thiết kế showroom trưng bày sản phẩm	10.435.071.556	-
- Chi phí thuê kho, showroom	184.515.148	143.151.512
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp	835.348.756	578.514.511
- Chi phí quảng cáo truyền hình phân bổ năm 2017	1.590.000.000	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.597.308.510	1.676.484.010
	29.793.571.006	8.702.635.310

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (Tiếp theo)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê hạ tầng nhà máy	4.013.535.700	4.262.785.744
- Chi phí đền bù vùng nguyên liệu Tràng An, Đầm Hà	-	4.311.497.701
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	22.241.944.322	12.763.161.856
- Chi phí ban đầu của các mỏ đất sét ^[1]	35.581.650.614	35.694.101.919
- Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc gia công samot	-	2.233.333.336
- Chi phí trả trước tiền thuê đất	19.241.268.912	14.315.922.394
- Giá trị tiềm năng phát triển khi cổ phần hóa Công ty mẹ ^[2]	173.434.167.260	196.304.606.899
- Giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa Công ty mẹ ^[2]	15.125.281.316	41.860.898.449
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa tại các công ty con	2.301.657.070	4.714.781.081
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	12.959.574.428	20.350.134.593
- Chi phí bóc đất mỏ Phai Hạ, Hồ Xanh	1.357.827.880	3.275.201.083
- Giá trị Lợi thế thương mại mỏ Phai Hạ, Hồ Xanh	-	440.335.467
- Chi phí trang bị nội thất cho thuê Ngã 6 - Bắc Ninh	1.316.312.032	1.958.269.635
- Chi phí trả trước dài hạn khác	8.210.339.931	8.046.586.341
	295.783.559.465	350.531.616.498

[1] Gồm chi phí cấp quyền khai thác, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các chi phí phát sinh ban đầu khác. Các chi phí này được Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (Công ty con) phân bổ vào giá thành đất nguyên liệu dựa trên khối lượng khai thác trong năm và trừ lượng dự kiến của từng mỏ.

[2] Đây là khoản chi phí trả trước của Công ty mẹ phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 và phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được phân bổ trong thời gian 10 năm và giá trị thương hiệu được phân bổ trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	2.736.192.342.206	3.542.703.744.698	206.775.368.393	21.617.212.725	10.762.036.950	6.518.050.704.972				
- Mua trong năm	6.220.552.096	47.972.244.690	13.069.707.768	542.818.181	90.000.000	67.895.322.735				
- Đầu tư XDCB hoàn thành	124.498.642.254	307.317.443.487	645.454.546	-	-	432.461.540.287				
- Tăng do mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	4.341.789.757	-	-	4.341.789.757				
- Do phân loại lại	1.071.040.428	(1.045.120.428)	-	(156.448.824)	130.528.824	-				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.593.735.377)	(592.039.090)	-	-	(5.185.774.467)				
- Giảm do thoái vốn công ty con	(89.711.194.499)	(141.935.361.223)	(1.239.106.164)	(644.762.623)	-	(233.530.424.509)				
- Giảm khác	(289.636.867)	-	-	(253.738.098)	-	(543.374.965)				
Số dư cuối năm	2.777.981.745.618	3.750.419.215.847	223.001.175.210	21.105.081.361	10.982.565.774	6.783.489.783.810				
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	1.094.430.262.926	2.342.465.571.536	146.751.114.811	16.620.545.272	5.154.184.415	3.605.421.678.960				
- Khấu hao trong năm	132.131.282.119	196.693.939.185	13.514.711.755	1.569.209.281	647.503.956	344.556.646.296				
- Tăng do mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	2.302.500.242	-	-	2.302.500.242				
- Do phân loại lại	681.821.831	(502.312.450)	(110.793.207)	447.685.705	56.272.420	572.674.299				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.492.122.177)	(592.039.090)	-	-	(5.084.161.267)				
- Giảm do thoái vốn công ty con	(35.930.457.756)	(60.181.440.400)	(1.239.106.164)	(452.083.254)	-	(97.803.087.574)				
- Giảm khác	(289.636.867)	(13.237.037)	-	(253.738.098)	-	(556.612.002)				
Số dư cuối năm	1.191.023.272.253	2.473.970.398.657	160.626.388.347	17.931.618.906	5.857.960.791	3.849.409.638.954				
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	1.641.762.079.280	1.200.238.173.162	60.024.253.582	4.996.667.453	5.607.852.535	2.912.629.026.012				
Tại ngày cuối năm	1.586.958.473.365	1.276.448.817.190	62.374.786.863	3.173.462.455	5.124.604.983	2.934.080.144.856				

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.128.218.297.407 VND;
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.163.667.457.401 VND.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	44.830.436.373	19.240.533.282	64.070.969.655
- Thuê tài chính trong năm	1.111.160.690	10.070.089.637	11.181.250.327
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(3.937.578.182)	(3.937.578.182)
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	(1.262.678.750)	(1.262.678.750)
Số dư cuối năm	45.941.597.063	24.110.365.987	70.051.963.050
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.707.493.174	4.830.021.933	13.537.515.107
- Khấu hao trong năm	6.083.584.013	3.891.604.401	9.975.188.414
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(1.904.288.668)	(1.904.288.668)
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	(1.262.678.750)	(1.262.678.750)
Số dư cuối năm	14.791.077.187	5.554.658.916	20.345.736.103
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	36.122.943.199	14.410.511.349	50.533.454.548
Tại ngày cuối năm	31.150.519.876	18.555.707.071	49.706.226.947

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Giá trị thương hiệu, Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Chi phí đến bù san lấp mặt bằng	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	88.669.978.829	2.173.000.000	5.001.578.716	28.446.087.957	7.714.508.702	132.005.154.204	
Mua trong năm	-	-	345.852.000	-	-	345.852.000	
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	86.990.905.942	-	86.990.905.942	
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	(39.000.000)	-	-	(39.000.000)	
Số dư cuối năm	88.669.978.829	2.173.000.000	5.308.430.716	115.436.993.899	7.714.508.702	219.302.912.146	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	12.343.099.653	2.173.000.000	3.992.569.611	5.839.873.720	4.935.567.690	29.284.110.674	
Khấu hao trong năm	923.161.344	-	518.564.640	1.945.993.029	383.090.556	3.770.809.569	
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	(572.674.299)	(572.674.299)	
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	(12.350.004)	-	-	(12.350.004)	
Số dư cuối năm	13.266.260.997	2.173.000.000	4.498.784.247	7.785.866.749	4.745.983.947	32.469.895.940	
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	76.326.879.176		1.009.009.105	22.606.214.237	2.778.941.012	102.721.043.530	
Tại ngày cuối năm	75.403.717.832		809.646.469	107.651.127.150	2.968.524.755	186.833.016.206	

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 59.853.620.659 VND ;
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 2.204.000.000 VND.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà và quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	926.131.003.093	1.335.737.718.285	2.261.868.721.378
- Tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản	289.730.149.439	-	289.730.149.439
- Tăng khác	12.406.364	-	12.406.364
Số dư cuối năm	1.215.873.558.896	1.335.737.718.285	2.551.611.277.181
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	146.938.378.464	201.475.635.257	348.414.013.721
- Khấu hao trong năm	42.107.429.082	30.847.937.153	72.955.366.235
Số dư cuối năm	1 89.045.807.546	232.323.572.410	421.369.379.956
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	779.192.624.629	1.134.262.083.028	1.913.454.707.657
Tại ngày cuối năm	1.026.827.751.350	1.103.414.145.875	2.130.241.897.225

Giá trị còn lại cuối năm của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 1.171.433.029.827 VND.



16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.495.311.041.722	925.110.079.137
- Dự án đầu tư Khu Công nghiệp Phú Hà ^[1]	52.511.492.277	89.782.039.579
- Dự án khu công nghiệp và đô thị Yên Phong	58.975.194.215	29.646.936.481
- Dự án khu đô thị Hải Yên	19.608.333.039	23.571.910.914
- Khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh giai đoạn I và II	13.430.073.600	16.851.845.901
- Dự án giai đoạn III tại 671 Hoàng Hoa Thám ^[2]	278.568.294.832	214.096.625.308
- Dự án KCN Yên Phong mở rộng ^[3]	355.791.209.109	40.314.435.164
- Dự án Đường vào tổ hợp Samsung - Khu công nghiệp Yên Phong	-	30.336.575.547
- Dự án cải tạo Tỉnh lộ 286	47.079.284.873	22.593.491.306
- Dự án Khu chung cư dịch vụ Khu công nghiệp Tiên Sơn	-	11.470.736.398
- Dự án Khu công nghiệp Đông Mai	13.465.413.403	3.506.609.073
- Dự án khu chung cư và dịch vụ Khu công nghiệp Yên Phong	2.481.159.575	-
- Dự án nhà học, trường nghề Yên Phong	1.205.514.109	-
- Dự án Khu Công nghiệp Phong Điền - Thừa Thiên Huế ^[4]	32.292.175.336	22.062.691.916
- Dự án Nhà truyền thống	-	4.327.733.381
- Dự án Khu đô thị Yên Phong	39.074.833.112	39.074.833.112
- Dự án Trạm xử lý nước thải 15.000m ³ Khu công nghiệp Yên Phong I	65.435.802.914	184.545.454
- Dự án khu nhà ở và dịch vụ cán bộ Công nhân viên Yên Phong	9.460.289.550	112.634.911
- Dự án nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Yên Phong 9,1 và 9,8 ha	38.647.158.355	-
- Dự án kính tiết kiệm năng lượng ^[5]	308.355.617.782	62.633.741.867
- Dự án Nhà máy Sứ Viglacera Mỹ Xuân ^[6]	34.235.809.073	-
- Dự án Tòa nhà hỗn hợp Văn phòng và Nhà ở Đại Mỗ	28.064.278.382	26.497.503.566
- Dự án mở rộng sản xuất Nhà máy Thái Bình - Giai đoạn II	-	169.062.202.875
- Công trình xây dựng Nhà ở cho cán bộ, công nhân viên tại xã Đông Lâm	10.204.953.464	10.204.953.464
- Trạm Khí hóa than tại Nhà máy Gạch Giếng Đáy	-	12.779.365.651
- Bãi Xuất nhập Nguyên liệu tại Nhà máy Gạch Hoàn Bồ	1.444.603.716	1.444.603.716
- Dự án Khu 28ha Hoàn Bồ	33.642.634.419	33.642.634.419
- Dự án chuyển đổi ngôi lợp 100% tại Nhà máy Gạch Hoàn Bồ	585.932.800	7.573.536.888
- Chi phí phục vụ dự án Bộ Khoa học Công nghệ	7.275.240.239	6.416.139.339
- Chi phí Giai đoạn 2 Nhà máy Clinker	5.558.069.229	-
- Hệ gia công nguyên liệu 3 Nhà máy Cotto	5.669.371.818	-
- San lấp kho bãi tại Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	9.982.760.603	9.982.760.603
- Chi phí lắp hồ Nhà máy Đông Triều 1	-	7.690.521.827
- Chi phí chạy thử đầu tư chiều sâu Nhà máy Đông Triều 1	-	15.367.710.347
- Dự án đầu tư chiều sâu mở rộng dây chuyền sản xuất bao bì	5.322.587.662	-
- Các công trình khác	16.942.954.236	13.880.760.130
Mua sắm tài sản cố định	-	7.416.461.037
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.309.773.065	3.279.732.436
	1.497.620.814.787	935.806.272.610

[1] Dự án đầu tư Khu Công nghiệp Phú Hà giai đoạn I được thực hiện theo Quyết định số 29/TCT-HĐQT ngày 23/01/2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty. Dự án có diện tích 350,09 ha tại các Xã Hà Thạch, Hà Lộc, Phú Hộ, Thị Xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ với tổng mức đầu tư là 1.587,88 tỷ VND bằng vốn tự có, vốn huy động đóng góp và vốn vay thương mại. Dự án thực hiện đầu tư các hạng mục chủ yếu là: San nền; Đường nội bộ; Hệ thống cấp, thoát nước; Hệ thống cung cấp điện, chiếu sáng đường giao thông; Xây dựng trung tâm điều hành Khu Công nghiệp, Xây dựng cổng, tường rào, nhà thường trực, cây xanh... Tiến độ dự án được chia làm 5 đợt, dự kiến hoàn thành toàn bộ vào quý 4/2021.

[2] Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở và Công trình công cộng - Thể thao tại số 671 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Quyết định điều chỉnh dự án số 224/TCT-HĐQT ngày 12/06/2015 có tổng mức đầu tư là 584.512.314.000 VND với 33 căn nhà liền kề có tổng diện tích đất xây dựng là 5.321 m² và các công trình công cộng như nhà trẻ, khu thể thao, bể bơi và công trình cây xanh có diện tích là 1.949 m².

[3] Dự án Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng được thực hiện theo Quyết định số 433/TCT-HĐQT ngày 16/11/20015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty. Dự án có tổng diện tích 313,9 ha với tổng mức đầu tư là 2.908 tỷ đồng bằng vốn tự có, vốn huy động và vốn vay thương mại. Dự án thực hiện đầu tư các hạng mục chủ yếu là: San nền; Đường nội bộ; Hệ thống cấp, thoát nước; Hệ thống cung cấp điện, chiếu sáng đường giao thông; Nhà điều hành Khu công nghiệp; Xây dựng cổng, cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly, cây xanh giao thông. Dự án được chia làm 4 giai đoạn, dự kiến bắt đầu khai thác từ quý 3/2017 và hoàn thành toàn bộ vào quý 4/2021.

[4] Dự án đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phong Điền - Viglacera được thực hiện theo Quyết định số 141/TCT-HĐQT ngày 03/04/2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty. Dự án có diện tích 284,32 ha tại Huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế với tổng mức đầu tư là 681,65 tỷ VND bằng vốn tự có, vốn huy động và vốn vay thương mại. Dự án thực hiện đầu tư các hạng mục chủ yếu là: San nền; Đường nội bộ; Hệ thống cấp, thoát nước; Hệ thống cung cấp điện, chiếu sáng đường giao thông; Xây dựng trung tâm điều hành Khu Công nghiệp, Xây dựng cổng, tường rào, nhà thường trực, cây xanh... Dự án được chia làm 4 giai đoạn, dự kiến hoàn thành toàn bộ vào tháng 12/2020.

[5] Dự án Đầu tư Dây chuyền sản xuất Kính tiết kiệm năng lượng có công suất: 2,3 triệu m²/năm tại mặt bằng hiện có của Tổng công ty tại Khu Sản xuất Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tổng mức đầu tư: 480.486.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT). Nguồn vốn đầu tư bao gồm Vốn vay ưu đãi Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo QĐ số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 phê duyệt chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (được phê duyệt của Thủ tướng chính Phủ số 60/TTg-KTN ngày 13/01/2015).

[6] Dự án Đầu tư Nhà máy Sứ Viglacera Mỹ Xuân có công suất: 750.000 sản phẩm/năm tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thực hiện theo Quyết định số 282/TCT-HĐQT ngày 22/07/2016 và Quyết định số 303/TCT-HĐQT ngày 26/08/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Tổng mức đầu tư: 486.811.874.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Nguồn vốn đầu tư bao gồm Nguồn vốn tự có (60%) và Vốn vay thương mại (40%). Vốn vay thương mại được chấp nhận theo Văn bản số 88/VCBSGD/KHDN2 ngày 10/01/2017 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc chấp nhận cấp tín dụng đối với Tổng Công ty Viglacera - CTCP. Thời gian dự kiến thực hiện: 19 tháng, dự kiến hoàn thành bàn giao vào tháng 2 năm 2018.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư vào công ty con nhỏ hơn phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua. Tổng Công ty thực hiện phân bổ chênh lệch này vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong thời gian 10 năm. Số dư của khoản này tại ngày 31/12/2016 là 0 VND và tại ngày 01/01/2016 là 4.500.024.962 VND, giá trị đã phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm là 692.311.532 VND, giá trị giảm do thoái vốn công ty con là 3.807.713.430 VND.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh (Petrolimex Bắc Ninh)	43.168.267.848	43.168.267.848	44.158.519.867	44.158.519.867
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	-	19.127.608.408	19.127.608.408
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	17.353.850.845	17.353.850.845	25.922.378.037	25.922.378.037
- Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FICO	14.826.087.426	14.826.087.426	13.932.573.806	13.932.573.806
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	13.056.645.823	13.056.645.823
- Công ty TNHH Hoàn Cường	12.922.761.307	12.922.761.307	10.276.950.127	10.276.950.127
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phúc Xuân	6.652.279.877	6.652.279.877	9.397.578.116	9.397.578.116
- Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu khu vực II	-	-	9.633.785.849	9.633.785.849
- Công ty Cổ phần Dương Đông - Sài Gòn	21.210.775.925	21.210.775.925	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phát triển Phương Anh	10.173.270.705	10.173.270.705	-	-
- Công ty Cổ phần Việt Trung Thịnh Hoàng	6.976.293.940	6.976.293.940	10.889.817.400	10.889.817.400
- Phải trả cho các đối tượng khác	911.693.019.239	911.693.019.239	857.575.836.718	857.575.836.718
	1.044.976.607.112	1.044.976.607.112	1.013.971.694.151	1.013.971.694.151

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty TNHH Gốm sứ và Thương mại Vitake	3.389.162.465	3.389.162.465	3.389.162.465	3.389.162.465
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị	4.186.385.945	4.186.385.945	3.579.747.591	3.579.747.591
- Công ty TNHH Kinh doanh Chế biến Nông lâm sản Xuất nhập khẩu Chiến Thắng	1.954.107.000	1.954.107.000	1.954.107.000	1.954.107.000
- Công ty TNHH Kim Sơn	3.516.242.091	3.516.242.091	2.253.545.016	2.253.545.016
- Công ty TNHH MTV Bao bì Toàn Cầu	-	-	828.515.955	828.515.955
- Công ty 789 Bộ Quốc Phòng	300.000.000	300.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH BMC Hà Nội	1.374.551.130	1.374.551.130	1.424.551.130	1.424.551.130
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Hà Nội Vinacomin	1.116.469.931	1.116.469.931	1.436.469.931	1.436.469.931
- Công ty TNHH thương mại và đầu tư Trường Giang	767.690.739	767.690.739	1.147.690.739	1.147.690.739
- Công ty TNHH Kim Sơn	-	-	1.262.697.075	1.262.697.075
- Công ty Cổ phần Tiến Thắng	1.192.025.846	1.192.025.846	1.192.025.846	1.192.025.846
- Chi nhánh Tổng Công ty Đồng Bắc tại Hà Nội	989.438.020	989.438.020	989.438.020	989.438.020
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hoàng Ninh	679.117.161	679.117.161	847.237.218	847.237.218
- Phải trả cho các đối tượng khác	25.431.446.780	25.431.446.780	32.519.775.256	32.519.775.256
	44.896.637.108	44.896.637.108	53.824.963.242	53.824.963.242
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	27.323.913.417	27.323.913.417	29.706.755.766	29.706.755.766
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)				

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm do thoái vốn công ty con	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	33.913.153.630	119.488.443.029	452.032.360.192	456.022.359.849	614.262.361	13.300.503.093	94.271.530.474
Thuế xuất, nhập khẩu	91.312.074	21.776.787	8.843.265.584	8.967.890.978	-	194.922.456	761.775
Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.987.197	85.743.401.536	155.000.354.605	155.288.946.331	-	233.968.169	85.417.790.782
Thuế thu nhập cá nhân	121.939.221	11.837.567.488	12.769.688.224	14.061.593.407	16.136.534	18.128.035	10.425.714.585
Thuế tài nguyên	29.055.827	3.780.074.373	11.732.840.872	13.484.692.814	38.862.240	10.772.534	1.971.076.898
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	723.838.834	161.304.024.150	62.457.880.539	142.124.331.160	-	370.939.155	81.284.673.850
Các loại thuế khác	-	21.001.822.469	13.608.761.465	33.359.043.920	-	240.360.098	1.491.900.112
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	171.920.546	11.603.834.770	85.142.781.352	70.295.575.136	24.500.904	374.257.919	26.628.877.455
	35.322.207.329	414.780.944.602	801.587.932.833	893.604.433.595	693.762.039	14.743.851.459	301.492.325.931

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Khách hàng mua nhà trả trước	233.853.099.191	272.108.329.029
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	145.707.613.213	74.771.632.159
	379.560.712.404	346.879.961.188
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	2.461.000	5.398.552

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Lãi tiền vay phải trả	69.201.312.344	86.370.682.444
Trích trước chi phí các dự án, công trình xây dựng	592.887.580.202	294.460.198.658
Trích trước chi phí các khu công nghiệp	11.428.577.399	-
Trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	-	166.687.369.348
Chi phí hỗ trợ lãi vay cho khách hàng dự án Mễ Trì	7.006.587.606	11.820.129.127
Trích trước chi phí chiết khấu cho khách hàng	32.828.852.075	40.254.793.131
Trích trước chi phí hỗ trợ tiêu thụ, kinh doanh	10.072.318.542	23.721.080.573
Trích trước chi phí hội nghị khách hàng, hội nghị tổng kết	8.332.963.000	15.240.450.000
Trích trước chi phí vận chuyển	1.220.295.632	5.498.589.049
Tạm trích tiền thuê đất	11.533.170.956	14.877.982.361
Trích trước chi phí thiết kế trưng bày showroom	-	1.626.055.015
Trích trước chi phí xuất khẩu	362.648.082	1.616.506.357
Chi phí thuê mặt bằng và dịch vụ công nghiệp	3.262.679.928	1.734.591.982
Trích trước chi phí tiền điện sản xuất	1.906.624.745	1.230.595.562
Chi phí phải trả khác	28.807.643.762	20.306.669.039
	778.851.254.273	685.445.692.646
b) Dài hạn		
Chi phí lãi vay ^[1]	15.868.080.683	11.529.606.017
	15.868.080.683	11.529.606.017

[1] Là Chi phí lãi vay Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (Công ty con) phải trả được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/12/2013 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, thời hạn trả lãi tại thời điểm tất toán hợp đồng là ngày 31/12/2018.

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tiền nhận trước của hoạt động cho thuê Bất động sản sẽ được ghi nhận doanh thu trong 12 tháng tới	62.070.790.398	30.281.415.450
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	86.400.000	599.413.490
	62.157.190.398	30.880.828.940
b) Dài hạn		
- Tiền nhận trước của hoạt động cho thuê Bất động sản sẽ được ghi nhận doanh thu sau 12 tháng tới	2.886.991.778.082	2.629.554.814.840
	2.886.991.778.082	2.629.554.814.840

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	67.978.588	168.241.611
Kinh phí công đoàn	5.824.729.672	8.966.004.893
Bảo hiểm xã hội	16.867.084.789	20.102.113.355
Bảo hiểm y tế	883.927.803	1.312.107.464
Bảo hiểm thất nghiệp	245.825.939	218.042.201
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.875.500.613	15.359.760.949
Các khoản phải trả, phải nộp khác	325.448.119.169	383.164.377.243
- Phải trả về tiền cổ tức	7.495.978.852	6.849.211.607
- Phải trả Công ty ITASCO (nay là Công ty Cổ phần đầu tư tài chính Thương mại dịch vụ FICO) ^[1]	9.884.620.275	17.952.147.275
- Phải trả các cá nhân góp vốn Dự án Xuân Phương ^[2]	28.751.510.610	53.775.899.190
- Phải trả về chi phí thi công công trình đã hoàn chứng từ	113.342.571.010	94.921.610.482
- Phải trả về tiền thuế thu nhập cá nhân	151.801.656	556.199.412
- Phải trả về tiền phí bảo trì công trình chung cư	102.226.191.291	105.694.619.118
- Phải trả Công ty Cổ phần Địa ốc SKP	-	11.783.885.414
- Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội	-	8.048.312.439
- Tiền thuê đất Khu công nghiệp tạm thu ^[3]	8.956.924.401	34.440.856.891
- Phải trả về tiền hoàn tạm ứng thừa của nhân viên	5.828.235.351	9.129.887.313
- Phải trả Ngân sách tỉnh Quảng Ninh tiền đền bù giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Hải Yên ^[4]	10.047.884.429	-
- Phải trả Công ty Cổ phần Viglacrea Hạ Long 1	586.885.096	586.885.096
- Phải trả các đối tượng khác	38.175.516.198	39.424.863.006
	357.213.166.573	429.290.647.716
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.174.921.625	20.260.058.179
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Phú ^[5]	20.000.000.000	20.000.000.000
	46.174.921.625	40.260.058.179
c) Phải trả khác là các bên liên quan	586.885.096	654.526.796

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)

[1] Phải trả Công ty ITASCO (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO) về khoản tạm phân chia lợi nhuận sau thuế của Dự án Khu chức năng Đô thị Tây Mỗ với tỷ lệ 50:50 theo quy định của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 46/2007/HĐHT ngày 26/06/2007 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính ITASCO. Hiện tại, hai bên đang tiến hành các thủ tục để thanh lý hợp đồng này.

[2] Khoản phải trả theo các hợp đồng vay ký giữa Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera và những đối tượng đăng ký mua nhà tại Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương. Theo đó, Công ty Hạ tầng và Đô thị Viglacera sẽ thanh toán tiền lãi vay cho các cá nhân sau khi hết hạn hợp đồng, trường hợp hợp đồng vay chuyển đổi thành hợp đồng mua bán sau khi Dự án thi công xong phần móng thì Công ty không phải trả bất cứ khoản lãi nào cho số tiền đã vay.

[3] Đây là tiền thuê đất tạm thu của các công ty thuê hạ tầng tại khu công nghiệp KCN Yên Phong và khu công nghiệp Tiên Sơn theo hướng dẫn tại Nghị định 142/2005/NĐ-CP và Nghị định 121/2010/NĐ-CP.

[4] Đây là khoản phải trả Ngân sách tỉnh Quảng Ninh phần kinh phí đã được cấp ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư Dự án hạ tầng Khu Công nghiệp Hải Yên.

[5] Theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT ngày 14/4/2011 giữa Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera và Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Thiên Phú, hai bên thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án trên lô đất 30.156 m2 tại thôn Liên Cơ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Theo Cam kết thực hiện hợp tác đầu tư số 03b/CK/VIGLCERA-TP ngày 14/04/2011 thì ngay sau ký hợp đồng nguyên tắc, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Phú thực hiện chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera với số tiền là 20 tỷ VND để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng.

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm	-	235.475.690
- Chi phí bảo dưỡng hạ tầng khu công nghiệp	76.540.159.277	66.186.523.277
- Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	-	333.207.028
- Dự phòng phải trả về tiền phải nộp Ngân sách Nhà nước ^[1]	102.032.485.280	153.184.015.190
- Chi phí thưởng và quà tặng cho đại lý	800.000.000	5.700.000.000
- Trích trước Quỹ tiền lương dự phòng	12.890.673.936	-
	192.263.318.493	225.639.221.185
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	4.972.897.863	2.749.355.580
- Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường ^[2]	36.273.619.481	39.757.047.315
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ ^[3]	100.000.000.000	50.000.000.000
	141.246.517.344	92.506.402.895

[1] Đây là khoản dự phòng phải nộp Ngân sách Nhà nước tạm tính. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng để xác định chính xác số tiền phải nộp, đồng thời khoản dự phòng được điều chỉnh hồi tố cho giai đoạn trước khi bàn giao sang công ty cổ phần sẽ được xử lý sau khi có phê duyệt chính thức của cấp có thẩm quyền về việc Quyết toán vốn Nhà nước khi chuyển sang công ty cổ phần.

[2] Chi phí hoàn nguyên (phục hồi) môi trường cho các mỏ khai thác được trích trước căn cứ theo Tổng dự toán chi phí phục hồi môi trường và thời hạn khai thác mỏ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc trích trước này đảm bảo được nguyên tắc phù hợp giữa Doanh thu và Chi phí tránh việc biến động chi phí lớn cho kỳ kế toán thực hiện hoàn nguyên môi trường.

[3] Căn cứ theo Quyết định số 422/TCT-HĐQT ngày 30/10/2015 về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn nhà máy kính nổi Viglacera theo đặc thù kỹ thuật của dây chuyền sản xuất kính cho giai đoạn từ 2015 - 2023.

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016			Trong năm			31/12/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giảm do thoái vốn công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn									
Vay ngắn hạn	923.899.413.137	923.899.413.137	3.451.103.025.543	3.488.571.078.245	66.105.236.798	820.326.123.637	820.326.123.637	820.326.123.637	
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	505.134.045.687	505.134.045.687	327.290.810.830	515.786.310.106	14.497.900.000	302.140.646.411	302.140.646.411	302.140.646.411	
	1.429.033.458.824	1.429.033.458.824	3.778.393.836.373	4.004.357.388.351	80.603.136.798	1.122.466.770.048	1.122.466.770.048	1.122.466.770.048	
b) Vay dài hạn									
Vay dài hạn	1.291.440.360.240	1.291.440.360.240	713.969.766.064	629.671.542.472	72.141.271.591	1.303.597.312.241	1.303.597.312.241	1.303.597.312.241	
Nợ thuế tài chính dài hạn	25.017.549.198	25.017.549.198	9.543.426.393	12.337.973.063	-	22.223.002.528	22.223.002.528	22.223.002.528	
	316.457.909.438	1.316.457.909.438	723.513.192.457	642.009.515.535	72.141.271.591	1.325.820.314.769	1.325.820.314.769	1.325.820.314.769	
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(505.134.045.687)	(505.134.045.687)	(327.290.810.830)	(515.786.310.106)	(14.497.900.000)	(302.140.646.411)	(302.140.646.411)	(302.140.646.411)	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	811.323.863.751	811.323.863.751				1.023.679.668.358	1.023.679.668.358	1.023.679.668.358	

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty như sau:

	Loại tiền vay	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2016	01/01/2016
				VND	VND
Vay ngắn hạn				820.326.123.637	923.899.413.137
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Theo thời điểm nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản	306.991.965.455	254.366.356.219
-Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp bằng tài sản	232.267.475.703	236.938.299.185
-Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	Theo thời điểm nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản	131.300.701.811	215.940.467.723
-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	Theo thời điểm nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản	74.578.199.258	123.682.952.883
-Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	VND	Theo từng khế ước	Thế chấp bằng tài sản	6.635.282.236	17.870.645.720
-Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	Theo từng khế ước	Thế chấp bằng tài sản	-	17.739.095.293
-Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	VND	Theo từng khế ước	Thế chấp bằng tài sản	-	15.307.489.640
-Ngân hàng TMCP Quốc Dân	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp bằng tài sản	-	300.000.000
-Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	Theo từng khế ước	Thế chấp bằng tài sản	-	-
-Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Alpha	VND	Theo lãi suất của NH TMCP Ngoại thương	Tín chấp	20.994.000.000	-
-Cá nhân	VND	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	47.558.499.174	41.754.106.474
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả				302.140.646.411	505.134.045.687
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				199.868.626.802	301.534.388.895
-Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				8.175.591.559	12.757.091.559
-Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam				12.158.680.950	11.347.498.924
-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				35.285.000.000	28.081.834.314
-Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương				-	113.840.298.924
-Ngân hàng Phát triển Việt Nam				20.448.024.000	14.448.024.000
-Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội				7.605.880.000	2.510.404.332
-Ngân hàng TMCP Quân Đội				-	1.100.000.000
-Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam				719.463.600	393.655.200
-Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Ngoại thương				4.820.950.252	5.269.976.669
-Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Công thương				5.864.149.584	4.829.686.426
-Quý Bảo vệ Môi trường				2.880.000.000	3.845.000.000
-Nợ lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				4.314.279.664	2.876.186.444
- Cá nhân				-	2.300.000.000
				1.122.466.770.048	1.429.033.458.824

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Loại tiền vay	Lãi suất năm	Năm/Thời gian đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2016	01/01/2016
					VND	VND
Vay dài hạn					1.303.597.312.241	1.291.440.360.240
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Theo thời điểm nhận nợ	Từ 36 đến 84 tháng	Thế chấp bằng tài sản	576.894.837.411	694.911.294.980
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND, USD, EUR	Theo thời điểm nhận nợ	Từ 2018 đến 2023	Thế chấp bằng tài sản	238.871.105.518	148.350.613.881
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	VND	Điều chỉnh theo thời kỳ	2016	Thế chấp bằng tài sản	-	113.840.298.924
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Theo thời điểm nhận nợ	Từ 2017 đến 2024	Thế chấp bằng tài sản	26.423.110.939	49.933.608.149
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	Theo thời điểm nhận nợ	Từ 90 đến 135 tháng	Thế chấp bằng tài sản	226.753.237.124	36.120.068.339
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	VND	Theo từng khế ước	Từ 2019 đến 2024	Thế chấp bằng tài sản	49.279.123.942	31.927.273.968
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	Theo thời điểm nhận nợ	Từ 2017 đến 2021	Thế chấp bằng tài sản	30.055.449.196	22.821.533.924
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	Theo thời điểm nhận nợ	Từ 2020 đến 2021	Thế chấp bằng tài sản	2.903.986.837	1.965.544.037
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	Theo thời điểm nhận nợ	2016	Thế chấp bằng tài sản	-	2.800.000.000
- Quỹ Bảo vệ Môi trường	VND	Từ 3,6% đến 5,4%	84 tháng	Chứng thư bảo lãnh	11.600.000.000	15.995.000.000
- Nợ lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Điều chỉnh theo thời kỳ	2021	Thế chấp bằng tài sản	38.189.935.276	41.066.121.720
- Ngân sách tỉnh Hải Dương	VND	Không tính lãi	Không xác định	Tín chấp	5.682.664.168	5.682.664.168
- Các đối tượng thuộc Viện nghiên cứu máy	VND	Không tính lãi	Không xác định	Tín chấp	760.000.000	760.000.000
- Cá nhân	VND	Theo từng hợp đồng	Tối đa 36 tháng	Tín chấp	96.183.861.830	125.266.338.150
Nợ thuế tài chính dài hạn					22.223.002.528	25.017.549.198
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Ngoại thương	VND	Điều chỉnh theo thời kỳ	Từ 36 đến 48 tháng	Thế chấp bằng tài sản	10.434.010.886	10.420.293.137
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Công thương	VND	Điều chỉnh theo thời kỳ	Từ 36 đến 60 tháng	Thế chấp bằng tài sản	11.788.991.642	14.597.256.061
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					1.325.820.314.769	1.316.457.909.438
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					(302.140.646.411)	(505.134.045.687)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					1.023.679.668.358	811.323.863.751

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.645.000.000.000	3.839.113.235	7.362.984.856	(148.162.639)	(193.544.307.015)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng tại công ty con	-	(8.236.500.000)	15.810.000.000	-	-
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	76.993.800	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	(10.761.000)	-	-	-
Phân chia lợi nhuận cho đối tác	-	-	-	-	-
Do điều chỉnh hồi tố lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(1.713.600)	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	2.645.000.000.000	(4.408.147.765)	23.249.978.656	(149.876.239)	(193.544.307.015)
Số dư đầu năm nay	2.645.000.000.000	(4.408.147.765)	23.249.978.656	(149.876.239)	(193.544.307.015)
Tăng vốn trong năm nay ^[1]	425.000.000.000	138.378.510.000	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-
Công ty con dùng các quỹ bù đắp lỗ lũy kế ^[2]	-	(13.521.442.674)	(966.936.151)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-
Kết chuyển nguồn vốn đối với công trình đã hoàn thành ^[3]	-	-	-	-	-
Giảm do Công ty con điều chỉnh hồi tố lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Truy thu thuế	-	-	-	-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	3.070.000.000.000	120.448.919.561	22.283.042.505	(149.876.239)	(193.544.307.015)

[1] Trong năm, thực hiện chủ trương của Nghị quyết số 30/TCT- NQĐHCĐ ngày 26/04/2016 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và các Nghị quyết số 36/TCT-HĐQT ngày 01/06/2016 và Nghị quyết số 41/TCT-HĐQT ngày 10/06/2016 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Viglacera - CTCP về việc phát hành tăng vốn điều lệ Tổng Công ty từ 2.645 tỷ VND lên 3.070 tỷ VND, Tổng Công ty đã thực hiện 02 đợt phát hành tăng vốn điều lệ như sau:

- Phát hành 30.000.000 cổ phiếu ra công chúng theo hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; và
- Phát hành 12.500.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2016.

[2] Trong năm, Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (Công ty con) đã sử dụng nguồn Thặng dư vốn cổ phần, Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác của chủ sở hữu để bù đắp cho lỗ lũy kế căn cứ theo Nghị quyết số 02/TLT-ĐHCĐ ngày 23/03/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty này.

Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND	VND
97.219.521.936	6.874.279.135	75.061.752.116	289.147.873.758	-	2.930.813.055.382
-	-	328.387.236.703	-	-	328.387.236.703
-	-	(7.573.500.000)	-	-	-
-	-	(66.125.000.000)	-	-	(66.125.000.000)
4.825.975.652	-	(4.902.969.452)	-	-	-
-	-	(13.488.174.193)	-	-	(13.488.174.193)
-	-	677.844.229	-	67.000.000.000	67.667.083.229
-	-	(592.186.062)	-	-	(592.186.062)
-	-	(7.781.208.656)	-	-	(7.781.208.656)
-	-	-	-	-	(1.713.600)
-	-	-	48.022.279.790	-	48.022.279.790
102.045.497.588	6.874.279.135	303.663.794.685	337.170.153.548	67.000.000.000	3.286.901.372.593
102.045.497.588	6.874.279.135	303.663.794.685	337.170.153.548	67.000.000.000	3.286.901.372.593
-	-	-	-	-	563.378.510.000
-	-	513.750.218.906	-	-	513.750.218.906
(4.062.055.249)	(139.482.162)	18.689.916.236	-	-	-
-	-	(105.800.000.000)	-	-	(105.800.000.000)
-	-	(15.577.547.364)	-	-	(15.577.547.364)
-	-	806.025.537	-	31.000.000.000	31.806.025.537
-	-	(761.537.948)	-	-	(761.537.948)
-	-	-	-	(52.000.000.000)	(52.000.000.000)
-	-	(731.853.272)	-	-	(731.853.272)
-	-	1.950.572.127	-	-	1.950.572.127
-	-	-	77.265.689.768	-	77.265.689.768
97.983.442.339	6.734.796.973	715.989.588.907	414.435.843.316	46.000.000.000	4.300.181.450.347

[3] Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản Tổng Công ty nhận từ ngân sách nhà nước là khoản nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng theo:

- Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 24/03/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình 3 tuyến đường quanh khu tổ hợp SamSung, khu công nghiệp Yên Phong I. Theo đó: Tổng mức đầu tư dự án là 83.292.686.000 VND; Nguồn vốn đầu tư: Tổng Công ty Viglacera - CTCP tự cân đối vốn để triển khai thực hiện dự án trong năm 2015, sau đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí theo giá trị quyết toán được duyệt, theo lộ trình; Số vốn ngân sách nhà nước đã cấp theo quyết định này là 52.000.000.000 VND. Trong năm, Công trình này đã hoàn thành đưa vào sử dụng, Tổng Công ty đã thực hiện kết chuyển nguồn vốn được cấp sang Nguồn kinh phí đã hành thành Tài sản cố định.

- Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp ĐT.286 đoạn từ khu công nghiệp Yên Phong I đến khu nhà ở và dịch vụ cán bộ công nhân viên khu công nghiệp Yên Phong và các quyết định thay đổi bổ sung nội dung thực hiện. Số vốn ngân sách nhà nước đã cấp là 46.000.000.000 VND. Trong năm, Công trình này đã hoàn thành, Tổng Công ty đang làm các thủ tục để quyết toán và bàn giao công trình hoàn thành cho Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Ninh.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện như sau:

	Tại công ty mẹ [1]	Tại Công ty con [2]	Tổng Cộng
	VND	VND	VND
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.044.614.000	6.532.933.364	15.577.547.364
Chi trả cổ tức	105.800.000.000	-	105.800.000.000

[1] Tại Công ty mẹ: Lợi nhuận năm 2015 được phân phối theo Nghị quyết số 30/TCT-NQĐHCD ngày 26/03/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

[2] Tại Công ty con: Là phần tương ứng với tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ được hưởng từ trích lập các quỹ trong năm của Công ty con.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước ^[1]	2.419.852.620.000	78,82%	2.419.852.620.000	91,49%
Vốn góp của cổ đông khác	650.147.380.000	21,18%	225.147.380.000	8,51%
Cộng	3.070.000.000.000	100%	2.645.000.000.000	100%

[1] Giá trị phần vốn góp của nhà nước đang được ghi nhận trên cơ sở phần vốn nhà nước được phê duyệt tại Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/06/2014 của Bộ Xây dựng. Tại thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty đang tiến hành các công việc có liên quan để quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (0h ngày 22/07/2014) theo các quy định hiện hành.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.070.000.000.000	2.645.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	2.645.000.000.000	2.645.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	425.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	3.070.000.000.000	2.645.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	105.800.000.000	66.125.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	105.800.000.000	66.125.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	307.000.000	264.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	307.000.000	264.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	307.000.000	264.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	307.000.000	264.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của Tổng công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	97.983.442.339	102.045.497.588
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.734.796.973	6.874.279.135
	104.718.239.312	108.919.776.723

27. NGUỒN KINH PHÍ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nguồn kinh còn lại đầu năm	15.232.137.200	8.786.105.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	300.000.000	6.446.032.200
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	15.532.137.200	15.232.137.200

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	719.656.650	1.757.391.022

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
USD	809.181,94	3.119.955,07
EUR	2.936,54	188.012,75
GBP	437,00	437,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
	2.404.931.339	2.345.769.952



29. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	7.359.982.704.065	7.275.098.689.896
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	1.025.124.031.575	1.562.146.867.853
Doanh thu bán các sản phẩm kính, gương	1.171.381.432.345	1.201.944.189.998
Doanh thu bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện	976.927.754.606	911.191.499.881
Doanh thu bán các sản phẩm gạch ốp lát	1.968.047.814.429	1.648.451.104.728
Doanh thu bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	2.059.090.516.984	1.776.221.361.846
Doanh thu bán các sản phẩm bao bì, má phanh	30.393.035.468	36.382.933.708
Doanh thu bán sản phẩm bê tông khí	39.616.460.234	44.781.910.518
Doanh thu bán cát trắng thủy tinh	32.643.271.420	37.587.146.847
Doanh thu từ khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản	35.792.406.377	30.744.732.084
Doanh thu bán hàng khác	20.965.980.627	25.646.942.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	691.458.897.579	500.812.485.991
Dịch vụ cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	351.669.654.425	185.800.197.691
Doanh thu từ các dịch vụ liên quan tới quản lý, vận hành các khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư ^[1]	241.023.975.782	230.836.446.574
Dịch vụ tư vấn xây dựng và thí nghiệm vật liệu xây dựng	20.465.730.593	9.847.455.503
Dịch vụ du lịch	24.536.340.446	21.458.505.069
Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	5.486.021.737	15.453.933.953
Doanh thu về phí duy trì và phát triển thương hiệu ^[2]	1.261.970.454	1.419.167.965
Dịch vụ khác	47.015.204.142	35.996.779.236
Doanh thu hợp đồng xây dựng	94.400.178.703	56.610.739.603
	8.145.841.780.347	7.832.521.915.490
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	65.833.789.946	63.154.568.042

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)

[1] Bao gồm các dịch vụ: Quản lý vận hành chung cư, Khu đô thị, Khu Công nghiệp; Dịch vụ bảo dưỡng hạ tầng Khu công nghiệp; Dịch vụ cấp nước và xử lý nước thải, dịch vụ nhà trẻ, dịch vụ nhà hàng tại khu đô thị...;

[2] Là khoản phí thương hiệu (sử dụng tên gọi Viglacera và logo biểu tượng hình ngọn lửa) Tổng Công ty tính phí cho các Công ty căn cứ vào tình hình kinh doanh năm hiện tại và doanh thu của năm trước liền kề.

30. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	7.062.966.208	12.617.315.216
	7.062.966.208	12.617.315.216

31. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	7.352.919.737.857	7.262.481.374.680
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	1.025.124.031.575	1.560.687.558.762
Doanh thu bán các sản phẩm kính, gương	1.167.009.374.865	1.201.944.189.998
Doanh thu bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện	976.920.459.704	918.898.614.275
Doanh thu bán các sản phẩm gạch ốp lát	1.965.523.116.255	1.629.659.579.262
Doanh thu bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	2.059.030.595.668	1.776.221.361.846
Doanh thu bán các sản phẩm bao bì, má phanh	30.306.922.796	36.309.338.655
Doanh thu bán sản phẩm bê tông khí	39.603.578.570	44.781.910.518
Doanh thu bán cát trắng thủy tinh	32.643.271.420	37.587.146.847
Doanh thu từ khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản	35.792.406.377	30.744.732.084
Doanh thu bán hàng khác	20.965.980.627	25.646.942.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	691.458.897.579	500.812.485.991
Dịch vụ cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	351.669.654.425	185.800.197.691
Doanh thu từ các dịch vụ liên quan tới quản lý, vận hành các khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư	241.023.975.782	230.836.446.574
Dịch vụ tư vấn xây dựng và thí nghiệm vật liệu xây dựng	20.465.730.593	9.847.455.503
Dịch vụ du lịch	24.536.340.446	21.458.505.069
Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	5.486.021.737	15.453.933.953
Doanh thu về phí duy trì và phát triển thương hiệu	1.261.970.454	1.419.167.965
Dịch vụ khác	47.015.204.142	35.996.779.236
Doanh thu hợp đồng xây dựng	94.400.178.703	56.610.739.603
	8.138.778.814.139	7.819.904.600.274

**32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	5.581.192.119.995	5.691.208.671.929
Giá vốn hàng hóa bất động sản	891.368.348.624	1.307.241.722.784
Giá vốn bán các sản phẩm kính, gương	805.520.546.875	995.360.888.609
Giá vốn bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện	664.450.972.433	657.033.044.884
Giá vốn bán các sản phẩm gạch ốp lát	1.503.315.898.760	1.207.298.904.837
Giá vốn bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	1.587.988.093.859	1.399.234.311.554
Giá vốn bán các sản phẩm bao bì, má phanh	24.213.351.654	30.959.275.015
Giá vốn bán sản phẩm bê tông khí	34.656.306.470	32.751.001.495
Giá vốn bán cát trắng thủy tinh	18.552.443.954	22.843.823.366
Giá vốn hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản	26.634.658.865	22.624.419.395
Giá vốn bán hàng khác	24.491.498.501	15.861.279.990
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	488.348.569.054	357.370.168.124
Giá vốn dịch vụ cho thuê Bất động sản, hạ tầng	204.238.973.799	110.507.855.375
Giá vốn các dịch vụ liên quan tới quản lý, vận hành các khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư	194.055.650.941	168.907.846.589
Giá vốn dịch vụ tư vấn xây dựng và thí nghiệm vật liệu XD	17.980.448.851	7.985.271.920
Giá vốn dịch vụ du lịch	21.493.647.818	22.340.077.457
Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	538.505.801	12.904.039.479
Giá vốn dịch vụ khác	50.041.341.844	34.725.077.304
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	83.817.449.288	48.895.182.369
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.740.199.667	5.550.433.063
	6.160.098.338.004	6.103.024.455.485

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.908.588.827	20.326.161.946
Lãi bán các khoản đầu tư ^[1]	37.197.319.152	4.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.968.866.678	4.005.796.929
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.126.567.835	2.743.507.666
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.843.051.437	2.689.051.458
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.239.786.117	2.414.384.473
Doanh thu hoạt động tài chính khác	149.002.098	72.444.480
	85.433.182.144	32.255.846.952

[1] Lãi bán các khoản đầu tư năm 2016: 37.197.319.152 VND là khoản lãi khi thoái vốn tại Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều được xác định bằng chênh lệch giữa khoản công ty mẹ thu được từ việc thoái vốn trừ đi phần tài sản thuần của Công ty con được công ty mẹ chuyển nhượng cho các bên khác và phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ đến thời điểm thoái vốn.

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	160.691.343.002	161.134.244.197
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	25.333.746.273	32.016.069.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.660.434.134	4.102.275.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.570.677.472	1.373.673.443
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	11.489.936.265	(453.518.699)
Chi phí tài chính khác	292.385.268	332.726.184
	202.038.522.414	198.505.470.495

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.427.642.843	19.693.463.704
Chi phí nhân công	78.953.566.889	70.498.765.465
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	9.578.503.237	14.490.191.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.418.758.170	1.759.791.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.007.252.878	251.054.780.261
Chi phí khác bằng tiền	240.513.476.203	179.677.168.092
	560.899.200.220	537.174.161.143

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.242.777.133	830.777.971
Chi phí nhân công	198.638.549.315	175.303.936.379
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	6.428.970.197	2.189.038.676
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.808.216.254	33.995.974.211
Thuế, phí và lệ phí	27.711.786.127	23.468.292.880
Chi phí dự phòng	17.151.659.482	14.983.373.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.775.902.588	55.244.029.274
Chi phí khác bằng tiền	154.659.433.450	128.104.995.147
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ ^[1]	61.000.000.000	10.000.000.000
Lợi thế thương mại	692.311.532	692.311.532
	550.109.606.078	444.812.729.402

[1] Trong năm 2016, Tổng Công ty (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long (Công ty con) đã thực hiện trích Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ với số tiền lần lượt là 48.000.000.000 VND và 13.000.000.000 VND. Việc trích lập quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ được căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 10, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính.

37. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	499.430.242	1.033.855.600
Thu nhập từ bán vật tư cho công trình	661.976.447	5.257.266.838
Thu nhập từ bán dầu Diesel, dầu máy, dầu thủy lực	532.070.339	504.703.809
Thu từ bán phế phẩm, thanh lý vật tư	904.496.081	2.759.169.926
Thu từ xử lý công nợ	787.995.928	999.418.826
Lãi vay được miễn giảm	15.242.346.471	29.815.103.280
Thu nhập từ tiền bồi thường do nhà nước thu hồi đất	-	1.400.888.870
Tiền thuê đất không phải trả khách hàng	5.959.123.539	58.130.541
Tiền thuê đất tại khu công nghiệp không phải trả	5.225.960.085	-
Thu từ các dịch vụ cho thuê nhà, điện, nước	23.475.244.148	16.659.660.667
Thu nhập khác	8.663.188.320	4.516.733.686
	61.951.831.600	63.004.932.043

38. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	56.522.288	964.476.413
Chi phí bán phế phẩm, thanh lý vật tư, công cụ không sử dụng	725.128.682	5.456.555.299
Giá vốn của vật tư bán cho công trình	-	2.471.639.838
Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	14.129.141.624	4.046.324.802
Thuế truy thu và các khoản phải nộp ngân sách khác	28.246.933.276	40.305.414.173
Trích trước dự phòng phải trả ngân sách nhà nước	12.000.000.000	59.095.577.685
Chi phí lãi chậm nộp Bảo hiểm	2.087.835.730	2.782.990.223
Chi phí trong giai đoạn ngừng sản xuất để sửa chữa	3.927.847.472	4.594.211.659
Xử lý công nợ và quyết toán số liệu các chi nhánh ngừng hoạt động	-	2.482.226.928
Chi phí các dịch vụ cho thuê nhà, điện, nước	22.938.753.941	13.848.237.218
Chi phí khác	11.649.592.818	4.743.290.749
	95.761.755.831	140.790.944.987

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty mẹ	77.858.464.529	64.978.958.930
Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	6.059.665.576	-
Công ty Cổ phần Bao bì và má phanh Viglacera	392.532.595	25.248.349
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	4.041.790.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh	33.030.042	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera	182.821.079	232.833.915
Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera	4.699.175.555	3.656.023.543
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	-	-
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	14.354.415.000	10.710.199.441
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	2.773.414.325	3.769.896.283
Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải	1.119.163.815	1.022.453.134
Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera	984.500.481	311.130.891
Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì	5.118.968.717	658.422.182
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	27.068.886.746	28.691.233.563
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	6.116.028.801	2.934.034.979
Công ty Cổ phần Vinafacade	27.420.870	79.717.204
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	998.350.239	766.888.073
Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera	77.537.090	83.799.427
	151.906.165.460	117.920.839.914

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	513.750.218.906	327.795.050.641
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	513.750.218.906	327.795.050.641
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	281.344.220	264.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.826	1.239

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

41. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.418.180.825.821	3.150.639.629.808
Chi phí nhân công	1.345.671.637.475	1.204.070.081.857
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	144.934.809.070	136.378.567.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.442.659.237	416.999.260.301
Thuế, phí và lệ phí	35.821.898.466	23.409.748.041
Chi phí dự phòng	17.151.659.482	14.983.373.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	972.698.746.687	763.985.179.250
Chi phí khác bằng tiền	754.207.668.698	653.528.319.635
	7.107.109.904.936	6.363.994.159.729

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.054.085.576.436	-	708.453.871.600	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.438.937.822.800	(133.383.110.817)	1.483.872.859.424	(116.066.842.268)
Các khoản cho vay	12.182.300.000	-	12.477.975.465	-
Đầu tư dài hạn	4.452.682.344	(1.353.204.027)	12.346.709.835	(1.653.204.027)
	2.509.658.381.580	(134.736.314.844)	2.217.151.416.324	(117.720.046.295)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.146.146.438.406	2.240.357.322.575
Phải trả người bán, phải trả khác	1.448.364.695.310	1.483.522.400.046
Chi phí phải trả	794.719.334.956	696.975.298.663
	4.389.230.468.672	4.420.855.021.284

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.054.085.576.436	-	-	1.054.085.576.436
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.094.335.121.769	211.219.590.214	-	1.305.554.711.983
Các khoản cho vay	12.100.000.000	82.300.000	-	12.182.300.000
Đầu tư dài hạn	-	3.099.478.317	-	3.099.478.317
Cộng	2.160.520.698.205	214.401.368.531	-	2.374.922.066.736
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	708.453.871.600	-	-	708.453.871.600
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.159.240.657.532	208.565.359.624	-	1.367.806.017.156
Các khoản cho vay	12.295.675.465	182.300.000	-	12.477.975.465
Đầu tư dài hạn	-	10.693.505.808	-	10.693.505.808
Cộng	1.879.990.204.597	219.441.165.432	-	2.099.431.370.029

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	1.122.466.770.048	1.023.679.668.358	-	2.146.146.438.406
Phải trả người bán, phải trả khác	1.402.189.773.685	46.174.921.625	-	1.448.364.695.310
Chi phí phải trả	778.851.254.273	15.868.080.683	-	794.719.334.956
	3.303.507.798.006	1.085.722.670.666	-	4.389.230.468.672
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	1.429.033.458.824	811.323.863.751	-	2.240.357.322.575
Phải trả người bán, phải trả khác	1.443.262.341.867	40.260.058.179	-	1.483.522.400.046
Chi phí phải trả	685.445.692.646	11.529.606.017	-	696.975.298.663
	3.557.741.493.337	863.113.527.947	-	4.420.855.021.284

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

43. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 20/02/2017, Tổng Công ty Viglacera - CTCP đã hoàn tất giao dịch bán 180.940 cổ phần sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera, mã chứng khoán: VIMC (tương đương 26,72% số cổ phiếu có quyền biểu quyết), giảm sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty Viglacera - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera còn: 176.060 cổ phần (tương đương 26% số cổ phiếu có quyền biểu quyết).

Ngày 09/03/2017, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 đã ban hành Nghị quyết số 28/TCT-ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành 120.000.000 cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty Viglacera - CTCP từ 3.070 tỷ VND lên 4.270 tỷ VND; Phương thức phát hành: Đấu giá công khai 120.000.000 cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Thời gian chào bán: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời gian cụ thể cho việc phát hành, dự kiến trong Quý 2 năm 2017 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; Giá khởi điểm dự kiến: 12.200 đồng/cổ phiếu.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

44. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Nhóm bất động sản và xây dựng	Nhóm Kính, Sứ, Sen vôi, Phụ kiện	Nhóm gạch ốp lát	Nhóm gạch, ngói đất sét nung	Các bộ phận khác	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.738.169.592.815	2.143.929.834.569	1.965.523.116.255	2.059.030.595.668	232.125.674.832	-	8.138.778.814.139
Giá vốn của hàng bán	1.391.999.377.304	1.469.971.519.308	1.503.315.898.760	1.587.988.093.859	206.823.448.773	-	6.160.098.338.004
Lợi nhuận gộp	346.170.215.511	673.958.315.261	462.207.217.495	471.042.501.809	25.302.226.059	-	1.978.680.476.135
Tổng chi phí mua TSCĐ	671.824.954.202	304.240.043.609	53.994.252.718	133.766.908.586	9.907.855.713	-	1.173.734.014.828
Tài sản bộ phận	10.611.591.259.176	1.954.596.530.000	1.384.099.118.220	1.449.848.657.430	301.440.651.545	(3.027.189.437.529)	12.674.386.778.842
Tài sản không phân bổ							315.075.349.212
Tổng Tài sản	10.611.591.259.176	1.954.596.530.000	1.384.099.118.220	1.449.848.657.430	301.440.651.545	(3.027.189.437.529)	12.989.462.128.054
Nợ phải trả của các bộ phận	7.629.514.987.343	1.755.579.028.547	1.041.917.119.441	900.602.585.074	214.361.342.863	(2.919.626.982.260)	8.622.348.081.008
Tổng nợ phải trả	7.629.514.987.343	1.755.579.028.547	1.041.917.119.441	900.602.585.074	214.361.342.863	(2.919.626.982.260)	8.622.348.081.008

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

45. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

GIAO DỊCH PHÁT SINH TRONG NĂM:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ		65.833.789.946	63.154.568.042
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết	41.737.067.432	43.654.743.232
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	448.228.387	414.392.279
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Công ty liên kết	7.114.207.343	189.255.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	6.188.268.397	18.768.564.531
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	149.323.000	127.613.000
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	Công ty liên kết	9.954.244.242	-
Công ty Cổ phần Visaho	Công ty liên kết	242.451.145	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		206.446.230.519	3.373.945.603
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	1.486.040.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Công ty liên kết	291.887.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	165.299.411.282	2.921.908.294
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	1.013.506.000	452.037.309
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	Công ty liên kết	23.671.819.858	-
Công ty Cổ phần Visaho	Công ty liên kết	14.683.565.779	-
Cổ tức được chia		22.628.361.678	3.688.942.429
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết	22.378.361.678	3.688.942.429
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	250.000.000	-

SỐ DƯ TẠI NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		6.770.293.572	12.333.180.845
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết	1.191.118.750	2.982.600.329
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	367.419.281	175.561.821
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Công ty liên kết	1.027.803.737	3.997.190.060
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	-	840.302.531
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	4.183.951.804	4.337.526.104
Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.287.517.946	355.209.899
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	125.294.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	1.201.225.390	315.209.899
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	-	40.000.000
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long II	Công ty liên kết	960.998.156	-
Phải thu ngắn hạn khác		59.812.304	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	59.812.304	-

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn		27.323.913.417	29.706.755.766
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	202.750.300	134.112.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	17.353.850.845	25.922.378.037
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	879.842.075	1.740.265.729
Công ty Cổ phần Visaho	Công ty liên kết	8.887.470.197	1.910.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.461.000	5.398.552
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	2.461.000	
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	-	5.398.552
Phải trả ngắn hạn khác		586.885.096	654.526.796
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	-	67.641.700
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Công ty liên kết	586.885.096	586.885.096

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	4.843.586.176	5.603.914.640

46. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước
		VND	VND
Báo cáo Kết quả kinh doanh			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.832.521.915.490	8.000.663.344.098
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12.617.315.216	180.758.743.824

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn







VIGLACERA

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, TP. Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3553 6660 | Fax : (84-4) 3553 6671
Email: info@viglacera.com.vn | Website: www.viglacera.com.vn